

PHỔ THÔNG

Giám-đốc. Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Năm thứ XII
1-10 1969

231

- Giảng-gải Thơ Hồ-xuân-Hương
NGUYỄN-VỸ
- Tội viếng Malacanang
Kỹ-sư ĐÀO-TỨ-LANG
(Phi-Luật-Tân)
- Minh-Mạng kết tội Lê-văn-Duyệt
Cô LƯU-HÀ
- Ngày cuối cùng của thành-phố Pompéi
TÂN-PHONG
- Văn-tế Nguyễn-thị-Giang
ĐÔNG-TÙNG
- Sinh-hoạt Trẻ :
Quán Hương Cỏ May
Cô THU-MAI
- Minh ơi, La Conquista dello spazio
DIÊU-HUYỀN

ĐẶC

BIỆT

PHỔ-THÔNG tăng cường



Năm thứ XII



Bạn đọc thân mến.

Đề kỷ niệm năm thứ 12 của Phổ-Thông tạp-chí và để đáp-ứng xứng-đáng với cảm-tình rất nồng-nhiệt của bạn đọc trung-thành với Phổ-Thông từ 12 năm nay, chúng tôi phát-hành những số Đặc-Biệt Liên-Tiếp, tăng cường :

từ số này, 231, ra ngày 1-10-69

Phổ-Thông tăng-cường thêm 32 trang, và nhiều trang in màu, thêm nhiều bài sáng-tác có giá-trị đặc-biệt, thêm sự hợp-tác của nhiều nhà Văn nhà Thơ nổi-danh trong Nước và ở Ngoại quốc, nhiều tài liệu học hỏi mới về Văn-Hóa Việt-Nam và Quốc-tế. Một số anh chị em sinh-viên Việt-Nam ở trong Nước và Hải-ngoại, đã đỗ cấp-bằng Đại-học, Cao học, tiếp-tục gửi bài đăng nhiều hơn trong Tạp-chí Phổ-Thông.

Bạn Đặng-văn-Chà, Giám đốc nhà Tổng phát-hành Nam-Cường, đã sốt sắng từ lâu năm trong việc phát-hành Tạp-chí Phổ-Thông, sẽ tiếp tay với

chúng tôi và gla-tăng hợp-tác để thêm khởi-sắc
quyền Tạp-chí Văn-hóa hiện-đại trong Văn-học-sử Việt
Nam.

✱ Bắt đầu từ số này, tất cả thư-từ liên-hệ đến
tiền bạc, ngân phiếu, bưu phiếu, đại-lý bán báo,
phát hành v.v... xin gửi về, hoặc trực-tiếp liên-lạc
với : Ông ĐẶNG-VĂN-CHÀ,

Tổng Phát Hành Phò-Thông Tạp-chí
185, Đại-lộ Nguyễn-thái-Học, Saigon.
Điện-thoại : 23.867

✱ Tất cả những bài Văn, thơ, lai-cảo, thư-tín về
Bộ Biên-tập, xin đề gửi như thường lệ : ông Nguyễn.
Vỹ,

Giám-đốc, Chủ-bút tạp-chí Phò-Thông
Tòa-soạn : 231, Phạm-ngũ-Lão, Saigon
Điện-thoại : 25.861



Phổ-Thông 232 (15-10-69)
cũng thêm 32 trang bài,
ruột in màu, bìa offset.

★ ★ ★ ★ **BỘ BIÊN-TẬP** ★ ★ ★ ★
★ của **PHỔ-THÔNG TẠP-CHÍ** — **NĂM THỨ XII** ★

- | | |
|-------------------|---|
| ● NGUYỄN-VỸ | Xã-luận
Văn thơ V.N. và Thế-giới |
| ● DIỆU-HUYỀN | Mình ơi
Thơ Lên Ruột
Đáp bạn bốn phương
Văn.hóa đồng-quát
Văn.học Quốc-lẽ
Sử-ký Việt-Nam |
| ● TÂN-PHONG | » » |
| ● NGUYỄN-HIỆN-LÊ | » » |
| ● PHẠM-VĂN-SƠN | » » |
| ● ĐÔNG-TÙNG | » » |
| ● NGUYỄN-QUANG | » » |
| ● VƯƠNG-HỒNG-SẼN | Khảo-cổ |
| ● TRẦN-TUẤN-KHẢI | Nho-giáo |
| ● VŨ-MINH-THIỆU | Truyện dịch ngoại-quốc |
| ● JAYA PANRANG | Văn.hóa Chăm |
| ● LÊ-HƯƠNG | Văn.hóa Miền, Lào |
| ● BÀ ÁI-LAN | Phong-hóa Miền Trung |
| ● SƠN-NAM | » Miền Nam |
| ● CAO-NGUYỄN-LANG | » Miền Bắc |
| ● LAN-ĐÌNH | Phê-bình sách |
| ● GIANG-TÂN | Sưu-tầm chuyện ngoại-quốc |
| ● SĨNGUYÊN | » » |
| ● CHU-MINH-THUY | » » |
| ● HOÀNG-THẮNG | Sinh-hoạt văn-nghệ miền Nam |

- **CÔ PHAN-THỊ-THU-MAI** *Sinh-hoạt trẻ*
Sinh-hoạt Đại-học, Trung-học
- **Giáo-sư NGUYỄN-QUANG-TÔ** *Cao-học văn-chương*
giáo-khoa
- **BÀ TƯƠNG-PHỐ** *Văn-học phụ-nữ*
- **TÔN-NỮ HỖ-KHUƠNG**
- **TÍN-KHANH** *Khảo-cứu Lôi-vật*
- **TRỌNG-TẤU** *Trào-phúng*
- **THU-MINH** *Phóng sự thời đại*
- **B.S. HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG** *Đông Tây Y.dược*
- **Quan-Tòa HUỖNH-KHẮC-DỤNG** *Luật pháp*
- **Tiến-sĩ VÕ-QUANG-YẾN (Paris)** *Khoa-học Không-gian*
- **Giáo-sư DƯƠNG-BẢO (Paris)** *Sinh-hoạt Việt-kiều ở Pháp*
- **Giáo-sư NG-VĂN-CỒN (Paris)** *Văn-hóa Pháp*
- **NG-KHẮC-TIẾN-TÙNG (Munich, Tây Đức)** *Khoa-học*
chính-trị
- **Sinh-viên NG-THỊ DIỆU-PHƯƠNG (Grenoble)** *Sinh-hoạt*
sinh-viên V.N. ở Pháp
- **Sinh-viên NG-TRÍ-THIỆN (Genève)** *Sinh-hoạt S.V. ở*
Âu-Châu
- **Sinh-viên NG-TẤN-PHƯƠNG (Texas)** *Sinh-hoạt S.V.*
ở Mỹ
- **Thạc-sĩ PHÙNG-LÊ-ÁNH (Manila)** *Lý-Hóa học*
- **Sinh-viên LÊ-THỊ-TỐ-TÂM (Tokyo)** *Văn-hóa Nhật*
- **Tiến-sĩ TÔN-NỮ THANH-NHUNG (Califonia)** *Văn-hóa*
Mỹ-châu

TỔNG PHÁT-HÀNH Việt-Nam và Ngoại-quốc :
NAM-CƯỜNG — Saigon

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
 PHO BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút ; Nguyễn-Đệ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 231 — 1-10-1969

1 — Bầy chuột cống	N.V	9 — 10
2 — Những trang nhật ký của Tống-Thống Truman	Lâm-tùng-Sinh	11 — 23
3 — Vua Minh-Mạng kết tội Lê-văn-Duyệt	Lưu-Hà	24 — 29
4 — Âm thầm (thơ)	Phan-thụy-Mai	30
5 — Một thương gia Hòa-Lan	Lê-Hương	31 — 39
6 — Tôi viếng Malacanang	Đào-tử-Lang	40 — 46
7 — Saigon lai rai	Hoàng-Thắng	47 — 51
8 — Bữa củi thuê (thơ)	Phạm Ngọc Vĩ Quang	52
9 — Ngày cuối cùng của thành phố Tân Phong	Đông Tùng	53 — 58
10 — Văn tế liệt nữ Ng-thị-Giang	Mỹ-Khanh	59 — 65
11 — Cái tủ sách (truyện ngắn)	Bà Tương-Phổ	66 — 75
12 — Thương tâm (thơ)		76
13 — Nho giáo dưới thời đại nguyên-tử	Trần-tuấn-Khải	77 — 80
14 — Hồ Xuân Hương	Nguyễn-Vỹ	81 — 85
15 — Đọc «Mùa xuân âm thầm»	Lan-Đình	86 — 88
16 — Cụ Nguyễn-thế-Truyền	Nguyễn-Vỹ	89 — 90

W278290

10/10

17 — Minh ơi	Diệu-Huyền	91 — 102
18 — Tiếng nói của thế hệ	Thích-Tâm-Quang	103 — 110
19 — Chiều chiến địa (thơ)	Nguyễn-trọng-Nhơn	111
20 — Phong-hóa V.N. xưa nay	Cao-ng-Lang	112 — 118
	Bà Ái-Lan	119 — 125
21 — Chuyện quái đản khoa-học	Giang-Tân	126 — 132
22 — Ngán con chim hót trong đầu (thơ)	Tôn-hoài-Mộng	133
23 — Sinh Hoạt Trẻ	Thu-Mai	134 — 138
24 — Thơ lên ruột	Diệu-Huyền	139 — 140
25 — Ghép tim	Hoàng-mộng-Lương	141 — 148
26 — Sinh khí văn nghệ	Hoàng-Thắng	149 — 150
27 — Giải thưởng văn học của Tổng-thống VNCH	P.T	152 — 153
28 — Thư bạn đọc		154 — 158
29 — Sách báo mới		159 — 160

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỔ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỔ-THÔNG**, printed in Việt Nam.



Bảy chuột công bu quanh một xác chết

LÚC còn sống, cụ **NGUYỄN-THẾ-TRUYỀN** không được ai săn sóc xót thương đến cả. Cụ không có một căn nhà riêng để ở, một công việc xứng đáng để làm, một người bạn tâm giao để tri kỷ.

Toàn là những kẻ lợi-dụng cụ. Từ lúc cụ ở căn nhà hoang ở Đà-lạt, xuống Saigon ở một cái chái sau trong một biệt-thự Luật-sư, đường Pasteur, rồi một căn gác trọ lụp-xụp trong ngõ hẻm Trần-bình-Trọng, một căn nhà ở Bà Chiểu, một cái buồng chật hẹp ở trụ sở một bè đảng, một phòng «giám» ở tầng ba một nhà buôn đường Ngô Tùng Châu v.v.. Cụ Nguyễn-Thế-Truyền bị hết bọn người này đến bọn người khác gạt gẫm, nuôi cơm nuôi rượu để dẫu cơ cái uy tín còn sống sót của cụ, để buôn bán kiếm lợi kiếm danh. Rồi khi chúng thấy không dùng cụ được việc, không khai thác cụ được gì, chúng tìm cách lờ cụ đi, hất cụ ra, xua đuổi cụ. Có kẻ bám vào cái tên của cụ để kiếm ăn, được một thời gian lại quay lại chửi rửa cụ, bêu xấu cụ.

Tôi đã thấy tận mắt tất cả những cái ấy. Thỉnh thoảng cụ nói cho nghe tất cả những chuyện bí đời ấy.

Rồi bây giờ cụ chết. Biết thân phận mình, cụ trời lại một câu: «gói xác tôi trong chiếc chiếu đem chôn».

Nhưng Cụ vẫn không được thỏa mãn sau khi nhắm mắt. Chúng có để yên xác chết của cụ đâu! Bọn con buôn... đánh... lợi, bọn phù thủy, pháp-sư, bọn xoi thịt bắt cổ liên si, đem xác chết của cụ rêu-rao làm món chiêu hàng. Ông thì nêu danh trưởng ban lo đám tang của cụ, kẻ chánh trị 3 xu thì kêu gào làm tiểu ban tổ-chức «đám tang», nay họp ở trụ sở Bắc Việt, mai nhóm ở nhà thờ cụ Phan chu Trinh, rồi ở Quốc Hội, làm nhặng lên chung quanh xác chết của ông già khốn khổ.

Em của cụ, cháu của cụ, cũng đành đứng ngó bầy Chuột-cống tanh hôi giành dật nhau, bu chung quanh quan tài của nhà cách-mạng cõ-lão cuối cùng chống thực dân, Cộng sản. Thật tội nghiệp cho cụ!

Tôi viết bài này để làm chứng tích cho những thế-hệ sau.



- Xin xem bài «cụ Nguyễn-Thế-Truyền» ở trang 89.

Những trang nhật ký của Tổng-Thống **TRUMAN**

Về chiến-tranh TRIỀU-TIÊN

● Sơu khảo của LÂM-TÙNG-SINH

L.T.S. — Nhân cuộc chiến-tranh Việt Nam hiện nay, chúng tôi xin hiến bạn đọc những trang nhật-ký của cựu Tổng-Thống Mỹ, Harry Truman, về chiến-tranh Triều-Tiên (1950-1953) Các bạn có thể tìm hiểu trong đó nhiều bài học trong chánh sách của Mỹ đối với chiến-tranh chống Cộng ở Đại-Hàn và Việt Nam.

PHỖ-THÔNG

Lời nói đầu.

ĐỂ nhị thế chiến chấm dứt, hiệp-hòa phát xít không còn nữa, cộng sản quốc tế «lên chân».

Đề bành trướng chủ nghĩa và thế lực, Staline áp dụng chiến thuật tâm ăn dẫu, chọn các quốc gia kém mở mang và chậm tiến ở Á Phi làm bàn đạp mưu toan xích hóa toàn thế giới.

Được đầy máu ăn phần ở chiến trường Viễn Đông, lợi dụng quyền giải giáp quân đội Nhật ở Trung-Hoa, lấy số vũ khí đó trang bị cho quân đội của Mao Trạch Đông để họ Mao cướp chính quyền năm 1949, qua năm sau Nga Hoa tiến đến thôn tính Triều Tiên.

Giữa lúc Triều Tiên sắp bị rơi vào tay Bắc Hàn thì Hoa kỳ kịp tung quân sang bảo

NHỮNG TRANG NHẬT KÝ

vệ quốc gia này. Sự xuất hiện của Đại Tướng Mac Arthur, Tổng chỉ huy trưởng quân lực Đồng Minh trên chiến trường Viễn Đông, đã lật ngược thế cờ khiến Cộng quân thua liểng xiểng, phải chịu ngồi vào bàn hội nghị Bàn-môn-Điêm.

Song Mac Arthur, một danh tướng 35 năm kinh nghiệm trên khắp chiến trường, một vị tướng lãnh trí dũng song toàn, không chấp nhận lối đánh nửa chừng của Tổng thống Hoa kỳ. Ông quyết đánh tan Hàn Cộng và tiến xa hơn nữa là đưa quốc quân lên giải phóng lục địa Trung Hoa. Tướng Mac phản đối quyết liệt sự dụt dè của Tổng thống Truman, vì ông này sợ mang tiếng là «hiếu chiến», là «kẻ gây nên thế chiến thứ ba» v.v...

Sau cùng Tổng Thống Truman phải triệu hồi tướng Mac về Mỹ trao quyền chỉ huy tối cao quân lực Đồng minh cho Trung-Tướng Ridgway.

Dưới đây là những trang nhật

ký của T.T. Truman.



Giải phóng SÉOUL

«Ngày 15-9-1950. Sau khi đổ bộ xuống Inchon, đệ nhất hạm đội thủy quân và đệ thất sư đoàn bộ binh Đồng Minh tiến thẳng xuống Séoul và giải phóng thành phố này vào ngày 28-9.

Ngay từ ngày 27, nội các Lý-Thừa-Văn đã tái lập xong nền cai trị hành chánh của tỉnh này.

Tin điện đánh về Tòa Bạch Cung, tôi (Tổng-Thống Truman) liền đánh điện tín ban khen đại tướng Mac Arthur, Tổng chỉ huy trưởng quân lực Đồng Minh trên chiến trường Đại Hàn.

4 ngày sau (2-10), tướng Mac lại báo tin cho tôi hay rằng : «Quân đội Nam Hàn đã tiến gần đến vĩ tuyến 38. Sức tiến của Đồng Minh gần như không gặp sức đối kháng. Hàng ngũ đối phương gần như rối loạn».

NHỮNG TRANG NHẬT KÝ

Qua ngày mồng 3, Bộ Tổng Tham Mưu ở Hoa-Thịnh-Đồn lại nhận được nhiều điện tín từ bên kia Thái Bình Dương đánh về, tất cả cùng tương tự như nhau : «Quân Trung Cộng hăm dọa sẽ gửi quân sang Đại Hàn...», Châu Ân Lai đã tuyên bố với ông Panikkar, đại sứ Ấn Độ ở Bắc kinh rằng : «Nếu quân đội Liên Hiệp Quốc vượt qua vĩ tuyến 38 thì Trung Cộng bắt buộc phải gửi quân sang viện trợ cho Bắc Hàn... Nhưng hành động này sẽ không có nếu Đồng Minh không trực tiếp tiến quân vượt ranh giới 38...»

Tôi cảm thấy sự quan trọng của chiến tranh cao Ly sẽ là ngòi thuốc súng bùng nổ thế chiến thứ ba, bèn cấp tốc gửi những tin kia cho tướng Mac hay và kèm theo những lời căn dặn :

«Trong trường hợp đụng độ với những lực lượng quan trọng của Trung Cộng, dù chúng công khai ra mặt hay lén lút «ngụy trang, Đại tướng phải khéo léo cầm chân chúng ; đừng

vội dẫn mình vào cuộc chiến khốc liệt... Và Đại tướng phải điện ngay về Hoa Thịnh Đồn xin lệnh trước khi dự định một hành động quân sự cần thiết.

Nhưng tôi vẫn chưa vững bụng. Tôi quyết định gặp riêng Mac để nắm vững tình thế và nghị bìn. Tôi bèn chọn đảo Wake là nơi thuận tiện nhất cho cuộc gặp gỡ hệ trọng này, và thời gian là sáng sớm ngày 12-10-1950.

Cuộc gặp gỡ trên đảo Wake

Lên chiếc phi cơ riêng Independance, khởi hành từ Hoa Thịnh Đồn chiều 11-10, đến 6 giờ 30 thì phi cơ hạ cánh xuống phi trường Wake. Tôi được Đại tướng Arthur chờ đợi sẵn từ sân bay tiếp nước.

Chúng tôi mượn tạm văn phòng của ông giám đốc phi trường làm nơi hội họp.

Hơn một tiếng đồng hồ trình

bày cận kề tình hình chiến sự với tôi, Đại tướng Mac cả quyết với tôi rằng thắng lợi về phe Đồng Minh kể như đã nằm chắc ngay từ bây giờ. Ông còn cam đoan rằng quân đội Trung cộng sẽ không can thiệp vào chiến cuộc Đại Hàn. Vẫn theo lời Đại tướng thì ông đang tiến tới việc ký kết một hòa ước với Nhật bản, hòa ước này nhằm mục đích để Nhật Hoàng sẽ không tỏ thái độ tán thành hoặc phản đối sự hiện diện của quân lực Đồng Minh tại Cao Ly.

Nghe tướng Mac trình bày xong, tôi nhắc nhở Mac vài chi tiết về sự cần thiết phải tăng cường quân lực trong việc liên minh phòng thủ Châu Âu. Đại tướng không những đã tỏ ra hết sức thông cảm với vị chỉ huy tối cao của ông ta, mà ông còn hứa với tôi là sẽ có thể, chỉ trong vòng tháng 1-1951, giảm bớt một sư đoàn Đồng Minh ở Cao Ly để đưa về Âu Châu.

Thấy Đại tướng chân thành và lạc quan trong cuộc hội họp

tay đôi này, tôi cũng tin tưởng lắm, vui vẻ xiết chặt tay Mac.

Đoạn tôi dẫn Mac qua một gian phòng bên, nơi các nhân vật tối cao trong Bộ Tổng Tham Mưu Hoa Thịnh Đốn đang chờ đợi. Mục đích của tôi là đề cho Mac có cơ hội nhắc lại những lời ông ta vừa nói với tôi.

Và trước mặt các nhân vật này, tôi đã hỏi lại Đại tướng:

— Đại tướng có thể cho tôi biết sự nguy hiểm có thể xảy ra nếu quân đội Nga Xô hoặc Trung Cộng công khai can thiệp vào chiến trường?

Đại tướng cho ra hai giả thuyết.

1) Về Trung Cộng, theo Đại tướng, thì họ không dám can thiệp mạnh mẽ. Số quân Trung

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

Cộng gửi sang Bắc Hàn, dù có nguy trang chẳng nữa, cũng không thể quá con số 50, 60 ngàn. Nhưng chắc chắn là số quân này không có không quân yểm trợ.

2) Còn về Nga Xô thì họ có một không lực hùng mạnh thật đấy.

Nhưng ông kết luận rằng cả hai số phạm, lượng (phi cơ, hỏa tiễn và khả năng kỹ thuật) của Nga Xô đều kém hẳn Hoa kỳ. Ông còn nói rằng, nếu có muốn, Nga Xô cũng khó cất được một đạo quân khả dụng đương đầu với Đồng Minh trước mùa Đông.

Sau cùng ông nói cũng có thể có sự phối hợp giữa hai đạo Không và Lục quân Nga Hoa: Phi cơ Nga yểm trợ bộ binh Trung Cộng. Và cũng, theo ông thì, dù có, sự phối hợp này cũng không là mối lo ngại cho Đồng Minh.

Ông còn tỏ vẻ mai mỉa, khinh thường nói:

— Chúng sẽ làm trò trống gì: Bộ binh Trung Cộng dưới đất,

không quân Nga Xô trên trời!

Cuộc hội họp bế mạc vào lúc 9 giờ. Đại tướng phải vội vàng trở về Đông Kinh, còn tôi và đoàn tùy tùng lên Independence giả từ đảo Wake.

Trước khi chia tay, tôi cầm chặt tay Đại tướng, chúc Mac mau chiến thắng và ao ước không phải lâu chờ đợi cuộc tái ngộ trong giờ phút khải hoàn ca.

Quyết định của Mac làm tôi lo lắng

Suốt tháng 10 năm đó, những tin điện từ Cao Ly về Tòa Bạch cung cho hay rằng quân Đồng Minh vẫn tiến đều về phía Bắc Triều Tiên, không gặp một sức đối kháng đáng kể nào.

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CŨM

Tối ngày 19 (tháng 10) quân đội Nam Hàn đã chiếm được thủ đô Bắc Hàn (Phioeng-yang). Nhưng qua ngày 20, phòng quân báo Hoa kỳ nhận được nhiều báo cáo cho hay rằng có nhiều đạo quân Trung Cộng khả dụng đã tiến đến trấn giữ trung tâm điện lực Sui-Ho và các chi nhánh dọc theo sông Yabe.

Thế nghĩa là Trung Cộng đã công khai nhảy vào mặt trận Bắc Hàn. Nhưng mãi tới ngày 31-10, tin này mới được chính thức gửi về Hoa Thịnh Đốn. do sự phát giác của Bộ tham mưu đệ thập quân đoàn đang chiếm đánh Won-San. (Kết quả sau những cuộc điều tra từ binh Bắc Hàn do quân đội Mao trách Đồng nguy trạng. Những tù binh này khai chúng đã vượt sông Yabe từ ngày 16, nghĩa là sau cái ngày mà Đại tướng Mac cam quyết với tôi rằng : nếu Trung Cộng xua quân sang Đại Hàn, chúng sẽ chỉ đón nhận sự thảm bại).

Tôi không khỏi lo lắng, đánh

điện ngay cho các tướng lãnh chỉ huy liên quân Đồng Minh thử hỏi xem Mac có ý kiến gì về sự thay đổi cục diện quan trọng này không.

Qua ngày 4-11, tôi được Mac đánh điện về xin rồi cứ bình tĩnh đừng vội nóng lòng trước một quyết định mau chóng nào cả và mong tôi đừng lo sợ sự hiện diện của Trung Cộng tại đây có thể làm ngòi cho một trận thế giới chiến bùng nổ.

Nhưng hai ngày sau, tức là ngày 6, tôi tiếp nhận được một tin cấp báo : ông Dean Acheson, chỉ huy trưởng không lực ở Kansas City, cho hay ông ta vừa nhận được điện tín của Đại tướng Arthur ra lệnh cho ông phải ném bom phá hủy tất cả các cầu

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM * NGON * NGỌT

cổng dọc sông Yabe, bắt ngang Sinuifu (Đại-Hàn) và An-Toung (Mãn-châu-loan). 90 chiếc B.29 phải cất cánh rời phi trường vào 13 giờ (giờ Hoa-Thịnh-Đốn) để thi hành lệnh này.

Tôi trả lời rằng tôi chỉ chấp thuận hành động này nếu xét ra không có thể xảy ra nguy cơ đại chiến.

Acheson đáp rằng : ông không hề biết và nhận thêm được tin tức mới mẽ nào của Mac, ngoại trừ bởi sự cố mật của Trung Cộng ở dọc bờ bên kia sông Yabe.

Lập tức tôi ra lệnh cho Acheson phái Robert Lovett, viên bí thư của ông ta, bay ngay sang chiến trường để xem xét tình thế.

Mãi tới 11 giờ 40, nghĩa là chỉ trước khi 90 chiếc phi cơ B.29 này phải cất cánh có 80 phút, các tướng lãnh lực lượng liên quân Đồng Minh mới điện báo cho Đại tướng Mac hay rằng cần phải nghiên cứu lại trước

khi thực hành quyết định trên, vì không thể tự động oanh tạc xuống lãnh thổ Mãn-châu-loan trước khi có sự thỏa thuận của Anh-cát-lợi (bởi lúc này Anh quốc đang đóng quân kiểm soát Mãn châu loan). Trong khi chờ đợi sự ưng thuận của Anh, đại tướng phải tránh mọi sự xâm phạm biên giới Mãn châu trong vòng 8 cây số ngàn. Và, Đại tướng được yêu cầu phải gửi về Hoa Thịnh Đốn bản tường trình hợp lý về những lý do mà ông ta đã ra lệnh oanh tạc các cầu cống dọc sông Yabe.

Nên chọn giải pháp nào ?

Đây bản tường trình của tướng Mac Arthur :

— «6-11-1950

Hàng chục quân đoàn Trung Cộng đã từ ngã Mãn-châu-loan kéo tới đóng dày đặc khắp phía bên kia các cầu dọc sông Yabe. Sự kiện này không những có thể đe dọa lực lượng Đồng Minh dưới quyền

tôi chỉ huy mà có thể đưa chúng tôi tới sự bị tiêu diệt hoàn toàn...

Chỉ có một biện pháp độc nhất để nâng cao sự tăng cường quân lực của đối phương là chúng ta phải hủy tất cả cầu cống, bằng tất cả không lực của chúng ta, bắt ngang giong sông Yabe này.

Mỗi một giờ chậm trễ, mỗi một giờ quyết định kia chưa được áp dụng là thêm bao nhiêu xương máu của quân đội Đồng Minh sẽ bị gấy đổ đè lấp vào do dự kia.

Tôi tạm hoãn quyết định này và tuân theo lệnh của Tổng Thống. Nhưng riêng tôi, tôi rất bất mãn. Cái điều mà tôi dự định thật là hợp lý với luật lệ chiến tranh cũng như với sự quyết định và sự chỉ dẫn mà tôi đã nhận lãnh với các quốc gia Đồng Minh. Hành động này, theo tôi không đáng gì tới sự gây hấn với Lục Địa Trung Hoa cả. Tôi không còn biết nói thế nào hơn nữa về kết quả thảm khốc sau này, về cả hai phương diện tinh thần và vật

chất, gây nên bởi sự hạn chế, sự dặt dè mà Tổng Thống đã ra lệnh cho tôi...

Tôi xin Tổng Thống xét lại mà thay đổi quyết định; tôi xin chờ đợi cho đến khi được lệnh mới của Tổng Thống, và hứa sẽ cấp tốc thực hành ngay để tranh thủ thời gian đã mất.

Hai tuần lễ đầu tiên của tháng 12-1950 là những ngày đầy những nguy cơ, khủng hoảng. Những tin tức chiến sự từ Đại Hàn điện về Tòa Bạch Cung toàn những điều đáng lo ngại.

Đại tướng Collins, người được tôi gửi sang Nhật Bản và Đại Hàn để theo sát tình thế, đã đưa ý kiến thứ nhất này ra đề nghị với Mac :

— Chúng ta cứ giao tranh với lực lượng Trung Cộng trên Cao Ly. Nghĩa là quân đội của chúng ta chỉ hạn chế ở mức độ này : không oanh tạc các căn cứ quân sự địch ở Mãn châu loạn, không phong tỏa lục địa Trung-Hoa, không xin thêm viện binh..

nghĩa là không mở rộng trận chiến.

Nhưng Mac phản đối ý kiến này. Theo Đại tướng, Mac cho như thế là đã tự nhận sự đầu hàng, và như vậy trước sau chúng ta sẽ không khỏi tự ân hận vì đã phải rút lui khỏi vùng bán đảo này.

Và Đại tướng đưa ra ý kiến thứ hai.

— Đem lực lượng Đồng Minh phong tỏa lục địa Trung Hoa và oanh tạc miền Nam quốc gia này ; ông muốn tận dụng tất cả lực lượng quốc quân của Tướng giới Thạch vào chiến trường Triều Tiên và tung sang trấn giữ các vùng vừa oanh tạc này, bằng con đường Hồng Kông... «Nhưng cuộc hành quân ở bên kia ranh giới Đại Hàn sẽ có ảnh hưởng lớn lao tới sự phản ứng của quân lực Trung Cộng».

Cũng theo Mac, có thể có một lối thoát thứ ba là : có thể Trung Cộng sẽ ngừng tiến quân ở vĩ tuyến 38, và ở đấy, liên

quân Đồng Minh sẽ cùng chúng tôi đến chỗ ký kết một hiệp ước đình chiến.

Ông còn nói với tướng Collins rằng : Nếu không có giải pháp thứ hai của ông ta, thì sự tiến tới việc ký kết một hiệp ước ngưng bắn là một điều may mắn lắm cho phe Đồng Minh.

Đối với tôi thì giải pháp thứ hai của Mac Arthur : «Tung quốc quân Trung Hoa vào miền Nam nước họ» chỉ là một sự nhầm lẫn để lao mình vào một trận đại chiến thứ ba mà tất cả ai ai đều lo sợ. Tôi nói tôi không thể ngờ rằng chính Đại tướng Mac Arthur, là một nhân vật tên tuổi lừng lẫy nhất, suốt 35 năm trời trên pháp chiến trường quốc tế, lại có thể sơ ý đến nỗi không ước lượng trước rằng Trung Cộng sẽ có hành động phản ứng lại việc dội bom xuống các thành phố của họ như chúng ta (Mỹ) đã trả hận Trân châu cảng (Pearl Harbor) bị oanh tạc sao ? Tại sao Mac không nghĩ tới sự có thể, sau khi miền Nam

Trung Hoa bị oanh tạc, có sự can thiệp của hồng quân Nga sẽ viết? Và nếu như vậy, chúng ta sẽ phải đi tới cái đà oanh tạc Vladivostok, Transsibérien v.v...

Nghĩ tới những hậu quả lớn lao đó, nên tôi, người cầm đầu vận mệnh của Thế giới Tự do, và hoàn cầu nói chung, không thể xông pha vào một cuộc phiêu lưu mạo hiểm như Mac Arthur nghĩ được.

Và cũng như tôi, tất cả các nước dân chủ đều điện về Tòa Bạch Cung quyết liệt phản kháng ý định khai hãn kê trên, và sau buổi hội nghị bất thường của các nước trong Liên Hiệp Quốc ngày 14-12-1950, tất cả đã quyết định tiến tới việc ký kết một hiệp ước đình chiến.

Trong khi hiệp ước đình chiến còn ở thời kỳ dự thảo, thì, lúc ấy bước sang tháng 1-1951, quân đội Đồng Minh đã chặn đứng được Cộng quân ở một vài chiến tuyến.

Và trong cuộc thám sát miền

Viễn Đông của tướng Collins và Vandenberg, hai ông có điện về Hoa Thịnh Đốn cho hay rằng theo lời tướng Mac, nếu Nga Sô không ra mặt nhảy hãn vào vòng chiến, thì chiến tranh Đại Hàn dù có kéo dài lâu nữa cũng không gây sự tổn hại lớn lao cho đề bát bộ quân Đồng Minh đang tham chiến tại đây.

Tới tháng 3-1951, trong khi cuộc thương lượng ngừng bắn đang có nhiều triển vọng thành công thì Mac Arthur vẫn có cố bảo thủ lập trường của ông ta. Đại tướng nói: «Chúng ta đã chịu nhiều tổn thất vào lúc khởi hãn, và nay chúng ta đang đạt tới các mục đích dùng võ lực đẩy lui đối phương khỏi vĩ tuyến 38, và nếu không nhượng bước, chúng ta sẽ, chẳng bao lâu đâu đây lui Cộng quân khỏi giải đất Trung Hoa.»

Ngày 19-3, tôi bèn ra lệnh cho Acheson gửi cho Mac một thông điệp cấp bách buộc ông ta phải tuân theo chỉ thị đề tiến tới đình chiến.

Tướng Mac bắt tuân thượng lệnh

Cho tới ngày 24-3, sau nhiều lần tỏ ý phản kháng, tướng Mac gửi về cho tôi một bức điện tín, trong đó ông trình bày:

— «Những cuộc tiến quân của Đồng Minh đã đạt nhiều kết quả đúng như chương trình dự định của tôi. Chúng ta đã đẩy lui hãn cộng quân khỏi miền Nam Đại Hàn.

«Và trong những cuộc giao tranh, sự thắng lợi dễ dàng của chúng ta đã cho thấy hãn sự phối thai, yếu kém của kẻ thù mới: Trung-Hoa cộng sản, mà chúng đã khoắc lác tuyên bố về quân lực của chúng, chứ thực ra ngành kỹ nghệ nặng của chúng không thể đủ sức cung cấp một số vũ khí khả dĩ cung ứng cho một cuộc chiến tranh nguyên tử.

«Nhược điểm này mới chỉ được chúng ta khám phá từ khi Trung Cộng lao mình vào chiến cuộc Đại Hàn mà thôi. Mặc dù

nhờ sự hạn chế của quân đội Đồng Minh, đối phương cũng đã tỏ ra không thể dùng sức mạnh vũ khí để xâm chiếm vùng bán đảo này.

«Chính Trung Cộng cũng tự hiểu biết rằng, nếu chúng ta mở rộng trận chiến về phía chúng thì toàn thể quân lực của chúng sẽ bị chúng ta tiêu diệt trong một thời gian ngắn ngủi.

«Chúng ta không nên để đảng hy sinh một giải đất Đại Hàn đã đổ bao xương máu, đã bị tàn phá để dành lấy hai chữ Dân Chủ.

Tuy nhiên, với tất cả quyền hạn của vị chỉ huy trưởng, quân lực Đồng Minh, tôi sẵn sàng, bất cứ lúc nào, mang hết khả

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bào chế theo
công thức Hòa.Lan

năng của tôi để tìm một vài giải pháp quân sự để có thể thực hiện, nhưng mục đích chính trị của phe Đồng Minh tại Cao Ly mà không một quốc gia nào có thể phản đối được».

Gửi bức điện tín này, tức là đại tướng Mac Arthur đã tỏ ra không tuân lệnh vị chỉ huy tối cao, vị Tổng thống được toàn dân Hoa Kỳ tín nhiệm bầu cử tới hai lần.

Cũng bức điện tín này, Mac đã tỏ ý hăm dọa kẻ thù bằng một tờ hậu thư đề cho chúng biết rằng lực lượng Đồng Minh sẽ đè bẹp Trung hoa đỏ.

Lại nữa, như thế là đại tướng đã phản lại đường lối hòa bình của Mỹ quốc.

Cái kết quả sau khi bức điện tín của Mac gửi về Hoa Thịnh Đốn, là rất nhiều tín điện từ khắp các quốc gia dân chủ trên thế giới đánh về Tòa Bạch Cung hỏi :

— Thế nghĩa là thế nào ?

Phải chăng đường lối chính trị của Mỹ đã bắt đầu thay đổi ?

Và nữa, ngày 20-3, trong một bức điện hồi âm cho ông Joseph W. Martin, Mac đã còn giữ nguyên tư tưởng lạc quan về sự chiến thắng dễ dàng Trung Cộng, mà không nghĩ tới hậu quả của một trận thế chiến khác liệt có thể xảy ra. Ông nhấn mạnh vào câu : «không có gì vinh dự bằng sự chiến thắng».

Tất cả những bức điện của Mac đã chứng tỏ rằng Mac chẳng những đã đi ngược lại đường lối chính trị của Hoa-Kỳ, mà cũ g còn là một hành động khinh thượng, coi thường cả mệnh lệnh do vị nguyên thủ quốc gia ban xuống.

Không thể tha thứ được nữa, tôi bèn triệu tập Acheson, Marshall, Bradley và Harriman họp một hội nghị quân sự tối cao vào ngày thứ sáu 6-4-1951.

Sau nhiều cuộc thảo luận, tướng Averell Harriman đề nghị

tôi ngưng nhiệm vụ Arthur hai năm, tướng Marshall chưa thể phát biểu ý kiến vì vẫn đã quá quan trọng, và tướng Bradley nhấn mạnh về tội phạm quân kỷ : đại tướng Mac đáng bị cắt khỏi chức vụ chỉ huy trưởng quân đội Đồng Minh trên chiến trường Triều Tiên. Sau cùng là Acheson, ông này khôn ngoan hơn đề nghị : tướng Mac đáng bị cách chức, nhưng Tổng Thống cần phải thăm dò dư luận và lấy ý kiến thuận cả Hội đồng Liên quân trước khi quyết định, vì có thể Tổng Thống sẽ bị khó khăn bởi số đông quân chúng đã sẵn có cảm tình tốt đẹp với vị tướng lãnh nhiều chiến công oanh liệt này.

Qua ngày sau tướng Marshall, sau khi tham khảo kỹ càng chi tiết cũng cho ý kiến : ngưng nhiệm vụ Mac hai năm.

Sau khi đã lấy xong kiến nghị của các tướng lãnh danh tiếng này, 9 giờ sáng 9-4-1951, tôi ủy nhiệm cho tướng Bradley cùng Harriman lên đường, huyền chức Mac Arthur, trao lại quyền chỉ huy trưởng quân lực Đồng Minh cho trung tướng Ridway.

Và đúng như lời Acheson dự đoán ngày hồi hương của tướng Mac Arthur đã gây nên những



Harry Truman

lên sóng người hoan hô chúc tụng ông ta, bởi vì nhất, Mac cũng đã là một danh tướng nhiều chiến công hiển hách. Ông được dân chúng Mỹ tiếp đón như một người anh hùng vừa thắng trận trở về.

Tuy nhiên phản ứng khác thường kia không làm tôi áy náy naoúng, bởi hành động cách chức vị đại tướng này của tôi là một hành động quang minh chính đáng.

Vua Minh-Mạng kết tội Lê-văn Duyệt :
**Bảy tội chém, hai tội xử giảo,
một tội phát phối sung quân.**

● CÔ LƯU-HÀ

DƯỚI triều Minh-Mạng, trong nước luôn luôn nổi lên khắp nơi những cuộc dấy loạn, Quan quân triều-đình dẹp mãi nhưng các tổ chức võ-trang trong nước vẫn dấy lên hết chỗ nọ đến chỗ kia không ngớt. Những cuộc rối loạn, lớn nhút và khó đàn-áp nhút là cuộc nổi loạn của Lê-văn-Khôi, con nuôi của Lê-văn-Duyệt tại thành Phiên-An, tức là Saigon ta hiện nay.

Lúc Lê-văn-Khôi phản-nghịch, chống lại nhà vua, thì Tổng-Trấn Gia-Định thành là Lê-văn-Duyệt đã chết từ lâu.

Tuy thế, «tội của Lê-văn-Khôi tức là tội của Lê-văn-Duyệt, vì Duyệt đã dung-dưỡng tay chân bộ hạ mới có sự phản loạn về sau». Đó là lời kết tội của triều-đình.

Sự đánh dẹp «phản tặc» Lê-văn-Khôi ở thành Phiên-An đã hao binh tổn tướng nhiều mà chưa bình-định được, càng làm cho vua Minh-Mạng tức tối giận oán hơn. Vua muốn xử tội Lê-văn-Duyệt để hả dạ và để làm gương cho kẻ phản thần khác, nhưng các quan khuyên vua nên chờ hạ được thành Phiên-An, bắt bọn Lê-văn-Khôi rồi sẽ xử luôn một thể.

Sau khi thành Phiên-An bị quân triều vây hãm và công phá tan tành, bắt kẻ cầm đầu «phản tặc» 6 người, trong số có con của Lê-văn-Khôi là Lê-văn-Cừ mới lên 7 tuổi, nhốt vào cũi, giải về triều để trị tội. Đồng thời tại thành Phiên-An, quan của triều đình đã bắt 1994 người, cả già trẻ trai gái, thường dân và sĩ tốt, đem chôn sống vào một hầm mà về

VUA MINH MẠNG...

sau, người ta gọi là «mả Ngụy».

Dẹp được loạn Phiên-An, bắt 6 tội nhân giải về kinh xử án, bây giờ các đại thần mới ghép luôn cái án của Lê-văn-Duyệt cùng với các bản án xử 6 tội nhân phản loạn kia một lượt. Hồ-sơ và bản án đã được lập xong, các quan dâng lên cho vua chuẩn-y.

Trong lời tâu, họ không quên chiều đón ý vua là gài tội ông Lê-văn-Duyệt vào một cách liên quan chắc chắn về vụ phản loạn Lê-văn-Khôi để xin vua trị tội ông Duyệt hầu làm gương. Riêng ông Phan-bá-Đạt, chẳng những xin vua lột hết chức ông Lê-văn-Duyệt mà còn bắt cả vợ con ông Duyệt, giao cho Hình-bộ nghiêm-trị nữa.

Vua liền hạ dụ như sau :

«Lê-văn-Duyệt vốn xuất thân là kẻ yêm-hoạn, lúc trước làm một tên đầy tớ trong nhà. Sau gặp buổi trùng-hưng, rồng mây gặp gỡ, việc đánh dẹp Tây-Son, nó cũng có dự phần công lao.

«Đức Hoàng-khảo ta nghĩ nó

thuở nhỏ hầu hạ trong cung, nên đem lòng tin cậy. Nhiều khi cho nó cầm quyền đại-tướng. Không dè bọn ấy phần nhiều là quân bất lương, mỗi ngày sinh ra kiêu-căng, manh tâm phản nghịch, sinh chỉ làm càn, ăn nói hỗn xược. Nhưng vì nó e sợ Hoàng-khảo là thánh-minh, cho nên dẫu có lòng gian mà chưa dám lộ. Hoàng-khảo ta đến mấy năm về già cũng đã biết rõ như thế.

«Tuy vậy, ngài suy nghĩ : nó tuy manh tâm gian tà, song nay thiên hạ đã yên, hẳn trong thần-dân không ai đại gì đi theo đứ đờ tót yêm-hoạn như nó, vậy nó chẳng làm chi nên chuyện mà lo.

«Kịp đến trăm lên nối ngôi, dòm lại cựu thần không còn mấy người, lại nghĩ nó tuổi tác đã già, nên chỉ tạm khoan-dung, hơp chẳng nó biết ăn-năn hối cải cho được toàn vẹn công-danh, như thế cũng là việc hay, trăm rất mong muốn,

«Ngờ đâu tên Duyệt lòng như rắn rết, tính giống sài lang, càng ngày càng thêm kiêu ngạo, dám

nói xấu triều-đình trước mặt đông người và tự khoe tài cán mình chẳng ai bì kịp. Năm nọ, những kẻ tù phạm xứ Thanh, xứ Nghệ cũng là bọn hung ác bắt lương, Duyệt điều chiêu dụ ra thú, tâu xin ghép vào quân đội bản bộ để cho vây cánh thêm nhiều.

«Lê-văn-Khôi là đứa vô lại, Duyệt tiến cử làm Vệ-úy đặt dưới cờ mình để làm thủ hạ tâm-phúc. Thổ-hào như bọn Dương-văn-Nhã, Đặng-vĩnh-Ứng thì nó giao kết dùng ngầm. Họ hàng như bọn Võ-vĩnh-Tiền, Võ-vĩnh-Lộc, thì nó âm thầm lập đảng. Tù phạm ngoài Bắc đày vào Gia-Định, nó cho ở cả trong thành rồi thu biên làm lính ; kén chọn những voi khỏe đem ra nơi đồn thú ; voi-vét thuyền bè khí giới của Nam Kỳ lục tỉnh đem chứa vào thành Phiên-An. Lại nghe lời tên Trần-nhật-Vinh, bày mưu lập kế bòn rút của dân Nam Kỳ.

«Nó xây thành Phiên-An cổ ý đắp cao như kinh thành ; hào thì đào sâu hơn. Nếu bảo cần có

thành cao hào sâu để phòng bị giặc Xiêm, thì mặt bể phải phòng ở Hi-tiên, mặt bộ phải phòng ở Chân-Lạp kia, lẽ nào bỏ mặc bốn tỉnh An, Hà, Long, Tường không lo giữ, lại chỉ lo giữ ở Phiên-An là nghĩa lý gì ?

«Điều ấy chứng tỏ ra nó dụng tâm phòng bị đề đối địch với triều-đình chứ không phải phòng bị ngoại xâm vậy. Cứ suy như thế thì ruột gan nó ra sao, người đi đường cũng nhìn thấy rõ, ai chẳng căm giận, chỉ tiếc không ai chịu nói rõ cho triều-đình biết sớm mà thôi.

«Đến nỗi ngày nay như nuôi cái ung độc đề nổi ngày mằm và càng lớn, cho nên kẻ hoạn-thị lộng quyền kia dẫu chịu quốc pháp chém giết mới đáng đời, mà bọn nhỏ nhát vậy cách nó còn dám giữ thành làm phản. Ví bằng quan cai trị không đồn hèn như Nguyễn-văn-Quế, tham tàn như Bạch-xuân-Nguyên đi nữa, chúng nó cũng có tìm cơ khác mà làm phản, không sao tránh khỏi. Bởi lũ bộ hạ nó toàn là hung-đồ, nên làm những việc gian ác. Chúng

đã xem thấy nó dối chús, lẫn trên, đều bắt chước nó.

«Rất dối nó dám nói với người ta rằng nó lo trấn Gia-định để phong vương và giữ lấy dân chớ không phải như các Tổng Trấn tầm thường khác. Mồ mã cha nó, em nó cũng tiếm gọi là lãng. Có khi dối với người ta, nó dám tự xưng là «cô» để cho thủ-hạ tập thành thói, chỉ biết kiên sợ Lê-văn-Duyệt mà không biết đến triều-đình.

«Xưa thầy Hữu-Tử đã có câu nói ; «Không ưa phạm người trên mà ưa làm loạn, chưa có lẽ ấy bao giờ». Vậy thì ưa phạm bề trên mà không ưa làm loạn, cũng chưa có lẽ thế bao giờ. Mỗi và gây nên đã lâu, muốn cho bọn tiểu nhân kia không làm phản sao được ?

«Vậy nên nó chết chưa bao lâu, bọn Lê-văn-Khôi đã nổi loạn mà cháu ruột nó cũng đồng tình dự mưu, để cho cả bọn bản-bộ quân mã của nó đều theo giặc hết thảy, chẳng một tên nào trốn đi. Rồi tên Khôi kết tử đảng, cậy

có thành cao hào sâu, lương thực chứa chan, khí giới tinh nhuệ, vây cánh lại đông, ra mặt kháng cự quan quân, dai dẳng đến ba năm trời. Nhiều lần đã mở đường sống cho chúng nó, mà chúng nó vẫn không biết ăn-năn hàng-phục, một mực chống cự vương-sư, đến nỗi binh lính nhân dân gan óc đầy đường nói ra đay xót. Truy đến cội nguồn, thì tội của Lê-văn-Duyệt kể từng sợi tóc cũng không xuê.

«Nay hãy đem những công việc nó làm, rõ ràng ở tai mắt người ta, để gây nên họa hoạn hiểu thị cho ai nấy đều biết.

«Còn Lê-văn-Duyệt và con cháu nó nên xử tội thế nào, thì giao cho diu-thần xét rồi tâu lên».

Cứ theo tờ dụ trên đây, chúng ta thấy vua Minh-Mạng lên án Ngại Tả-quân Lê-văn-Duyệt gắt gao như thế nào. Nặng nhất là những tội tiếm việc : đắp thành Phiên-An cao bằng kinh thành ; dùng tiếng «Cô» để tự xưng ; mồ mã cha mẹ dám gọi là lãng. Ở vào đời-quân-chủ độc tôn, một

trong những tội kể trên, cũng đủ phạm tội đáng sát thân diệt tộc. huống chi ngài Tả-quân bị khép một lúc đến bảy nhiều tội trọng đó.

Nhưng bất công thay là lên án tội phạm mà đương sự đã chết từ lâu, không có mặt để biện hộ. Tuy thế, đã có sự thực bào chữa cho Ngài :

Thành Phiên-An xây xong năm Minh-Mạng thứ 11 (1830) tường cao, hào sâu thế nào, trước khi khởi công đã tâu vua chuẩn y. Bây giờ bảo rằng Lê-văn-Duyệt tự ý xây cao bằng kinh thành để dụng tâm chống với triều-đình thì thật oan cho Thượng-Công quá !

Còn mồ mã của song thân Thượng Công thì táng tại Long-Hưng, gần Rạch-Gầm, ai cũng thấy mộ xây bằng đá, theo kiểu các nhà quan to đương thời chớ không có vẻ gì là lăng tẩm cả. Ngôi mộ bà cụ xây năm Giáp-tuất, (1814) có mộ chỉ khắc những chữ :

*Tuế tại Giáp-tuất trọng hạ cát nhật.
Việt cổ hiền tử Khâm-sai trưởng kỳ.
Lê hầu chinh thất Nguyễn phu nhân chi mộ
Hiếu tử Khâm-sai Gia-Định thành
Tông-trần Trương Tả quân, binh tây tướng quân Lê-văn-Duyệt lập.*

Nghĩa là : «Năm Giáp-tuất, tháng trọng-hạ, ngày lành. Đây là mộ mẹ tôi : Nguyễn phu-nhơn, chánh thất của quan Khâm-sai Chương-cơ, họ Lê, phong tước hầu. Hiếu tử vâng mệnh Tông-trần thành Gia-định, Trương Tả-quân, binh tây tướng-quân, tước quận-công Lê-văn-Duyệt dựng bia».

Còn ngôi mộ của ông cụ thì xây năm Tân-tý, (1821) trước mộ cũng dựng bia khắc chữ : «Đây là mộ thân-phụ tôi : Vũ-huân tướng-quân Khâm-sai chương-cơ, tặng hống-chế, Lê-hầu».

Theo chế độ xưa, người được

phong tước vương mới được xưng bằng «cô». Nhưng Nguyễn triều ta, khi đức Gia-Long thống nhất nước nhà xong, thì bãi hẳn lệ phong vương tước cho bá quan, trừ ra người trong Hoàng tộc. Cho nên cụ Lê-văn-Duyệt, Nguyễn-văn-Thành, Lê-Chất v.v. đều có công lao khai sáng rất lớn, nhưng chỉ được phong thưởng đến chức Quận công là tột bậc. Điển lễ triều đình đặt ra như thế, khắp nước đều biết. Có lẽ nào Thượng Công Lê-văn-Duyệt không biết mà tự xưng tiếng «cô» để mua lấy tiếng cười của bạn đồng song mà lãnh lấy cái tội đứt đầu với triều đình hay sao ?

Đến như việc cụ thu-biên tù

đầy măn hạn cho vào quân đội, đó cũng là việc ích lợi cho nước nhà nào phải việc riêng tư hay cố ý phản nghịch gì ? Một bằng chứng cụ thể lòng tận-trung, liêm khiết của cụ là đến ngày nhắm mắt, không để lại một tí của cải gì cho vợ con khác hơn là vài ba mẫu ruộng.

Một vị đại thần lúc bấy giờ, có công tâm, sau khi đọc tờ dụ buộc tội của vua trên đây, muốn bình vực thanh danh cho cụ Tả-quân, nhưng vì triều đình không ưa gì ông nên ông thấy có bình vực chỉ làm cho người ta ác-cảm thêm với cụ Tả-quân Lê-văn-Duyệt mà thôi.

(Còn 1 kỳ nữa)

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Điện-thoại : 25861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHỦ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN.
NHÂN CỒ AO (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP, BỀN, KHÔNG PHAI
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Saigon TİM 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN



âm thầm

(Về C. Đồng-Khánh)

Những chiều buồn như chiều hôm nay
Ta ngồi âm thầm nhìn mây bay
Xin chờ trách hờn ta nghe Huế
Lệ nóng nào bao mòn bao thấy ?
Nắng cũng mỉm cười vàng nhưng như to
Mình thấy như người hiện ra trong thơ
Là gái liêu-trà là sầu vạn-kiếp
Là gã giang-hồ mộng lòng bơ vơ
Có những chiều mira về ngày ngộ
Mình mơ bóng người trong đời đơn-cô
Mình khóc trong lòng bàn tay nhỏ bé
Mình giận trong đời chiến chinh hư vô.

PHAN-THUY-MAI
(Cao Nguyên)

Một thương-gia Hòa-Lan

được Vua xứ Lào tiếp năm 1641.

LÊ-HƯƠNG

VÀO cuối thế kỷ thứ 16, người Hòa-Lan theo chân người Bồ-Đào-Nha và Tây-Ban-Nha tranh thương trên «thị trường gia vị» (1) đến bán đảo Mã-Lai lập căn cứ. Bắt đầu từ thế kỷ thứ 17, họ ở rải rác các hòn đảo trong vùng, lấy thị trấn Batavia làm trung tâm điểm và tiến dần lên bán đảo Đông-Dương. Họ lập chi nhánh ở Bắc-Trung-Việt và Cao-Miên, thuộc ấy thủ đô ở Lovek, dưới triều Vua Ang Non I (1.610-1.642).

Ngày 20 tháng 7 năm 1.641, một phái đoàn thương mại Hòa-Lan do Ông Gerrit Wuythoff hướng dẫn, hợp với hai người tùy viên, một anh họ cạo và hai lao công ngồi thuyền từ Lovek sang đất Lào. Nhiều thương gia Lào đi theo chỉ đường. Đoàn ghe gồm có nhiều

chiếc thuyền độc mộc chở đầy hàng vải và xa xỉ phẩm trị giá đúng 6.601 florins (2) 10, tính chung với tặng phẩm dâng Quốc-Vương Ai-Lao.

Sau khi qua khỏi Pnom-pingh (Phnom Penh), bảy giờ là một xóm lẻ vào vài mươi căn nhà lá, đoàn ghe ngược dòng Mékong đến chợ Sambabour, thủ đô xưa của Cao-Miên (đúng tên là Cambhupura) gần chợ Sambor ngày nay. Người Hòa-Lan gọi sông Mékong «con rạ h của xứ Lào».

- (1) Vào thời ấy, người Âu tây sang Á Đông mua, bán và cướp thuộc địa, quen gọi là đi «chợ mua gia vị», vì lẽ họ mang về nước nhiều món gia vị mà xứ lạnh không có, bán với giá đắt như vàng.
- (2) Florin; tiền Hòa lan, vẫn còn thông dụng.

Ở đây, phái đoàn đòi ghe để vượt qua giòng nước chảy xiết từ thác Khône đổ xuống và cập bến Bactjong, bây giờ là Bachong, tên một ngôi đền bỏ hoang gần thị trấn Stung Treng.

Trong tập nhật ký, ông Wuysthoff ghi rằng : «Ngày 17 tháng 8 (năm 1641) gió Tây Nam thổi nhẹ, mưa lại rơi nhiều lần. Vào 1 giờ trưa chúng tôi đến Bactjong và nghỉ đêm trong một ngôi tháp xây bằng đá bỏ hoang. Người Lào đem lễ vật cúng bái hơi tượng đá dưới ánh nến chấp chớn.

Trước đây 50 năm, các đấng Tiên Vương Cao Miên đóng đô tại vùng này, nhưng vì muốn tránh sự đe dọa của người Lào nên dời đô về Lovek. Hiện thời cây cối mọc tràn lan như đám rừng».

Cuộc đe dọa này là cuối cùng của những trận xung đột giữa người Lào và người Cao-Miên. Xưa kia, Quốc-Vương Lào ở

Vientiane gọi là Lan-xang, đánh đuổi người Miên ra khỏi tỉnh Bassac, Attoupeu và Saravane để tiêu diệt nền đô-hộ, thống nhất lãnh thổ.

Từ đây trở đi, Vua Lào không nghĩ đến việc gây thù hận với Vua Cao-Miên. Ngải kéo binh sang Miến Điện và Xiêm, hoặc lo dẹp những cuộc nội loạn.

Rời tỉnh Stung Treng, đoàn ghe gặp nhiều khó khăn. Trước hết là thác Khône, nơi mà người ngoại quốc gọi là «sáu cái hố do giòng sông khoét trong núi, giữa những hòn đảo toàn đá xanh». Nhà thương gia Hòa-Lan kể rằng :

«Cách nửa dặm đường (theo lối đo lường của Hòa-Lan) nước đổ ầm ầm nghe rợn tóc gáy, như sóng biển đánh vào gập đá ven bờ. Chúng tôi phải khiêng hàng lên bờ đi bộ 2.600 bước (theo lối đo lường của Hòa-Lan) đến một tấm bảng treo trên thân cây viết bằng chữ Lào và Cao-Miên chỉ rằng đây là biên thùy của hai lãnh thổ».

Từ ấy đến nay, trải qua 3 thế kỷ, biên giới này vẫn còn tồn tại. Trong lúc ấy thủy thủ kéo đoàn ghe theo một con rạch nhỏ gần cù-lao Sa-dam, cạnh ngọn thác ghê gớm nhất tên Papheng.

Cuộc hành trình kéo dài đến 12 ngày, tính ra gần 2 tháng trường phái đoàn mới qua khỏi Cao-Miên đến vùng Bassac. Nơi đây, họ ngồi xe bò vào thị trấn HONKER. Ấy là thủ đô của người Cao-Miên vào thời cực thịnh, gọi là Angkor (1) mà một thương gia Hòa-Lan vào thế kỷ thứ 17 có ghi rằng : thị trấn ANGKOOR rất đẹp, rất vui, người Tây-Ban-Nha và Bồ-Đào-Nha gọi là thành La-Mã (Rome)».

Từ tỉnh Bassac trở đi, phái đoàn được dân chúng tiếp đón niềm nở. Ông Wuysthoff bán hàng rất chạy và mua vào cũng nhiều. Khoảng đường sông ngược lên

(1) đúng ra là ANGKOR BOREI chứ không phải Angkor ở Seim Reap ngày nay.

vẫn còn nhiều khe hiểm trở, thủy thủ mất 15 ngày mới qua khỏi giòng nước chảy mạnh Kemmarat dài 175 cây số, vừa khiêng hàng lên bờ đi bộ, vừa kéo đoàn ghe không. Sau đó, họ vào khúc sông rộng gọi là miền Trung sông Cửu-Long nơi đây chèo chống dễ dàng.

Đến thị trấn That-Phanom, Ông Wuysthoff yết kiến vị Sãi Cả kiêm Tỉnh trưởng và tặng người một tấm gương nhỏ. Ông chép trong nhật ký :

«Chúng tôi không muốn tặng một vật kỷ niệm nhỏ như thế, nhưng chúng tôi buộc lòng phải làm vì đó là một lối duy nhất tỏ rằng chúng tôi kính trọng phong tục của xứ sở».

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

Vào lúc trăng lên hôm sau, Ông Wuysthoff đến chợ Lakhon, nơi người Lào cho là một thành phố lớn nhất, nổi tiếng nhất. Sự thật thì chợ này to bằng hai chợ PNOM PINGH lúc bấy giờ.

Đây là nơi trấn nhậm của một vị Hoàng thân Lào. Phái đoàn Hòa-Lan nhờ vị này mới thuê thập nhiều tài liệu trước khi đến thủ đô Vientiane.

Phái đoàn được Hoàng thân mời dự nhiều cuộc lễ giống như Tết Trung thu ở Bắc Việt. Ông Wuysthoff viết rằng :

Không cần phải ghi những chi tiết, chúng tôi dự lễ cùng Phật trong chùa và khi màn đêm xuống chúng tôi xem đốt pháo bông, Cách hành lễ cũng gần giống như ở Cao-Miên. Sau đấy chúng tôi đi khắp làng dưới ánh trăng nhưng phải vượt qua nhiều khoản đường lồi lõm rất khó nhọc».

Trước khi rời khỏi tỉnh này, ông có ghi :

Người ta thấy quá nhiều vàng bán rất rẻ tại chợ».

Một chi tiết quan trọng ghi trong nhật ký về tỉnh Lakhon là con đường nối liền tỉnh ấy đến bờ biển Nam Hải, bấy giờ người Hòa-Lan gọi nước Việt Nam là Qui-Nam. Người Lào bảo rằng phải đi 22 ngày mới đến đích.

Trong nhiều bản văn của người Tàu vào thế kỷ thứ 8 có nhắc con đường này từ Vinh (Thanh-Hóa) Đến xứ WENTAN kvenn bí gần nước Cao-Miên Nhà buôn Hòa-Lan xác nhận rằng người Quina-moi (Việt-Nam) sang Lào mỗi năm 3 lần bằng đường này để bán tơ, lụa và mua vải, sừng u-tây về làm thuốc.

Rời tỉnh Lakhon, phái đoàn theo sông Mekong vào địa phận Vientiane để dừng và nhanh chóng.

Ở Muang-Khua cách Vạn-Tượng vài cây số, các Sứ giả của Quốc-Vương Lào theo thủ tục đón phái đoàn để xem bức thư của vị Tòa quyền Hòa-Lan

ở Ấn-Độ đệ trình nhà Vua. Nhưng ông Wuysthoff nhất định không bằng lòng, và trước vẻ cương quyết của người, các Sứ giả kính cần bức thư trên một cái khay vàng trong chiếc ghe lớn có chèo lộng do 40 người chèo và mời phái đoàn thủ đô.

Một số ghe to như thế cùng đi theo với đoàn ghe buôn. Phái đoàn vào một gian nhà mát đã sửa soạn sẵn để tiếp rước.

Ngoài việc bức thư vừa rồi, phái đoàn còn gặp một chuyện khác quan trọng hơn. Ấy là sau khi xem xét các phẩm vật của Ông Toàn quyền Van Diemen dâng tặng. Quốc Vương Lào cho rằng còn thiếu sót. Các quan trong triều có ý nghi ngờ người Hòa-Lan.

Ông Wuysthoff ghi chép rất nhiều về khoản này và chấm dứt ở việc tặng thêm một ống vẩy kính bằng bạc và nhiều xấp hàng. Ông làm một bài toán cộng thật tỉ mỉ để kết rằng :

«Những món quà tặng

của Ông Toàn quyền thêm lên 600 tael 8».

Ngoài việc ấy, ông còn phải tặng thêm nhiều phẩm vật cho các vị quan to trong triều rồi mới được phép bán hàng và mua dầy đoàn ghe : cây bồ-đề, xạ hương và nhựa sơn kiến. Thứ nhựa này chỉ có nước Lào sản xuất mà thôi.

Phái đoàn Hòa-Lan đến Vientiane đúng vào những ngày lễ lớn nhất trong tháng 12. Vào khoảng cuối năm như thế, Quốc Vương Lào rời Hoàng cung ngự trong một ngôi nhà gần chùa That Luang, cách thủ đô 3 cây số. Chính nơi đây, nhà Vua tiếp phái đoàn. Ông Wuysthoff ghi rằng :

Sáng sớm 16 tháng 11 (năm 1641), nhà Vua phái một đoàn voi đến lấy bức thư và rước chúng tôi. Con voi đi đầu «chở» thư đựng trong cái hộp bằng vàng, kẻ đó mỗi người trong phái đoàn ôm phẩm vật ngồi trên lưng mỗi con. Chúng tôi đi ngang Hoàng thành, hai bên

đường có hai hàng lính.

Nhờ ngồi trên cao chúng tôi thấy cả thành phố xung quanh có tường bao bọc, bề cao lồi ngực một người đứng trên lưng voi. Dưới chân tường có hào nước chứa rác rến, cây cối mọc um tùm. Đi khỏi thành một phần tư dặm (Hòa-Lan) thì đến nơi.

Nhà Vua nhận bức thư. Chúng tôi ngừng lại vào trong trại cất sẵn chờ lệnh vị Quốc-Vương triệu. Xung quanh trại, các quan lớn nhỏ cũng dọn chỗ ở với lính tráng và voi, ngựa. Tiếng ồn ào nổi lên suốt ngày như một đội lính sắp ra chiến trường. Chúng tôi phải chờ một tiếng đồng hồ.

Kể đó chúng tôi thấy nhà Vua ngồi trên lưng bạch tượng quỳ gối xuống đất. Nhà Vua là một vị thiếu niên tuổi từ 12 đến 13.

Trước bạch tượng có 300 quân sĩ cầm đao và súng trường, phía sau có vài con voi, trên lưng có nhiều tượng vũ trang, dưới đất có vài nhạc công hòa tấu nhịp

hành binh. Sau chốt là một sư đoàn 2.000 lính với 16 con voi chở 5 bà vợ Vua. Khi đoàn người qua khỏi trại, chúng tôi trở vào.

Một lát sau, nhà Vua sai quan đem cho chúng tôi tám cái mâm một chân thật to đựng thức ăn.

Vào 4 giờ chiều, có lính mời, chúng tôi vào một mảnh sân vuông xung quanh có tường đá khoét lỗ để nấp bắn từ phía. Chính giữa sân có gian phòng cất theo hình tiêm tháp rộng và cao, trên nóc có nhiều hình bằng vàng. Người ta nói tất cả hình ấy cân nặng 9 tạ vàng y.

Tất cả người Lào đi vào đây phải cầm đèn cây đốt sẵn để làm lễ chào nhà Vua.

Chúng tôi ngồi giữa sân một lát, thì có một người theo một cửa khác bưng phẩm vật của chúng tôi vào dâng nhà Vua. Người ta để những cái mâm ấy cách ngài vàng 16 bước trên chiếu giữa trời doan trao cho tôi mỗi người một cây đèn cây.

Hôm qua, vị quan Tévinia Lanekau đã chỉ đường cho chúng tôi tục lệ ấy rồi. Chúng tôi chấp tay làm lễ đi vòng quanh tiêm tháp rồi đến trước nhà Vua. Vị Quốc-Vương ngồi trong một gian phòng nhỏ xung quanh có bảo quan châu chực.

Chúng tôi ngồi bẹp xuống chiếu phía sau những mâm phẩm vật, cúi đầu sát đất 3 lần chào Vua. Một vị quan Tévinia đọc dịch nghĩa bức thư của ông Toàn quyền với nghi tiết hợp với chức tước của Ông.

Quân thị vệ gom hết đèn cây của chúng tôi. Nhà Vua ra hiệu cho chúng tôi tiến tới gần Ngài. Chúng tôi đi tới bốn bước và quỳ gối xuống, nhưng nhà Vua bắt chúng tôi đến gần hơn nữa, dưới cây long, cách ngài chừng 7 hay 8 bước. Ngài hỏi thăm sức khỏe của ông Toàn quyền và tỏ lòng vui sướng được thấy ông đến xứ Lào, mặc dầu ngài biết rằng đường xa xôi, hiểm trở. Ngài tỏ ý muốn phái một sứ giả đến viếng Ông Toàn quyền để cảm ơn và nhắn với ông nên

viết thư cho Ngài mỗi năm một lần và đến giao hảo thường hơn hoặc để buôn bán, hoặc vì việc gì khác. Chúng tôi đáp lại rằng :

— Ông Toàn quyền sẽ rất sung sướng khi nghe chúng tôi thuật lại cuộc tiếp rước nồng hậu này và người sẽ theo lời nhà Vua kết chặt tình thân thiện giữa hai dân tộc.

Quốc-Vương phán rằng : «Ngài tạm biệt chúng tôi và nhờ chúng tôi chuyển lời chào thân ái đến ông Toàn quyền, cùng lời chúc Ngài sống lâu, đầy hạnh phúc. Ngài mong binh lực của Ông hùng mạnh thêm lên và chiến thắng tất cả quân thù».

Nhà Vua truyền các quan tặng vật kỷ niệm cho mỗi người trong phái đoàn và mời xem các trò tiêu khiển như đấu võ, đánh vật và đánh gươm.

Ông Wuysthoff chép rằng :

«Sau mỗi trò vui, mỗi diễn viên lãnh một cái chén. Trời sụp tối, người ta trải chiếu ngồi trên sân

MỘT THUƠNG GIA

chơi và đốt đèn ngồi xung quanh.

Bốn bà vợ Vua ăn mặc lạ kỳ biểu diễn một lối vũ ngọt một giờ. Khi chấm dứt người ta dâng tặng mỗi bà 2 đoạn khăn choàng trắng và mỏng. Kế đấy, một thiếu phụ cầm hai cái đuôi công ra múa. Cuộc lễ bế mạc bằng một tràng pháo bông.

Chúng tôi theo vị quan Tévina Tahom trở về trại và nghỉ đêm ngoài trời như nhà Vua và bá quan.

Ông quan này cho chúng tôi biết rằng từ lâu rồi nhà Vua không có tiếp vị Sứ thần nào long trọng như chúng tôi, nhất là gọi chúng tôi ngồi gần Ngài dưới cây lọng.

Vài ngày sau cuộc tiếp kiến long trọng ấy, phái đoàn Hòa-Lan một cuộc lễ đốt đèn trên sông Mêkong. Nhà Vua ngồi trên ngai vàng đến dự lễ.

Giữa giòng sông, người ta cất một cái sườn nhà bằng tre trướng

vức, bề cao bằng một chiếc tàu lớn.

Cuộc lễ bắt đầu. 4 người đàn ông nối đuôi nhau nhảy từ trên cao xuống nước vừa nhắm mắt, nhủu mây làm trò cười cho công chúng.

Khi màn đêm buông xuống, có hai trăm chiếc ghe lưọng cắm đầy đèn cây bơi ra giữa sông, trên ba chiếc đi đầu có hình cái tháp kết bằng đèn.

Mặt nước như nổi lửa. Đoàn ghe đi ngang khán đài ngọt nửa giờ mới dứt. Nhà Vua cùng bá quan về trại.

Sau mấy ngày lễ, Ông Wuys-thoff bán hết hàng hóa, bèn xin

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại
mới PENICILLINE-V uống
dễ dàng mà công hiệu như
chích PENICILLINE - G

MỘT THUƠNG GIA

phép trở về Cao-Miên.

Nhưng ông về một mình vì sông không có nước, thuyền lớn không đi được, còn hai người tùy viên là ông Willem de Goyer và ông Huybert Boudewynsz phải ở lại 6 tháng đầu tiên hàng.

Hai ông không được giờ trở về bấy bậ, chỉ ăn ngủ như các nhà sư trong chùa.

Ngày 20 tháng 12 năm 1641, ông Wuythoff rời khỏi thủ đô Vientiane.

Cuộc hành trình có phần vất vả vì mực nước sông hạ thấp. Hơn nữa, tiếng đồn về một cuộc tranh hùng với dân Cao-Miên được loan truyền khắp nơi.

Có người bảo rằng Quốc Vương Cao Miên đã xua chiến xa án ngữ ở biên giới, khiến ông phải ngưng lại hai lần và chờ đợi khá lâu.

Sau cùng, ông đến tháp Bachong thuộc tỉnh Stung Treng và ngày 11 tháng 4 năm 1942, ông xuôi thuyền về Lovek.

Hai người tùy viên của Ông

ở lại Vientiane đến tháng 8 năm 1642, giòng sông đầy nước mới lên đường với đoàn nghe hàng hóa.

Quốc Vương Lào gởi một bức thư và tặng phẩm cho ông Toàn quyền, còn vấn đề phái Sứ giả sang Batavia thì nhà Vua không đồng ý vì cuộc bang giao giữa Lào và Cao-Miên chưa được thuận thảo.

Nhờ nước xuôi và chèo mạnh, đoàn ghe trôi rất nhanh. Ngày 6 tháng 10, họ đi ngang ngôi tháp ở Bachong vào lãnh thổ Cao-Miên. Ngày 24 đoàn ghe cập bến Lovek.

— Tài liệu ở HISTORIA số 70 tháng 6 năm 1953. □●

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỪNG ĐAU
BAO TỬ. Bảo chế theo
công thức Hòa-Lan

Tôi viếng Lubao

và

Malacanang Palace

★ ★ ★ ĐÀO-TỬ-LANG
(Đại-học Philippines)



*Người nào đối-đãi tử-tế
và lịch-sự với người ngoại-
quốc, chứng tỏ họ là một
công-dân của thế-giới.. (1)*

BACON



MỘT hôm, vừa ở trường về, tôi được một lá thư mời đi viếng LUBAO và MALACANANG PALACE, do Hội PIFO tổ-chức, nằm trong khuôn khổ chương-trình giới-thiệu Phi-Luật-Tân với các sinh-viên ngoại-quốc.

PIFO là chữ viết tắt của Hội PHILIPPINE INTER-

NATIONAL FRIENDSHIP ORGANISATION, một tổ chức do những người có thiện-chí đứng ra thành-lập, nhằm mục-đích tạo niềm thông-cảm và sự hiểu biết giữa quốc-gia. Chủ-Tịch của Hội là Ông Bộ-Trưởng Bộ-Quốc-Gia Giáo-Dục Phi-Luật-Tân.

Chưa vội ăn cơm trưa, tôi lại nhà Anh Thảo hỏi thăm tin tức. Thì ra anh cũng được giấy mời. Như vậy, ngày 30 tôi sẽ có bạn đi cùng đi LUBAO.

★ Đường đến quê-hương
cựu Tổng-Thống MACA-
PAGAL

Sáng hôm ấy tôi thức sớm hơn thường lệ. Sửa soạn xong, tôi đến Bộ Ngoại-

(1) If a man be gracious and courteous to strangers it shows he is a citizen of the world... BACON

TÔI VIẾNG LUBAO

Giao. Vừa bước xuống xe tôi thấy ngay hai chiếc «bus» to lớn đã chực sẵn tự bao giờ. Những nhân viên trong Ban Tổ-chức và vài sinh-viên ngoại quốc khác cũng đã có mặt. Anh Thảo chưa đến. Đang đứng mong anh thì mấy sinh-viên Ấn-Độ rủ tôi đi lãnh thẻ (có viết tên họ và quốc-tịch) để mang vào áo. Tôi cũng dành cho người bạn quê-hương tôi một tấm. Thành linh vai tôi bị đập mạnh. Tôi xây lại thì thấy anh Thảo. Thẻ là tôi có dịp gắn «huy chương bạc» vào túi anh. Chúng tôi cười xòa rồi cùng mọi người bước lên xe. Tất cả độ 80 người, giáo-sư và sinh-viên ở Đại học PHILIPPINES, Đại học EAST, SANTO TOMAS, FAR-EASTERN UNIVERSITY v.v.. Trong số đó có hai người Hòa-Lan và một người Mỹ làm việc tại các tòa đại-sứ của họ.

Đúng 8 giờ 30 phút, đoàn

xe chuyển bánh. Mọi người cười nói vui vẻ. Xe chạy càng nhanh. câu chuyện càng già. Phút chốc xe đã ra khỏi châu-thành. Nhìn những cánh đồng lúa, những rừng tre xanh, đàn trâu đi lững thững, tôi liên tưởng đến những hình ảnh quen thuộc ở quê nhà.. Gió đưa hương lúa thơm mát, tôi hít một hơi dài cho căng lòng ngực và cảm thấy khoan khoái lạ thường. Mỗi nhìn cảnh vật nên anh Thảo bỏ đi lúc nào tôi không hay. Xây lại tôi thấy anh đang chuyện trò với mấy cô bạn Phi. Các cô ấy đang cầm những gói kẹo xanh, đỏ trông chừng ngon lắm. Không riêng gì anh Thảo mà thật ra các bạn khác cũng đã đổi chỗ. Họ đang lằng xằng mời mọc nhau. Mấy cô, mấy bà thật chu đáo, đi đâu cũng khăn gói, quà bánh không như bọn trai chúng tôi chỉ có tay không, còn lại thích ăn

nhiều, nhậu lăm. Anh bạn mới của tôi, người Thái, nói với tôi về sự bành-trướng của thủ-đô Bangkok. Đề đáp lại, tôi kể anh nghe lịch-sử nước tôi, cùng sự nỗ-lực kiến-thiết miền Nam tự-do...

Chúng tôi đang đi trên khoảng đường từ BATAAN đến TARLAC, người ta gọi là «death mark» để đánh dấu nơi đây, trước kia bọn quân-phiệt Nhật đã dẫn tù-binh liên-hiệp Mỹ-Phi đi bộ ròng rã mấy ngày trời, đến nỗi phải chết dần mòn vì đói khát!

Qua khỏi khoảng đường lịch-sử ấy, đoàn xe dừng lại BARASOIN CHURCH ở MALOLOS, BALACAN để chúng tôi được thấy tận mắt nơi họp Quốc-Hội đầu-tiên của nước Cộng-Hòa-Phi-Luật-Tân, dưới quyền chủ tọa của tướng AGUINALDO, người chỉ-huy quân-đội kháng-chiến Phi khi xưa.

Đến 11 giờ chúng tôi tới LUBAO, sau khi trải qua lối 90 cây số đường bộ. Đến nơi chúng tôi được Ông Thị-Trưởng LUBAO tiếp đón, trong lúc ban nhạc Cảnh-sát chào mừng.

Sau khi viếng thư-viện thành-phố, chúng tôi được hướng-dẫn đi thăm nơi sinh trưởng cựu Tổng-Thống DIOSDADO P. MACAPAGAL, ở giữa miền quê. Khác hẳn như tôi nghĩ, nơi đây kỹ-niệm không còn nguyên-vẹn. Nhà cửa đã tiêu tan từ lâu rồi, chỉ còn lại mấy cây ăn trái xác xơ mọc trên mảnh đất không màu mỡ. Theo lời Ông Thị-Trưởng, thuở xưa gia-đình cựu Tổng-Thống MACAPAGAL là một trong những gia-đình nghèo nhất vùng này. Người đi học được là do sự giúp đỡ của một nhà hảo-tâm. Nhờ chi nhần-nại và sức làm việc bền bỉ mà ngày nay Người đạt đến địa-vị tối cao của nước Phi.

Quanh quẩn một lúc đã thấy trưa. Mặt trời vừa đứng bóng. Chúng tôi được dân chúng đãi một bữa cơm gồm nhiều thức ăn, tôi không nhớ được tên, nhưng đại-khái có: tôm, cua, cá và bánh bò- thịt quay (người bản xứ gọi là lechon) một món ăn đặc-biệt của họ. Nếu bạn có dịp nếm thử thịt quay Phi-Luật-Tân thì chắc bạn cũng như tôi phải công-nhận rằng ngon. Đa dòn dòn, thịt ngọt ngọt nên ăn mãi vẫn thấy thích.

Sau bữa cơm, chúng tôi tổ-chức liên-hoan văn-nghe. Các đoàn Ấn-Độ, Trung-Hoa, Indonesea v.v. lần lượt thi tài. Tiếp theo, đoàn nữ sinh-viên Thái hợp lại khiêu-vũ. Họ múa nhịp nhàng, uyển chuyển trong khi đó một nhân-viên trong ban Tổ-Chức cũng bắt chước uốn éo, múa mang khiến chúng tôi cười nghiêng ngửa. Đến lượt cô bạn Hòa-Lan đứng lên ca

bản «Histoire d'un amour», giọng du-dương, trầm bổng nên ai nấy đều có cảm-giác dễ mê, quên cả sức nóng buổi xế chiều. Sau hết ban Tổ-Chức giới-thiệu sinh-viên Việt-Nam. Anh Thảo đến trước máy vi-âm ca bản Tình Ca của Phạm-Duy... «Tiếng Nước tôi bốn ngàn năm ròng rã buồn vui... Nước ơi! Tôi yêu tiếng xa mờ...» Giọng anh khi nhẹ nhàng, khi ngân xa, khi cao vút. Tiếng ca vừa dứt, tràng pháo tay nổ vang dậy. Tôi định ca tiếp theo một bản, nhưng nhận thấy bao nhiêu cảm-tình khán-giả dành cho Việt-Nam và riêng anh đều tuôn ra cả rồi, nên tôi êm luôn.

Trên đường về, chúng tôi còn viếng những nhà thờ chung quanh địa-phận LUBAO, do các vị cổ-đạo Tây-Ban-Nha xây cất vào thế-kỷ XVI. Vì chịu ảnh-hưởng của Tây-Ban-Nha rất sâu đậm, nên đa-số dân Phi có thể nói

93% đều theo đạo Công-giáo. Vì thế nhà thờ được cất rải rác khắp nơi.

Khi đoàn xe về tới Bộ-Ngoại-Giao thì đã 8 giờ tối. Chúng tôi chia tay và hẹn sáng hôm sau gặp nhau tại MALACANANG PALACE.

★ Viếng Dinh Tổng-Thống Phi-Luật-Tân

Như đã định trước, thay vì đi thẳng vào Dinh MALACANANG, tôi đến trường để cùng đi với các anh chị em trong ấy. Chuyến này vào viếng Dinh Tổng-Thống ngay giữa châu-thành nên hầu hết các sinh-viên ngoại-quốc đều hưởng-ứng. Riêng Đại-học PHILIPPINES cũng phải dùng đến 2 xe «bus» mới hết anh chị em.

Trên xe tôi ngồi cạnh cô bạn Indonesia. Cô đã lớn tuổi nhưng vui vẻ, bắt thiệp lắm. Cô nói huyền-thiên,

tôi chỉ nghe thỉnh thoảng thêm vào một vài câu đề gợi hứng.

Không mấy chốc đã đến Dinh MALACANANG. Nơi đây, sinh-viên các Đại-học lân-cận cũng đã tề tựu đông đủ. Chúng tôi nhận thấy có mặt các sinh-viên Đại-Hàn, Trung-Hoa Quốc-Gia Nhật-Bản, Thái-Lan, Ấn-Độ, Hồi-Quốc, Indonesia, Việt-Nam, Hoa-kỳ, Tây-Ban-Nha-Phần-Lan v.v.. Tất cả độ 150 người, hợp lại vào một lực. Chúng tôi phải chờ đợi, lâu lắm mới ký được tên vào «guest book». Từ đây các sinh-viên Việt-Nam hợp lại thành đoàn để tiến vào Dinh MALACANANG. Hai chiếc áo dài thướt tha và cây dù Sài-gòn đã làm các đoàn khác đặt-biệt chú ý. Vì thế các anh em nam sinh-viên cũng cảm thấy hân-hiện một phần nào...

Chúng tôi đang viếng phòng khách. Nơi đây, ngoại

những cây đèn thủy-tinh chúng tôi còn chú-ý đến những bức tranh mô-lả các trận đánh xưa giữa quân Phi-Luật-Tân và Tây-Ban Nha, và chân dung các vị cố Tổng-Thống, từ MANUEL L. QUEZON đến RAMON MAGSAYSAY. Các cửa phòng khách, phòng ăn, phòng làm việc, v.v đều mở rộng. Những ghế ngăn, ghế dài mỹ-lệ sẵn sàng để chúng tôi nghỉ ngơi, trò chuyện, nhưng chúng tôi nhận thấy nó sang trọng quá, dường như không phải dành để tiếp đón chúng tôi. Các anh chị em lần lượt chia nhau đi rải khắp các phòng. Tôi ra đứng một mình ngoài bao-lơn, nhìn dòng sông PASIG đổ xuôi ra biển; cuốn theo những chiếc lá màu xanh bập bềnh trên sóng, bắt đầu một cuộc đời phiêu-lưu..

Đang thả hồn theo mây nước, nên cô bạn Hòa-Lan đến bên cạnh lúc nào tôi

không hay. Cô hỏi tôi bằng tiếng pháp :

— Anh đang ngó mong chi đó, Anh Đào ?

Tôi đáp qua loa rồi mời cô đi viếng phòng trà, cách xa dinh-thự chánh bởi một vườn hoa rực rỡ. Hoa hương, hoa lan xen lẫn với hoa cúc, hoa mẫu-đơn. Người ta thường bảo : Hoa chỉ nở đẹp vào mùa xuân, nhưng ở đây đang vào mùa thu mà hoa vẫn đua nhau dâng hương sắc.

Cùng đi với tôi và cô bạn Hòa Lan còn có hai bạn người Mỹ và Hồi Bức vào căn nhà nhỏ xinh xắn, từ cột, kèo, vách, phên đến bàn, ghế đều làm bằng tre, đan rất công phu, mới biết cất một căn nhà như thế còn tốn công gấp mấy lần xây căn nhà gạch.

Thấy chúng tôi trầm trồ khen ngợi, người hướng dẫn bèn khoe với tôi rằng : Trước đây, khi viếng Phi-

Luật-Tân cổ Tổng-Thống Mỹ EISENHOWER cũng đã từng uống trà tại phòng này. Ông nói thao-thao bất tuyệt, khiến chúng tôi nghe mê như nghe chuyện đời xưa. Tôi nghĩ có lẽ ông đã từng nói những lời ấy với bao nhiêu người rồi, đến lượt chúng tôi nữa là những người từ mấy trăm ngàn cũng nên.

Theo lời ông, trước đây dưới thời Tây-Ban-Nha, MALACANANG PALACE đã từng dùng làm tư dinh cho các vị toan quyền.

Năm 1869, có một ông hoàng người Anh, Quận-Công EDINBURGH, đến viếng Phi-Luật-Tân. Để chuẩn-bị đón tiếp vị thượng khách ấy, người ta đã phải sửa sang toàn-diện Dinh MALACANANG Phi tồn lên đến bạc triệu. Bổng một trận động đất dữ dội làm sụp đổ tất cả công-trình. Không còn thì giờ để kiến-thiết kịp nữa, vị Quận-công phải

đến ở nhà một phú-gia.

Đến thời Mỹ-thuộc nơi đây cũng được dùng tư-dinh cho các vị toan quyền.

Dinh MALACANANG đã bao lần đổi chủ, cho đến năm 1901 mới thấy bóng người Phi, và cổ Tổng-Thống QUEZON là người đầu tiên đã sống trong đó.

Nhận thấy câu chuyện đã dài, chúng tôi cảm ơn ông ấy và xin cáo từ. Ra đến cửa, tôi gặp ngay các bạn Việt-Nam đang đứng đợi tôi. Chúng tôi rủ nhau đi giải khát, luôn dịp tiễn một vài anh em về Los Banos.



MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM



SÀI GÒN
LÀ RAI

Tết TRUNG THU

● HOÀNG-THẮNG

THEO ông Thái văn Kiềm thì Tết Trung Thu hay là Trung thu tiết là một tiết lễ có tính cách mùa màng. Tối rằm tháng tám, nhà nông thường ra ngắm trăng để xem mùa lúa tới. Nếu trăng sáng tỏ là điềm được mùa. Nếu trăng vàng thì nghề nuôi tằm được phát triển.

Chỉ có thể thôi, còn lý do tại làm sao cứ tới tháng tám là có mùa Bánh Trung Thu thì tôi xin chịu... dứt!

Và, cũng chẳng rõ lại sao, tết

Trung Thu lại là Tết của trẻ em.

Tôi còn nhớ khi nhỏ, vào ngày mùng 10 là Thầy tôi bày bánh, mút lên bàn, cùng những giống mía được lột vỏ, cắt từng miếng và xếp lại thành hình tháp, những con giống màu xanh, đỏ, những trái bưởi nghệ vàng ánh, và gạo cho tụi trẻ con chúng tôi coi và chơi. Ngoài ra lại còn có những ông Tiến Sĩ giấy, mặt trắng phau và đẹp giai hết mức, những đèn xếp đèn ông sao, con thiềm thừ.

Dầu đã hết. Chúng tôi còn được chơi đèn kéo quân, cùng là đồ chơi con thỏ đánh trống, xe quả đào, mỗi khi kéo nó chạy thì quả đào tách đôi ra để lộ một cô Tiên nhỏ. Rồi lại được coi con đò chạy bằng dầu hôi trong... chậu thau nước.

Những loại đồ chơi này đã dần dần biến hết theo thời gian để nhường chỗ cho những phát minh mới như xe tăng phun lửa, hỏa tiễn, máy bay, vân vân... Thời rồi nhưng ông Tiến Sĩ giấy, những cô tiên trong quả đào.

Tết Trung Thu ngoài Bắc hơi khác trong Nam. Bắt đầu từ ngày mười một trở đi, trên những đường phố đã vang lên tiếng trống Sư Tử. Mỗi khi có đám rước Sư Tử múa trước cửa nhà nào thì trẻ con, người lớn bu lại coi rất đông đảo. Lúc này, sự giao thông bị tắc nghẽn hẳn. Cũng tùy gia đình khi thấy đám rước Sư Tử tới đã vội vã đem tiền ra tặng để Sư Tử đi ngay cho được việc, nhưng cũng có

nhà, lại treo sẵn giải thưởng trên một cái sào thông qua cửa sổ lâu hai, hoặc lâu ba. Gặp trường hợp này, Sư Tử phải leo thang (nếu thấp thì ngồi trên cổ một người), có khi phải nổi 2, hoặc ba cái thang lại, để trèo lên... dớp bạc. Lễ dĩ nhiên số bạc đó phải tương xứng với sự múa may của Sư Tử. Tiếng trống thùng thùng như thúc dục. Đầu Sư Tử ngó ngoáy. Cái miệng tấp tấp. Bao nhiêu con mắt nhìn chăm chăm. Tuy nhiên Sư Tử cũng chưa chắc đã dớp được bạc ngay. Người treo giải vì cố ý muốn kéo dài cũng như làm cho «Sư Tử» mệt nên khi Sư Tử vừa tính dớp thì họ giật giây tiền lên làm Sư Tử vồ hụt và gây nên tiếng cười thích thú cho những người xem.

Khi Sư Tử giật được tiền rồi, thì nó tụt thang rồi múa thêm vài đường nữa như tỏ ý cảm ơn gia chủ và chủ nhà có khi hứng chí lại đốt pháo cho vui.

Ở trong Nam, vào những ngày Tết Trung Thu không có

múa Sư Tử, và trái lại, vào những ngày cuối năm thì lại có.

Và cũng vào ngày Tết Trung Thu, mọi gia đình, từ giàu tới nghèo đều mua bánh Trung Thu. Nghèo cũng phải có một cân bánh nướng, một cân bánh dẻo. Trẻ con thì được chơi và sau đó ăn những đụn sề, những con lợn nọc bằng bột mì.

có bánh nướng để ăn thì chẳng qua là tiệm bánh đó bán... ế!

Trong Nam vào tháng sáu âm lịch đã thấy mấy tiệm bánh của người Huế kiều bầy bán rồi và quá hết tháng tám, sang tới tháng chín, tháng mười hãy còn làm bán, nên cái ý nghĩa «Trung Thu Nguyệt Bính» đã bớt phần đặc biệt.



Và ở ngoài Bắc cũng khác hẳn trong Nam về mục ăn bánh Trung Thu.

Các tiệm bánh chỉ bắt đầu bày bán bánh nướng, bánh dẻo vào đúng ngày mùng một tháng Tám. Và tới hết ngày Rằm thì thôi không làm nữa. Nếu ngày mười, sáu, mùng bảy mà ta còn

Cũng vì chuyện bánh Trung Thu mà Nội Các của cụ Trần văn Hương bị mang tiếng, do sắc lệnh của Bộ Kinh Tế. Cái gì mà cấm tàng trữ, cấm chuyển vận bánh Trung Thu. Cứ như là đồ... quốc cấm vậy.

Với những tiệm bánh, vẫn

đề mua bột mì, đường, cùng bột vệt muối cũng như thịt, mỡ heo vờ nhân bánh như hạnh nhân, hạt dưa, bí phải chuẩn bị từ bao tháng trước. Lại còn đặt làm các hộp carton để đựng lánh nữa chứ.

Một khi bánh Trung thu trở thành đồ quốc cấm thì các tiệm bánh sẽ chết một cửa sổ. Kề ra cũng chẳng chết ngay đâu, nhưng vốn liếng ở ra để chết đóng trong kho thì cũng sốt ruột thật.



Nhưng may thay, với nội các mới, sắc luật cấm kia đã được hủy bỏ. Các tiệm làm bánh Trung Thu lại tha hồ làm, và người có tiền vẫn lại có quyền... ăn bánh.

Còn vấn đề nên ăn hay không nên ăn thì lại là chuyện khác. Nếu mắc quá thì không ăn nữa.

Có chết ai đâu! Còn như có thấy thèm thì mua một cân thôi, hay mua một chiếc cũng được. Ai biết mà cười chê!

Riêng với tôi, dù có cấm làm bánh Trung Thu hay cho bán, dù tiền bánh mắc hay rẻ, tôi cũng chẳng quan tâm vì, hằng mười năm rồi, tôi chưa hề ăn một miếng bánh nào. Cũng có ai «biểu xén» tôi, mà tôi thì lại nhất định không bỏ tiền ra mua. Không có bánh mình chẳng sao cả!

Nói tới vấn đề mua bánh, thì chúng ta phải công nhận rằng, giá bánh năm nay mắc quá. Theo sự hiểu biết của tôi thì mỗi mùa bánh như thế này, tiệm bánh lời vô số kẻ. Giữa một chiếc bánh nhân hạt sen một trứng mận với một chiếc «hai nhân trứng mận, giá cả cũng chênh lệch khá xa. Nếu ta tính kỹ, thêm một cái lòng đỏ hạt vệt muối — giá ở chợ là 15 đồng một cái hạt vệt muối — thì cái khối nhân hạt sen sẽ bắt buộc phải ít đi. Vậy mà nó lại mắc thêm

hằng bốn năm chục bạc! Thế là thế nào?

Lại nữa, mấy ông chủ bánh lại còn bày đặt, đặt tên này tên nọ như «bánh Hằng Nga Du Nguyệt Điện» bánh «Đường minh Hoàng vân du», vân vân và vân vân và giá bánh mắc gấp đôi các loại khác. Nếu là nhà chuyên môn, ta sẽ biết ngay nó cũng chỉ là bánh Thập cẩm thêm vẩy cá, thêm thịt gà quay mà thôi. Mà đã thêm thứ này thì bớt thứ kia. Đâu cũng vào đó!

Tết Trung Thu năm nay, nếu các bạn không được ai biểu xén gì cả, tôi khuyên bạn, nếu có thèm ăn bánh Trung Thu thì nên mua 1 cân thôi. Và một cân gồm 4 chiếc khác nhau:

1 chiếc bánh nướng nhân Thập cẩm

1 chiếc bánh nướng nhân đậu xanh, trứng mận

1 chiếc bánh nướng nhân hạt sen trứng mận.

Và 1 chiếc bánh dẻo,

Thế là xôm tụ rồi. Bạn chỉ việc nấu nước sôi pha trà tàu và gia đình bạn cứ việc nhâm nhi mỗi thứ một miếng. Cả một mùa Trung Thu đã yên vị trong bao tử. Đề rồi chờ năm sau, nếu không có ai biểu xén mình (tôi không xài chữ hối lộ — vì ăn hối lộ là chánh gốc tham nhũng rồi) thì ta lại tà tà mua 1 cân gồm 4 thứ khác nhau về ăn... chơi cho đỡ... buồn!

Còn ở trên Mặt Trăng, giờ đây chỉ có những Biên Yên Lặng, Biên Trong Sáng, Biên Mưa, Hồ Chết, Hồ Aristode v.v.. mà chẳng thấy Cung Điện Hằng Nga đâu cả thì cũng chẳng quan tâm làm chi nữa. Rồi có một ngày ta sẽ lên chơi cho thỏa và nhìn cho mãn nhãn!



TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM * NGON * NGỌT



Bữa củi thuê

Người đàn ông hai tay cầm búa
Bỏ mạnh xuống khúc củi thật to.
Chủ thuê : ngày hai bữa cơm no
Lương được bốn ngàn đồng mỗi tháng.



Chiếc búa cứ dơ lên bỏ xuống.
Từ sáng sớm cho đến chiều tà.
Bán sức lao động bao năm qua,
Người đàn ông đến tuổi già yếu.



Phải nuôi con ! Chén cơm manh áo
Tùy thuộc vào đống củi bữa ra.
Từng mảnh củi — mảnh buồn xót xa



Cùng thời gian... chắp cao như núi !
Đến nay lưỡi búa đã mòn rồi
Mà còn bỏ xuống mãi không thôi !

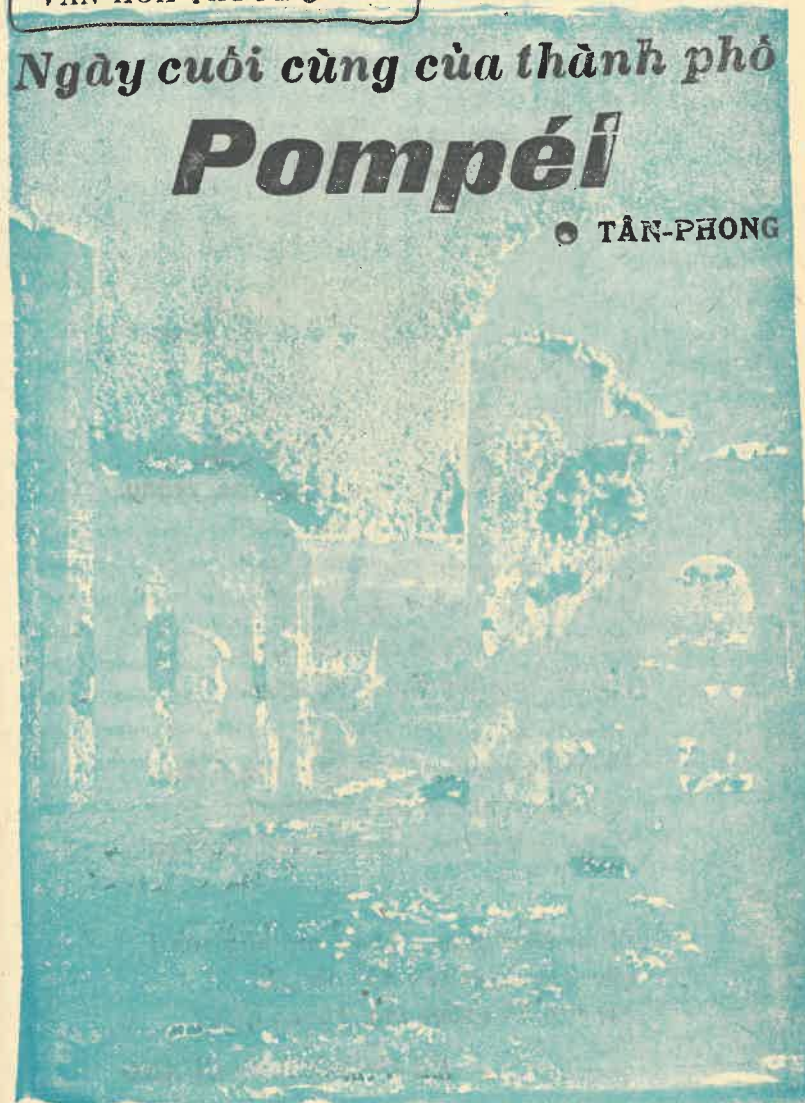
PHẠM-NGỌC-VỊ-QUANG

VĂN HÓA TÂY PHƯƠNG

Ngày cuối cùng của thành phố

Pompéi

• TÂN-PHONG



VÉSUYE, ở miền Nam nước Ý, là một hòn núi-lửa đã trở nên nổi tiếng nhất trên hoàn-cầu, vì tai họa vô cùng kinh khủng do nó gây ra cho cả một Thị-xã đang phồn thịnh ở bên chân nó, hồi đầu Thế kỷ thứ 1.

Pompéi, thành phố bị tai nạn bi thảm, cũng đã vào trong Lịch sử từ ngày nó bị chôn vùi, đột-ngột và khủng-khếp, dưới mười thước đá lửa và sỏi bùn sôi sùng-sục từ nơi miệng hỏa-diêm-son khạc ra liên tiếp ngày đêm, ngập chìm tất cả, phủ lấp tất cả, chôn sống tất cả.

Tám Thế-kỷ trước J.C. núi-lửa Vésuve đã tắt rồi. Người ta đã thấy nó hiền lành, quang đãng. Dưới phong-cảnh thanh-bình và mỹ lệ của nó, dân chúng đã xây dựng nhà cửa, chợ phố ở chân núi dần dần đông-dúc thành một Thị-xã phồn-thịnh của Đế-quốc La-Mã, tên là Pompéi, trên 30.000 dân.

Pompéi là một thành phố buôn bán và kỹ-nghệ, cho nên có nhiều nhà giàu, nhiều biệt thự rất đẹp

xây cất trên sườn núi, nhiều đền thờ lộng lẫy theo kiến trúc La-Mã Hy-Lạp rất thịnh-hành thời bấy giờ. Các đường phố đều lát đá bằng-phẳng, với những công tò-vò và những khai-hoàn-môn xây bằng đá xám, như Cổng Hercule kỷ-niệm chàng lực-sĩ Hercule, trên đường Stabia.

Ngày 20 tháng 8 năm 79 sau. J.C., thành phố Pompéi đang sống yên-ôn vui-chơi như mọi ngày. Bỗng đến trưa dân-chúng rất ngạc-nhiên nghe tiếng ầm-ầm như tiếng sấm vang rền trong không khí. Trời mây quang-đăng da trời xanh ngắt một màu, không một dấu-hiệu gì là sắp có dông-tổ. Tiếng sấm rền xuất phát từ nơi đâu vậy? Dần dần người ta có cảm-giác như tiếng ào-ạt từ dưới lòng đất nổi lên, như muôn vạn âm-hồn đang phá địa-ngục của

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

Diêm-Vương, la hét xôn-xao dưới âm-phủ, sắp ào-ạt kéo ủa lên mặt đất.

Tiếng ầm-ầm văng-vẳng ngày đêm kéo dài qua ngày 21, ngày 22, thì mặt đất bắt đầu rung-chuyển. Mặt biển cũng nổi dậy những đợt sóng thần từ dưới lòng biển dồn lên, đổ ào-ạt vô bờ như trong bão tố. Nhưng trời vẫn nắng chang chang, khí trời êm lặng, không có gió lớn, không một hạt mưa.

Dân-chúng bàn-tán rất xôn-xao sợ hãi. Diêm gì thế nhỉ? Núi Vésuve vẫn êm lặng kia mà! Người ta lo ngại một cuộc động đất, như đã xảy ra trước đó 17 năm, năm 62, đã gây nhiều thiệt-hại.

Nhiều người còn hy vọng một cơn sốt rét của Địa-cầu run rẩy vài hôm rồi sẽ hết.

Bỗng-dưng, sáng ngày 24 tháng 8, một tiếng nổ long-trời lở-đất khiến toàn thể dân-chúng dật mình kinh-hoàng. Mặt đất chuyển động mạnh như thể Địa-cầu sắp đổ bề. Mặc dầu mặt

trời đang chói rực rỡ, khí trời bỗng tối sầm lại, và từ các cành cây, hàng ngàn con chim vụt bay bổng rồi rơi nhào xuống đất, như bị một chứng bệnh gì phi-thường làm tê-liệt chúng. Một hơi nóng ghê-gớm, lẫn một mùi thúi tanh-tanh, từ dưới đất xông lên khắp thành-phố Pompéi và lan rộng ra cả vùng Campanie ở miền Nam La-Mã.

Dân chúng đã bắt đầu lo chuyện tản cư, nhiều người đã chạy trốn ra ngoại-ô thành-phố, tuy họ chưa hiểu chuyện gì xảy ra và sẽ xảy ra. Một số đông đứng ngóng về phía Núi Vésuve, la hoảng lên vì họ thấy miệng núi lở toét ra, và họ thấy... ồ... ghê rợn l... ghê rợn l... họ thấy... từ trong miệng núi bỗng phun

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ, Bào chế theo
công thức Hòa-Lan

ra... lửa ! Lửa ! Lửa ! Những ngọn lửa cao vút lên mây và những đá lửa từng cục, từng cục đổ lồm, khạc ra âm-âm với khói từng đụn, từng đụn, và... sau cùng là một suối bùn sôi sùng-sục phọt ra chảy tùm-lum, hơi bay khét-nghet.

Bảy giờ mới vào khoảng 9 giờ sáng, nhưng trời bỗng tối như đêm đen. Đá lửa phun ra tua tủa như ở một lò rèn kết-xù, sáng rực cả một vùng, và rớt xuống chung quanh núi, rớt đâu là cháy đó. Những đám cháy bùng lên khắp cả chu-vi hỏa-diệm-sơn, khói lên nghi-ngút. Đồng thời vô số những giòng suối lửa đầy bùn nung nấu với những tia sáng xanh lè, từ nơi mình núi tràn ra chảy ào-ào xuống sườn núi, lôi cuốn và cháy rụi hết tất cả biệt thự, nhà cửa, cây, cỏ, vườn hoa, vườn rau, trôi rào-rào xuống biển.

Biển cũng nổi sóng, như một chảo nước sôi rộng lớn mênh mông, đổ vào bờ những đợt sóng đầy bọt và hơi nóng mịt mù oi-ả. Bao nhiêu thương thuyền, du-thuyền chưa kịp rời bến đều bị cháy và chìm xuống chảo nước

bùn đang sôi ngùn-ngụt ấy. Bùn nung nóng phùng-phục chảy từ trên hỏa-diệm-sơn xuống mạnh ào-ạt không những tràn ngập cả bờ biển mà còn đổ cả ra biển, ra tít ngoài khơi đến đời ngày nay, sau 2000 năm, người ta còn thấy cách xa bờ biển Naples những cồn đá bùn của núi lửa đổ dồn tới đó. Suối lửa, bùn lửa, hoành-hành thiêu-hủy và tràn ngập cả thành phố Pompéi, và ra xa hơn nữa trong một chu-vi 25 kí-lô-mét chung quanh núi Vésuve. Tất cả nhà cửa, cao, thấp, sang, hèn, tất cả thành phố Pompéi, tất cả xóm làng lân cận, đều bị đá lửa và bùn lửa ngập khắp hết như đại-hồng-Thủy, chôn vùi hết dưới 10 thước bùn nung nóng như dưới một biển bùn sền-sét, phùng-phục cháy đêm ngày, khói tỏa mịt-mù, tanh hôi cả một khu trời, Toàn thể thị-xã Pompéi, trong một ngày một đêm bỗng-dưng biến mất ! Chẳng có một phương kế nào trốn thoát, hay cứu vớt được. Chạy trốn đường nào cũng không khỏi. Một con ngựa phi nước đại cũng không mau

bằng một thác suối bùn đang sôi sùng-sục chảy ào ạt như nước lũ từ trên miệng hỏa-diệm-sơn đổ xuống phố phường thôn xóm... Không một chương-ngại-vật nào có đủ sức cản trở sức mạnh khủng-khiếp từ trong miệng lửa khạc ra.

Kể tiếp, không ngừng, suốt ngày đêm, những suối bùn nung đỏ, loe những tia xanh, đổ xuống Pompéi, lớp sau phủ lên lớp trước, cứ chồng-chất thêm lên, cho đến khi dần dần nguội lại, đọng lại thành một lớp đất dè, lâu ngày khô trở thành cứng-rắn, không thể nào đập phá được.

Một năm mờ vĩ-dại, mênh-mông chôn chặt dưới 10 thước sâu, cả thành phố Pompéi xinh đẹp, phồn-thịnh đang hoạt-dộng vui vẻ trước đó chỉ vài giờ, ngày 24 tháng 8 năm 67 sau Chúa J.C.



Tuy-nhiên, sau này người ta chỉ phỏng 3000 người chết, nghĩa là 1 phần 10 dân-số

Pompéi. Thế còn 9 phần 10 nữa đâu ? Tai-họa do núi lửa Vésuve đã gây ra rất là đột ngột và rất là tàn ác, khiến cho chúng ta phải ngạc nhiên về sự kiện trên 27.000 người — hầu hết dân thành phố — đã kịp thời thoát nạn được. Và họ thoát được bằng cách nào ? Trong số 3000 người tử-nạn, đã kể cả những người chết trên các thuyền buôn và các thuyền du-khách đậu trong bến, và những người chết ngạt vì khói lửa.

Sự thật như chúng ta đã biết, là từ ngày 20 tháng 8, trước đó 4 ngày, đã có động đất và có nhiều triệu chứng ghê-rợn khủng khiếp. Do đó, một số đông đã thoát trước, nhưng họ chỉ tạm-thời tản-cư ra ngoại-ô; chứ cũng chưa đi xa hẳn, vì chưa biết thế nào. Dư luận dân-chúng đã xôn-xao vô cùng, nhưng chưa ai ngờ rằng giờ phút cuối cùng của thành phố Pompéi đã diêm. Vì vậy, sau khi nhận thấy những triệu chứng bất tường trong những ngày 20 và 21, qua ngày 22 và 23 hầu hết dân-chúng đã cuộn gói

chạy đi tản-cứ ra ngoại-ô châu thành, với hy vọng một hai ngày tại họa sẽ qua, họ sẽ trở về nhà.

Những người tản-cứ vội-và như thế, — và cũng là đại-đa-số — đều là người bình dân: tất cả đồ-dạc trong nhà có thể cuộn trong một vài gói, vợ chồng con-cái chia nhau ôm mỗi người một gói dễ chạy nạn. Họ ra ngoại-ô, để chờ xem. Đến sáng ngày 24, thấy hỏa-diệm-sơn Vesuve phun lửa mỗi lúc mỗi mạnh, họ mới chạy xa hơn, và kịp thời giờ khỏi bị chôn vùi dưới tro và bùn của núi lửa.

Những người có nuôi ngựa, dê, lừa, cũng đã cỡi trên lưng các con vật ấy để thoát được vật lẩn người, hai ba tiếng đồng hồ trước khi cái suối lửa đỏ bùng sôi xuống thành phố.

Chỉ có những người nhà giàu và tiếc của, là còn chân-chà ở lại, và đến khi «nước đến chân» họ mới nhảy, thì đã quá trễ rồi. Họ bị chết trôi và chết cháy trong giòng suối bùn, tại chỗ,

không kịp cất bước ra đi.

Hầu hết trong 3.000 người chết trong ngày 24 đều là những gia-đình giàu có, ở trong những biệt thự sang trọng, có nhiều của quý mà họ không thể dời đi được ngay, tiếc của ở lại giữ đến phút cuối-cùng.



● *KỶ SAU : — 19 thế kỷ sau, ai đã đào đất tìm ra thành phố Pompéi, và nhiều vết tích bất ngờ, chứng tỏ đời sống của dân-chúng Pompéi nguyên vẹn trong lúc tai nạn không thoát kịp.*

● *Bức hình nơi đầu bài này : Cổng Hercule, kỷ-niệm lực sĩ Hercule, trên đường Stabia của thành phố Pompéi, đã khám phá được gần nguyên vẹn sau khi đào đất lên.*



Văn-tê Liệt-nữ

NGUYỄN-THỊ-GIANG

● của Bà Đặng-thị-Tư, (tức là Bà Nho, vợ ông Võ-Tòng), trong nhóm Việt-khieu ở Thái-Lan, ngày 20 tháng 6 năm 1930.

SAU vụ khởi nghĩa Yên-báy tháng 2-1930 thất-bại, ngày 17-6-1930, Nguyễn-thái-Học cùng 12 liệt-sĩ bị Pháp giết, Nguyễn thị Giang, một nữ đảng-viên Việt-Nam Quốc-dân-Đảng cũng là vợ Nguyễn-thái-Học đã dùng sức lực quỳên-sinh theo chồng.

Được tin ấy, nữ giới ở Thái-Lan, tỏ-chức lễ vọng truy-niệm rất long-trọng ở Phi-Chật.

Bài văn sau đây được đọc trước lễ truy-niệm ấy.

«Chị Giang ơi,

Năm Châu mờ-mịt bụi hồng, một đoàn con chim Việt đang ngại-ngùng trong cái buổi gió mưa.

Chị em ta sinh gặp lúc bấy giờ, cát lăm ngọn trắng, nó có trừ đâu khách hồng nhan ?

Gồm ghê thay cho cái lũ giặc hung-tàn, chúng già tay bóc lột, chúng cả gan ăn sống thịt người.

Chị Giang ơi,

Nợ đời chị trả thế xong, tình đoàn-thể, nghĩa tình chung Chị đã đền bồi.

Năm xương thơm, chín suối ngâm-ngùi. Bạn quần thoa ta đó, ai là người nổi gót ngàn thu.



Trước buổi lễ truy-niệm Nguyễn-thị-Giang, anh Bùi-trọng-Kiên, tức Năm, một thanh-niên cách-mạnh ở Thái, cảm-tác bài

thơ sâu đây :

Tình chồng, nghĩa đảng gánh
giang-san.

Thác xuống tuyên-dài hận chữa
tan.

Xương trắng nêu cao gương
tiết-nghĩa.

Máu hồng im thắm chữ trung can.

Ngàn năm tổ-quốc ơn ghi mãi.

Một thác phu quân nợ trả tròn.

Thành bại mặc ai đời nghị-luận.

Muôn ngàn năm đề tiếng Cô Giang



Nỗi lòng cổ-quốc tha-Hương

(Ca Huế điệu Hành-Vân)

Của ông Ba-Sót, người Quảng-bình, một cán-bộ cách-mạng ở Thái.

Tựa... quê người,
Đất lạ đường xa,
Làn mây tía, che kín non sông...
Chữ... bao là mù mịt.

Mòn con mắt,
Trông trời Nam bóng nhận về
thưa.

Luống chạnh lòng thương người
trong mộng.

Người trong hội.
Sao nhớ xa-xăm,

Quần ruột con tằm
Da sầu trăm đoan,
Nỗi sầu ngâm sầu ngâm.

Nỗi tan-tán.
Lân khuất núi rừng.

Góc bể bên bùng.

Nghĩ mà thương mà thương ;

Thấy giống nòi bơ-vơ mà
thương.

Tâm tình lại lảng.

Bâng-khuâng càng nghĩ càng
thương.

Bài văn của Việt-khieu ở tỉnh Oudonne, thuộc khu Đông-Bắc Thái-Lan, đọc trong dịp lễ «Tam Chu kỷ-niệm» (1927) Phạm Liệt-sĩ HồngThái.

● Tác-giả : Ngô-Thúc-Tuân, người làng Mỹ-dụ, phủ Hưng-
nguyên, một cán-bộ cách-mạng ở Thái.

Than rằng :

«Bề Quế vơi đây.

Trời Nam giông tố.

Mây ngàn dậm mệnh-mông
miền Tổ-quốc, non sần bề thâm,
quặn ruột tằm như chín khúc vò
tơ.

Cực trăm năm trường tới
đăng vĩ-nhân, đất khách quê
người, tuôn mát lệ phải
hai hàng lệ nhỏ.

Nhớ Liệt-sĩ xưa ;

Hồng Lĩnh chung linh.

Lam-giang dục tú.

Thuở thiếu-tuế theo đôi đèn
sách, lấy đạo-lý cương thường
làm chủ-nghĩa, trường lợi danh
chỉ có động gạn vàng.

Lúc tráng-niên ra Bắc vào Nam,
đem quốc-gia chung tộc làm lập

trường, chỉ cách-mạng lại nông-
nàn hơn lửa đỏ.

Bởi vì chưng :

Tổ-quốc trăm-luân.

Giống nòi khốn khổ,

Tức tối nỗi, bốn ngàn năm non
nước, đất thanh cào đầy dấu vết
sài-lang.

Xót xa vì : hăm lăm triệu sinh-
linh, đồng thần thánh sa vào
hang báo hổ.

Miếng chung đỉnh lư làng xanh
bu kín, đưa lợi thăng danh.

Mạch cao chi quân quý tráng
hút dân, nước hèn dân khổ.

Cho nên ông :

Quyết chí tiêm cứu.

Giốc lòng tế độ

Nặng nợ nước gánh gia-đình phải
nhẹ, chôn huyền giả dối, nghĩa

sinh-thành con với mẹ phụ phụng.
 Đây lòng công niệm ân-ái phải
 với, cảnh liễu ngầy thơ, tình chán
 gối vợ cùng chồng lánh bỏ
 Qua tiêm-la thăm hỏi, bạn đồng-
 tâm.
 Tôi Trung-quốc dễ tìm nơi dụng võ
 Tin Merlin lần sang Sa-diện sẽ
 tính sau đây ?
 Chúc Trọng-Cạn ta phải trừ
 tàn Ông đà sẵn có.
 Chốn Sa-diện lên vào hang cọp,
 quyết ra tay khóc quỷ kinh thần.
 San Vực-dà phê thẳng hàm
 ly bỗng một tiếng trời long
 đất đỏ.
 Vì cách-mạng há thềm riêng
 danh-dự, thủ-đoạn này nào học
 kế Kinh-Kha ?
 Bởi quốc-thù đâu phải cơ trung
 quân, tạc đạn ấy há như dùi
 Trương-phủ.
 Chính trách-nhiệm quốc-dân là thể,
 thức-tính đồng bào đứng dậy,



mở mặt mày với thế-giới hoàn
 đĩnh.
 Gây phong-trào cách-mạng từ
 đây, Sáng ngời lịch-sử xưa nay,
 gương nghĩa liệt ấy ngàn năm
 bất hủ.

Anh em chị em chúng tôi :
 Xót nỗi tha hương,
 Đưa lòng nước Tồ.
 Với tinh-thần phán-đấu, chúng
 tôi nguyện hết sức noi theo.
 Với dũng-khí diệt thù, chúng tôi
 quyết lòng cùng-cổ,
 Rừng cách-mạng xin góp cây.
 Bão cách-mạng xin góp gió.
 Đọc đến chữ đồng-thanh đồng-
 khí, dạ đình-ninh kẻ khuất với
 người còn.
 Đọc tới câu đồng bệnh đồng
 thuyền, lễ kỷ-niệm biểu tấc lòng
 ngưỡng-mộ.
 Thiêng-liêng hồn liệt-sĩ thấu cho.
 Cao rộng có trời xanh chứng tỏ».

Bài văn của Việt-khieu ở Thái-Lan vọng Truy-diệu những liệt-sĩ Nghĩa-Dân đã bỏ mình trong 2 cuộc khởi nghĩa Yên- báy và Nghệ-Tĩnh.

● Một sáng-tác tập-thể của những người cách-mạng ở
 Thái.

Than rằng :
 «Vùng Quế hải gió tanh mưa
 máu, áng ba đào vì tình thế xui
 nên ;
 Cõi Viêm bang núi thịt cồn
 xương, nỗi bi thảm xưa nay chưa
 mấy có.
 Ngoài ngàn dặm trông về cố-
 quốc, non sâu
 Bề thảm, quận ruột gan như chín
 khúc tơ vò.
 Cuộc trăm năm tưởng tới đồng-
 tâm, cỏ úa hoa dầu, dầu sắt đá
 cũng hai hàng lệ nhỏ.
 Anh em chị em ta ;
 Gặp lúc vận nước suy vi ;
 Giống nỗi cực khổ.
 Quân quỷ trắng, già tay bóc lột,
 rày sưu mai thuế, bóc tận xương
 da ;

Lũ lằng xanh, bu miếng dính
 chung, bán nước buôn dân. kẻ
 chi máu mũi.
 Tuy cách-mạng đã từng phen
 bùng-bột, tiếc nỗi tâm chí có
 thừa, mà phương-châm chưa đủ ;
 sức ve mình cháu đành chịu
 khoanh tay.
 Thôi thì dày bữa hết cách, dàn-
 áp đủ đường, dầm ngựa ách trâu,
 hãy còn trụ cổ.
 Tuy tân-học đua nhau Âu-hóa,
 bình-dẳng tự-do thò cửa miệng,
 thực lòng vì nước trăm người
 chưa có một, ngấm tiền đồ thêm
 ngán bọn Tây-do.
 Bọn cự nho toan kẻ duy-tân,
 anh-hùng lãnh-tự chắt đầy lòng,
 thực dạ vì nòi, xóc sổ được bao
 nhiêu, thôi đại-sự chắc chi

người Đồng-dộ.
Nay gặp lúc phong-trào sôi nổi,
khắp năm Châu trống dục kèn
kêu.
Nay gặp người chi lối đưa
đường, cùng bốn bề triều dâng
sóng vỗ.

Rừng cách-mạng ta góp cây ;
Bão cách-mạng ta góp gió ;
Màn phấn-dấu khởi thán hai
năm ngoái, côi Yên-báy dậy một
phen oanh-liệt, máu quốc —
dân phun nhuộm đám sa-trường
Cuộc biêu-tình liền thán chín
vừa đây, đất Hồng-Lam gầy
mấy trận tung-hoành, hồn tồ-
quốc kêu vang kèn dục võ.
Nhân-dân Việt đã quyết-chí tiềm
cửu.
Đế-quốc Pháp phải già tay
khủng-bố.

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại
mới PENICILLINE-V uống
dễ dàng mà công hiệu như
chích PENICILLINE - G



Thương những kẻ gan vàng dạ
sắt, lẫn-lóc tuyên-truyền vận-
động, bỗng rúi cơ mưu bại lộ,
nhẹ lòng hồng khi lên máy đoan
đầu.

Xót những người rách áo dúi
cơm, ước-ao bạnh phúc dân-
quyền, mà đem tính-mạng hy-
sinh, phá hang cộp đề tìm
đường sinh lộ.

Thương những kẻ những trong
trường thương-mại, phá gia-
nghiệp ngàn vàng tư trợ, án tình
nghị không quản lúc kèm tra.

Xót những người giữa ánh binh
nhung, rắp ranh thân Hán tâm
Hán, chước đào qua gậy mảy
trận tung-hoành, hồn nghĩa-liệt
nhaoáng theo hồn đạn nổ.

Bạn má phấn phất cờ nương-tử,
chí tang-bồng, duyên hồ-thĩ, phạm

liêu-bồ vui giữa đám binh đao.
Bọn đầu xanh kết đôi thiếu-niên,
đi diễn thuyết, phát truyền-đơn,
dem sinh tử đề ra ngoài mệnh
số.

Thương những kẻ Hỏa-lồ,
Khám-lớn, mài mặt chống cùng
oai võ, tiếc nổi gan vàng mà mệnh
bạc, hồn lìa theo ngọn búa đầu
roi.

Xót những người Lao-bảo, Côn-
lôn, bấm gan chịu với phong-
trần, gặp nơi biển nước non xanh,
xác đành gởi ngàn cây nội cỏ,
Ôi thương ôi, tắc dạ trung-trinh,
tấm lòng kiên cố. Nhưng cái
chết đáng thương đáng tiếc,
đáng dạ nhớ lòng ghi,

Những cái chết đáng quý, đáng
yêu, đáng bia đồng tượng gỗ.
Người ấy vì còn sống lại, còn
hy-vọng cho quốc-gia dân-tộc còn
nhiều.

Thân kia dầu có chết đi, cùng
ảnh-hưởng cho cách-mạng đồng-
bào chẳng nhỏ.

Anh em chị em tôi,..

Túi phận quế người. Chạnh niềm
nước cũ. Đọc đến chữ «tinh-thần
bất tử» dạ định-ninh kẻ khuất
với người còn. Gẫm đến câu
«Khí-phách trường tồn» lễ truy-
diệu biêu tấm lòng ái-mộ,
... Hỡi ôi, Thương thay...

● ĐÔNG-TÙNG (sao lục)



● «Một chút triết-học khuynh-hướng người ta đến
chủ-nghĩa vô-thần, sự hiểu biết sâu rộng về triết học đưa
con người đến tôn-giáo.

FRANCIS BACON

Cái tú sách

● MỸ-KHANE

DANG ngủ, Trình chợt bị thức giấc về những tiếng rào rào trên mái nhà và một luồng gió lạnh từ ngoài thổi vào, qua cánh cửa nan bật mạnh ở đầu chái. Con mưa to quá, chẳng mấy chốc, nước chảy mạnh xuống ống xối trước hiên. Trình chợt kêu lên : «Thối chết cha tôi rồi ! » Rồi chàng vừa mò mẫm đôi dép vừa tìm bật lửa thắp đèn. Mấy lần lửa vừa lóe sáng ở tim bật lửa là mấy lần bị gió tắt tắt ngay. Gian nhà nhấp nháy sáng được một phút lại rơi vào bóng tối mịt mù. Anh chàng lẩm bẩm : «Khổ quá, khổ quá ! chắc ướt hết rồi ! » Giường bên kia, người vợ ngủ say, tiếng ngáy đều đều của một người bình thân. Chàng vừa tìm được thể bật lửa khỏi tắt, đốt đèn lên, là lay vào vai Tâm : «Dậy, dậy, ngủ gì mà như chết ! Ướt hết cả sách của tôi

rồi đây nè ! » Người vợ giật mình, ngồi lên gọn lỏn. Nàng nói như người thức từ lâu :

— Chớ mẹ con tôi bộ khỏi sao ! Anh thì lúc nào cũng lo bộ mấy quyển sách.

Nàng vừa nói vừa cúi xuống bằng phẳng bé lên một tay, một tay kéo xệ chiếc chõng tre lại chỗ khác. Đặt con nằm yên rồi, nàng lấy khăn lau chỗ chiếu ướt, nói như phân bua :

— Mối mưa sơ một trận mà đến nổi nỉ, chớ mai mốt lấy chỗ đâu mà rúc.»

Trong lúc người vợ vừa càu nhàu vừa đi thắp chiếc giường khác có hai đứa con lớn hơn ngủ ở đấy, Trình im lặng lo dời cái lò sách vở của chàng đến một chỗ an toàn hơn. Nước trên mái nhà cứ vô tình nhỏ xuống liên

tiếp, liên tiếp dộp dộp trên những tấm bìa sách đủ màu đủ cỡ. Trình cầm từ quyển, âu yếm vuốt những giọt nước đọng như những bà mẹ âu yếm vuốt tóc cho con. Khi quyển sách cuối cùng đã dời xong, chiếc bàn được bỏ trống, nước tha hồ nhỏ giọt mỗi lúc một nhanh, một nhiều khiến mảnh nền nhà dưới chân bàn ướt loang thành vũng to tướng.

Trình tắt đèn, lại ngã mình xuống giường. Nghe con mưa kéo dài thời gian, chàng xuyết xoa : May, may khỏi ướt mấy quyển sách ! Vợ chàng đã vào nằm với thằng bé từ bao giờ. Nàng xì một tiếng :

— «Gạo, khoai không lo. chỉ lo ba quyển sách. Sách thì ăn có no không ? Trình bừ môi trong đêm tối rồi bắt đầu nằm yên. Tiếng ngáy giường bên kia lại đều đều, bình thản hơn lúc nãy. Người vợ, vừa dứt tiếng nói, đã dễ dàng rơi vào giấc ngủ.

Vừa chớp mắt một lát, Trình lại nhòm dậy, nghe ngóng. Cái

tiếng sục sạt sao mà khác mọi đêm. À đích là chuột. Nhưng chúng nó không cạy nắp thùng gạo trèo vào mà lại cạp cạp vật gì nghe như giấy. Chúng quái thật, định nhai mấy quyển sách của Trình. Thế thì quá lắm. Ai nói cho chúng biết. Mọi hôm sách vẫn xếp đầy bàn, không sao, hôm nay trời mưa, nhà dột, chàng đem nhận vào mấy chiếc thùng giấy «Sửa Ông Thọ» mà nhờ chị Trình buôn hàng xén mới có, thì chúng nó lại rập tằm phá. Trình ngồi dậy, lại bật lửa thắp đèn. Bên ngoài gió đã lặng, mưa đã tạnh. Chàng lau bàn khô cẩn thận rồi ý-ạch kéo nó lại kê một chỗ khác cho bảo đảm được trận mưa nữa có thể đến. Xong, mở từng chiếc thùng giấy, và bằng cử chỉ nhẹ nhàng, nâng niu, chàng lại ôm từng chồng sách ra xếp trên bàn.

Sáng hôm sau, Trình dậy muộn. Chàng vừa xỏ chân vào dép thì tiếng người vợ nói dưới bếp đưa lên :

— Lục đục hoài cả đêm với

ba quyển sách, làm sao mà dạy cho nổi ! Cậu nói giữa thính không mà Trình thừa biết là ám chỉ chàng, nửa có nghĩa như đáng kiếp, nửa có nghĩa như thương hại, lo lắng cho sức khỏe chồng. Ý nghĩa sau này làm Trình vui vui cảm thấy vợ không đến nỗi không hiểu mình. Trong đời sống vợ chồng, đã có nhiều lần lời qua tiếng lại, Trình vụt ân hận rằng mình trót lấy một người vợ thương quá. Trình thích đọc sách, viết văn. Ngoài hai buổi đi dạy một trường tiểu học tư ở ngoại ô, chàng dùng nhiều thì giờ rảnh rỗi để cầm bút vào những quyển sách, hoặc với cây bút trước tập giấy trắng mở rộng. Chàng mê viết và mê đọc như người ta say mê một món cờ bạc, chẳng ngại không gian và thời gian. Vợ chàng chỉ chăm với ngôi hàng xén, hàng ngày tính lỗ tính lời, nắm việc thu chi trong gia đình như một viên tướng cầm quân ra trận, sẵn sàng mưu lược đề đối phó với địch. Mỗi một lần có đứa con ốm đau, hoặc đứt hàng không có để mua

bán, mà nàng ngộ ý muốn nhờ chàng, là một dịp cho vợ chồng cãi nhau. Vì lẽ mỗi lần người vợ nói những chuyện ấy với Trình thì chàng thân nhiên bảo :

— Đàn ông ai biết đâu ! Làm sao thì làm xong thôi !

Có khi, đáp lại lời chồng, vợ chàng nguyền một cái, đi thẳng.

Có khi nàng bức tức, la hét than thân trách phận từ lúc Trình còn ở nhà cho đến khi bóng chiếc mũ trắng mất hút khỏi con đường quẹo. Thường là, sau những lúc đó, Trình nhận thấy mình vô lý và cảm thấy thương vợ, nhưng chứng nào vãn tật ấy, rồi chàng không xử sự khác trong một trường hợp như thế, xảy ra sau.

Hôm nay, trong câu nói của vợ, Trình nghe có vẻ gì âu yếm, săn sóc, không hằn học, gây gổ như mọi khi. Trình mỉm cười, khoan khoái.

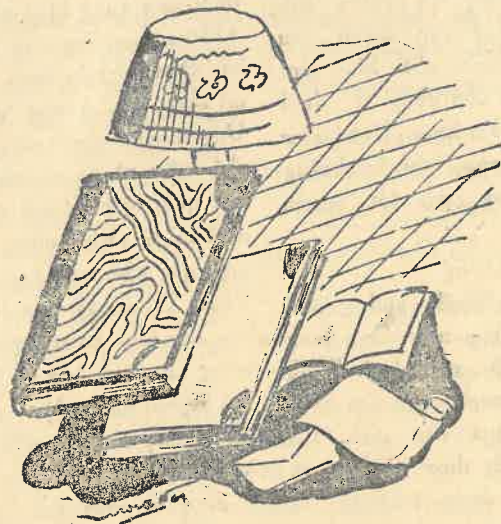


Mặt trời lên đã cao, khỏi lười

cau quanh giếng và chiếu ánh nắng xiên chéo vào mảnh sân phẳng phiu trước nhà. Mấy giọt mưa đêm qua còn đọng ở đuôi tranh, tròn và lóng lánh như viên kim cương, thỉnh thoảng rơi xuống hàng gạch lót trước thềm.

Người vợ đã đi xuống phố về việc mua bán, mấy đứa con kéo nhau ra đầu ngõ chơi. Trình mở hết các cửa rồi ngồi vào bàn mân mê một quyển sách. Có mấy tập bị ướt nhoe cả bìa, và giờ lần xuống dưới, mấy tập bị ẩm. Trình xuống nhà lục lại hàng hóa của vợ tìm được ba cáiallet cả lò sách ra phơi. Vì không đủ chỗ, chàng sắp chúng xen lẫn, nằm chồng chất lên nhau, chỉ mấy tập ướt nhiều được phơi ngay ngắn dưới mặt trời. Trình làm công việc đó với tất cả vẻ tận trọng và vui thích trong lòng. Nhưng rồi chàng chợt buồn ngay. Những chiếcallet nhỏ hẹp, những quyển sách không chỗ ở yên, mái nhà đột khi đêm nhắc chàng nhớ và tiếc rẻ cả một

thời xưa xung túc, phong lưu. Thân sinh chàng xưa kia là một bậc khoa cử hiểu học, cũng ham mê sách như chàng ngày nay. Ông cụ mua nhiều sách chữ Hán, chữ nôm và cả những bộ sách chữ quốc ngữ có giá trị. Ông có một cái tủ sách riêng biệt đặt một góc nhà mà ông rất quý ! Thuở Trình hãy còn là cậu bé con học lớp ba trường làng thì trong nhà, sau ông cụ là chỉ có hai người anh lợn của chàng được phép sờ mó đến tủ sách. Vào mùa mưa lụt, trong những ngày nắng mới ảm áp, người cha thường nhắc con lục hết sách ra phơi, sợ bị ẩm mốc. Hai anh Trình, mỗi lần ôm một chồng sách từ trong nhà đi ra, bỏ vào mấy chiếc nong lớn, kê giữa sân là còn nghiêng đầu đứng nán giờ xem quyển này quyển khác. Có khi gặp chỗ say mê, họ quên cả nắng gắt, quên cả công việc đương dở dang, khiến người cha phải thúc : « — Ô, ô mau lên con, hết nắng rồi. » họ mới tiếp tục đi khuôn chồng khác. Chiều lại, cũng hai anh em họ sắp xếp lên ngăn tủ. Người cha chỉ



đứng xem xét, nhắc điều này điều nọ. Hồi ấy, Trình mãi chơi, thường thăm phục mấy người anh sao không biết chán những chồng sách dày đặc chữ và hầu như vô nghĩa.

Trình lớn lên trong khói lửa. Cả cái cơ nghiệp của cha chàng đã tiêu tan theo tiếng súng. May sao, vật còn sót lại, hợp với sở nguyện Trình là những bộ sách quý giá, nhờ ông anh cả lượm lặt mang theo khi đã tản cư

Người anh cả chết, người anh thứ bỏ làng đi xa, bây giờ Trình là chủ cái kho sách. Cùng một lúc với khi nhận quyền thừa hưởng cái của báu do cha để lại, Trình cũng bắt đầu thấy ham sách, mê sách một cái cuồng nhiệt. Trong hoàn cảnh chật vật, Trình cũng cố gắng mua thêm khi ít khi nhiều các loại sách có giá trị về văn học, lịch sử, khảo cứu...

Món chi phí ấy, lần nào chàng cũng phải tranh đấu với vợ mới có được. Tâm thì cho rằng không

thể để nó vào sổ chi trong gia đình được vì nó không cần thiết như gạo, củi, nước mắm, vana vân...

Ít lâu nay, Trình mơ màng đến một cái tủ đựng sách. Chàng chỉ phác họa trong đầu óc chứ chưa dám đem nói với ai, nhất là với vợ, người không mấy ưa « cái đồ không cần thiết của chàng » Nhưng càng mong ước, chàng càng thấy nó xa lắc xa lơ. Nhiều khi quá mong ước, Trình có ý nghĩ rằng giá bây giờ những quyển sách ấy được xếp cẩn thận ngăn nắp vào một chiếc tủ, là chàng không còn gì để mong ước nữa. Đã mấy lần xuống phố đi ngang qua hàng gỗ, chàng dừng chân hàng giờ ngắm nghía một chiếc tủ đẹp, bóng láng, kiểu hãnh đứng chính giữa nhà. Nhớ có một hôm, chàng đánh bạo lại gần xem và hỏi giá. Mụ chủ, nhìn chàng suốt từ đầu đến chân, ra vẻ ngờ vực cái khả năng của chàng. rồi buông một tiếng : Hai nghìn !. Trình lưỡng cuống mặc cả vài câu trong mồm rồi vội vàng đi, như sợ ai nghe rõ. Mụ chủ cong

còn nhìn theo chàng : « Sớm mai mở hàng khéo gặp, bộ tưởng ấy mà mua bán gì ! » mặc dầu lúc đó đã gần trưa. Câu nhiee móc của mụ chủ tiệm gỗ như theo mãi bên tai khiến Trình mất hết can đảm muốn vào những tiệm khác. Trên đường về chàng lại mơ ước, và đến nhà, khi ngã mình xuống giường chàng lại tính toán thì thầm để rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Với số lương ít ỏi, Trình cố hết sức nhịn tiêu cũng không sao hàng tháng để dành được chút đỉnh. Vợ chàng buôn hàng xén gọi là có công việc chứ chả ăn thua vào đâu bởi vì vốn vay của người khác, tháng tháng còn lo góp nhóp đồng lãi. May ra hàng họ đắt thì chi tiêu vào chợ búa, quà vật cho con. nếu gặp ế ẩm thì lương của Trình chia nhỏ chia to mà vẫn thiếu dầu hạt đuôi. Có hồi Trình cương quyết cắt riêng mỗi tháng năm chục nhưng số tiền vừa lên đến hai ba trăm đồng là phải bỏ ra xí xóa vì thằng con ốm, vì vợ chàng đẻ, vì lo một ngày kỵ giỗ, vì có người

trong họ mời đám cưới hoặc một đứa cháu trai đến chào vợ chồng chàng đi quân dịch. Những lý do chỉ tiêu ấy đều ngoài ý muốn Trình và đều là những lý do cứng ngắt không thể xê dịch, sửa đổi.

Thấy nhiều người tiêu bạc nghìn một cách vung phí dễ dàng, Trình âm thầm tiếc và ao ước đứng vào địa vị người đó. Chàng liên tưởng đến thời kỳ phong lưu sung túc của cha, mỗi mong mỗi về vật chất đều dễ dàng thực hiện, không có sự suy tính đắn đo, đắn vật như cảnh ngộ chàng ngày nay. Cái tử sách của chàng vẫn hazy còn xa xôi quá!



Ngẫm nghĩ mấy tấm ván, Trình luôn luôn gật đầu, tỏ vẻ hài lòng. Chàng nhớ lại một câu trong Tướng số Tử vi của Tờ Báo xuân hôm Tết: «Tuổi Thìn. Bạn hãy cố gắng thêm. Điều ao ước của bạn sắp thực hiện» Điều ao ước của chàng phải chăng là có một cái tử sách?

Trình nhớ lại thử mình có ao ước gì nữa ngoài cái tử sách không? Chắc là không. Trình cũng không tin tướng số lắm, nhất là Tướng số trên mấy tờ báo hằng tuần, nhưng từ hôm bước qua năm mới, đã có nhiều sự kiện xảy ra khiến chàng lạc quan, đi dần đến niềm tin chính thức. Đầu tiên là khoản tiền nhuận bút 1000đ nhận được của nhà báo hôm ra Tết, rồi đến món tiền bán ruộng tặc do người chú họ ở quê đem ra chia cho Trình non tám trăm nữa. Xấp giấy bạc trong tay, Trình nghĩ ngay đến cái tử sách chêm chệ giữa tiệm gỗ Giữa lúc ấy, người chú chợt hỏi chàng:

— «Tôi dư một bộ ván ba tấm, anh có cần dùng tôi để lại cho. Rồi nhìn quanh gian nhà của Trình, bắt gặp ba chiếc chõng tre đề thành hàng, ông ta thêm:

— Để cho cháu nó nằm, rộng rãi và chắc chắn anh ạ!

Nhưng ý Trình lại không ở chỗ để nằm:

— «Cháu chỉ muốn có một cái tử để sách. Năm đầu không được, cháu thì chẳng cần.

Ông chú cười ha hả, vỗ vào vai Trình, như phát minh ra một điều mới lạ:

— Ừ, phải rồi, phải rồi! Ván này đóng chiếc tử thì tuyệt!

Thấy Trình còn ngẩn người ra suy nghĩ vì ý kiến bất ngờ của mình, ông chú tấn công luôn:

— «Đóng lấy nó đã chắc mà lợi gỗ, lại tùy thích của mình nữa.

Trình ngập ngừng:

— Mà công thợ cũng đắt chú ạ!

Ông chú lắc lắc cái đầu:

— Ồ bao nhiêu!

Thế là cuộc mua bán giữa chú cháu được ngã ngũ và hai hôm sau những tấm ván đã về với Trình. Người vợ dẫn vật chõng không tiếc lời vì thấy ông chú nhận lấy trọn vẹn xấp giấy

bạc một nghìn đồng đáng lẽ để nàng tiêu được vào nhiều việc lợi ích hơn nữa. Muốn cho êm thấm, Trình phải dịu giọng giải thích cho nàng rõ, Chàng không quên viện mấy người hàng xóm đến chơi khen ván rẻ để chứng nào người bớt lòng tiếc tiền của nàng. Chàng bảo:

— Đóng chiếc tử, chắc có lẽ cũng còn dư ván rồi tùy ý em sử dụng, hoặc kê thêm chỗ nào tiện cho con nó nằm!

Chàng tưởng nói rộng rãi ra như thế để vợ vui, nhưng mấy ngày sau nàng vẫn lầm lì, căm tức cho người chú họ.

Dù sao, Trình vẫn hài lòng, nhớ đến «Điều ao ước sắp được thực hiện.» bây giờ đây, Trình chỉ nhớ nửa tháng nữa, theo lời giao hẹn của thợ Toàn, một thợ khéo nhất vùng, sẽ có người mang dụng cụ đến tận nhà đóng cho chàng chiếc tử vừa ý nhất. Trong tưởng tượng, chàng thấy những quyển sách thân yêu, quý báu sẽ có chỗ ở yên lành, đẹp đẽ.

xứng đáng, khỏi bị vất vưởng mai đây mai đó.



Đưa em gái lớn nhất lên năm tuổi cảm nặng đã ba hôm nay. Người nó nóng hầm hập và hay nói mê sảng về buổi chiều. Vợ Trình lo sợ, quần quít bên giường bệnh săn sóc cho con. Nàng thức trắng hai đêm với những ý nghĩ đen tối. với giây phút hồi hộp. Hôm đầu, nghe vợ nói con bé không ăn và nằm vùi một buổi sáng, người chồng vẫn giữ nét mặt bình thản mọi ngày :

— Cho nó uống viên thuốc cảm đi !. Rồi chàng vẫn cặm cụi với cây bút chì và mẫu giấy trong tay, đo đo, vẽ vẽ, tính toán về kiểu cái tử mà chàng sẽ đóng.

Ngày thứ hai, con bé lại nặng hơn. Người vợ rồi rít giục chàng đi mời thầy thuốc. chàng mới cảm thấy lo lắng cho bệnh tình đứa con. Uống thuốc vào bao nhiêu, con bé mửa ra hết, mấy ông thầy thuốc lắc đầu, cau trán, nói với vợ chồng Trình trước khi ra về :

— Ông bà đem thử cháu vào bệnh viện, may ra... Chúng tôi thấy bệnh cháu lấy làm khó nghĩ, có lẽ nó khó lòng...»

Người vợ khóc oà lên. Còn Trình, chàng bối rối nài nỉ họ ở lại chạy chữa cho con, vì bệnh viện xa, trời lại nhiều gió bắc, con bé thì hầu như kiệt sức rồi. Trong lúc này, Trình thấy bầu vú lấy họ cũng mỏng manh lắm nhưng vì không có kẻ khác hơn họ thì đành bầu vú chứ sao.

Năm hôm sau, cường không lại với thần chết, con bé thở hơi cuối cùng trước sự đau đớn tuyệt vọng của cha mẹ nó. Vợ Trình gào lên như điên dại trong lúc chồng hoảng hốt đi tìm người sửa soạn khâm liệm con. Anh chàng mất hết vẻ bình thản hằng ngày, lo lắng ưu tư hiện lên

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CÚM

nét mặt. Mấy tấm ván được kéo ra trong đêm để đóng chiếc quan tài cho đứa bé xấu số. vừa đỡ tiền mua, vừa được cửa tốt, vừa khỏi mất công đi xa hàng mấy cây số đêm hôm khuya khoắt. Đó cũng là ý kiến mấy ông hàng xóm mà cũng là ý kiến của Trình. Một ông bạn vừa giúp việc, vừa nói với chàng :

— «Con nhỏ tốt số đấy, may gặp mấy tấm ván ông mua sẵn !

Trình nghe câu ấy, chua xót trong lòng ! Chàng định mua ván đóng tử sách chôn dấu có định đóng quan tài chôn con ! Chàng biết con chàng xấu số hay tốt số, chỉ biết rằng chàng không thực hiện được một điều mong ước và cái điều chàng không ước mong thì xảy ra.

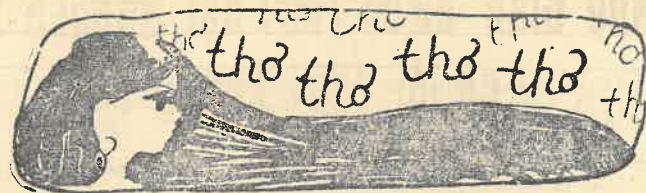
Đứa bé mồ yên mả đẹp rồi, đêm đêm chàng nghe tiếng nấc nghẹn ngào của vợ, và tiếp theo là một câu đầy ý nghĩa oán hờn chàng.

— Tự nhiên, đầu năm đi mua ván về chôn con ! Tôi nói, anh có

nghe lời đâu, rồi bây giờ mới biết !»

Trình chợt nhớ lại có một lần vợ chàng kể chuyện này : Đầu năm, có người mua cho con cháu gọi nàng bằng dì một xấp hàng trắng, cách một tháng sau, nó phát bệnh mà chết. Hôm Trình mua ván, nàng nhắc nhớ là vì điều ấy nhiều hơn mà không dám nói rõ. Trình không tin, song đêm đêm, nghe nổi uất ức hiện ra trong câu nói của vợ, lòng chàng cảm thấy rày rứt băn khoăn. Rồi hình ảnh đứa con gái chàng mủm mĩm dễ thương chôn vùi trước mặt cùng một lúc với chiếc tử sách đẹp bóng láng và kiêu hãnh.





THƯƠNG TÂM

Gà cùng một mẹ đã nhau hoai
Sông núi điêu tàn, lỗi tại ai ?
Thống nhất giang sơn chờ thực hiện ?
Chiến tranh «quốc, cộng» chuyện dang dai !

Sùng sục nồi da nấu thịt sôi !
Gươm khoa nội-loạn thất kinh rồi !
Non sông đất nước chan hoà máu,
Máu khác giòng máu, một mạch trôi.

Năm mờ vô-định lấp thanh niên,
Xương chất thành non cả mấy miền,
Khắp Bắc, Trung, Nam bao từ sĩ
U hồn muôn kiếp ngậm oan khiên !

Khói cảnh hoang tàn khắp bốn phương
Nhận hồng ai-oán não thê-lương
Lều tranh lửa bốc, lâu đài sụp
Nói giống điều linh, sống thảm thương !

Đau đớn nồi da nấu thịt không !
Núi xương, sông máu xót xa lòng.
Ba-mươi năm lẻ, bao tang tóc !
Thù-hận không nguôi, giống Lạc Hồng ?

BÀ TƯƠNG-PHO

Đà Lạt, thu Kỷ-Dậu
1969

Nho Giáo dưới thời đại nguyên-tử có lỗi thời không ?

★ Á-Nam TRẦN-TUẤN-KHẢI

Lời phát đoàn

THIỆT ra NHO-GIAO không phải phát nguyên mới từ đời Khổng-Tử tới nay mới có 25 thế kỷ, mà thực tế Nho Giáo đã phát nguyên từ đời Đế-Nghiêu, tới nay đã 47 thế kỷ rồi, mà Khổng-Tử chỉ là người tổ Thuật và tập Đại thành. Nói cụ thể, tới Khổng-Tử mới được hệ thống hóa rành mạch.

Nguyên-tử năng mới được phát minh trong thế kỷ 20 này. Nhân loại phát minh được nguyên-tử năng, một phát minh hết sức vĩ đại đã làm cho đảo lộn nhiều triết thuyết, nhiều chủ nghĩa chính trị dưới mặt trái đất, cũng như sự huyền vi, bí hiểm của thiên cung tinh tú. Bởi vậy, khi

nói tới danh từ nguyên-tử là nói tới một cái gì mới mẻ nhất, tân tiến nhất, hiện đại nhất. Một thời đại đã như thế lại có thể đem NHO-GIAO, một học thuyết đã phát minh tới nay đã có 4700 năm, mà thực thi ở thời đại Nguyên-tử này, làm sao khỏi lỗi thời lạc hậu được.

Chính vì điều thắc mắc xứng đáng đó mà nhiều năm vừa rồi ông Hiếu-Chân trên nhật báo Tự-do, ông Nguyễn Vỹ trên tập san Phổ Thông này, đã có lời qua tiếng lại trên nhiều bài báo với những người có lẽ cũng cùng một quan điểm với cụ Lê-Thần Trần-Trọng Kim, cho rằng: NHO-GIAO là một tòa lâu đài cổ kính tráng lệ đã bị bụi thời gian làm lu mờ; ngày nay trước hiện trạng xã-hội ngày càng

tiến hóa gấp rút này, tòa lâu đài ấy cần phải được tu bổ lại rất nhiều.

Riêng chúng tôi thì nghĩ rằng : NHO GIÁO quả đúng là một tòa lâu đài quý và cổ, nhưng xây cất đã quá lâu đời, tất nhiên bây giờ đã có những nguyên liệu « cũ nát » cần phải được loại ra, cả những chi tiết về «Kiểu mẫu kiến trúc» cũng thế, nếu chúng ta còn muốn «tránh quan chiêm» nhất là muốn được hợp với vệ sinh hơn ; và cũng chỉ có biết đặt vấn đề trùng tu như thế, thì mới là những kiến trúc sư thức thời.

Vi «Tùy thời biến dịch» là cái hạt nhân của NHO GIÁO. Chúng ta phải dựa trên nguyên tắc đó, mới có thể cho nó sống lại và thích ứng với thời đại nguyên-tử này được.

Thiệt vậy, trước tình trạng khủng hoảng của thế giới ngày nay, những nhà chính-trị, luân lý Xã-hội

học hoàn cầu, đã cùng nhất trí công nhận rằng : sở dĩ có cái tình trạng bế tắc không lối thoát này, gây ra bởi nên kinh tế, khoa học, kỹ thuật, sản xuất vô chính phủ (nhắm mắt sản xuất, không tính số tiêu thụ) ; với ý thức hệ khoa học độc tôn, kèm theo chủ nghĩa Duy-Ly và Duy-Lợi, nhắm mắt lao mình theo những chủ trương đường lối cực đoan, đến chỗ không còn biết tương dung tương nhượng, gây ra những mối đại bất hòa trong xã hội hiện tại.

Người ta đã tìm ra được căn bệnh ấy, đồng thời người ta cũng phát minh được phương thuốc cứu chữa, phương thuốc ấy là :

Để cứu vãn bệnh cực đoan ấy, phải cần có sự dung hòa tổng hợp giữa Đông và Tây, giữa kim và cổ. Đông-Phương và cổ có thuốc mà không thầy ; Tây phương và kim có thầy mà không có thuốc. Thuốc Đông

phương là đạo-đức luân lý cổ truyền ; Thầy của Tây phương và kim là khoa học kỹ thuật ; lấy khoa học Tây phương mà hùng tráng hóa cái thể nhu nhược của Đông phương, lấy đạo-đức của Đông phương mà ôn nhu cái dụng của Tây phương, chỉ có sự dung hòa ấy mới có thể thiết lập cho thế giới nhận loại một nền hòa bình vĩnh cửu.

Mà khi nói đến đạo đức luân lý cổ truyền Đông phương, tức là nói đến NHO GIÁO.

Nhưng, như ở mục bài đã nói : NHO GIÁO đem áp dụng vào thời đại nguyên-tử này, có lỗi thời lạc hậu không ?

Chúng tôi xin thưa : không lỗi thời lạc hậu, nếu chúng ta biết «trạch dụng chi» (chọn lấy mà dùng)

Sau đây là những chứng minh cụ thể :

Để tránh cho chúng tôi

cái tiếng hay biện luận dài dòng văn tự, chúng tôi xin trích dẫn một số ý kiến của các đại tư-tưởng gia, đại chính trị gia thế-giới hiện đại vừa đề cập tới những vấn-đề, những cổ-nhân liên quan tới Nho giáo như sau đây :

«Lưu thiếu Kỳ thường nói tới Khổng Mạnh và nhiều triết gia khác của Trung-Hoa xưa. Không những ông không lên án họ mà lại còn nhờ cậy uy tín của họ để thúc chứng nhiều luận cứ của Cộng-sản.

«Lưu không những không bỏ triết-học truyền thống của Trung-Hoa, mà trái lại tố cáo những kẻ không chịu sống theo đúng triết học đó. Ông chỉ-trích những kẻ làm bộ tôn sùng giáo lý của Khổng-Tử, nhưng chỉ hành-dộng để áp bức dân và bảo đảm sự thành công cho chính họ mà thôi».

(Liou Chao K'i cite Confucius, Mencius et les autres

philosophes chinois d'autrefois. Non seulement sur leur autorité pour justifier certains arguments communistes. (p. 258).

Non seulement. Liou ne rejette pas la philosophie traditionnelle de la Chine, mais il va jusqu'à dénoncer ceux qui ont renoncé à vivre conformément à cette philosophie. Il critique ceux qui ont fait d'honneur les principes de Confucius mais n'ont agi ainsi que pour opprimer le peuple et assurer leur propre réussite. (p. 259.)

H.G. Creel.

La Pensée Chinoise de Confucius à Mao se Tong.

Lại một nhà Hán-học Anh tên C.P. Fitzgerald «nhìn thấy trong Mao Trạch Đông có một sự tổng hợp của «ý hệ Max-Xít, của khuynh hướng tông giáo và của kỳ-«luật khổng-giáo».

(*Le sinologue Anglais C.P. Fitzgerald voit en lui «Un mélange d'idéologie Maxi-*

ste, de tendance à l'apostolat et de discipline confucéenne»).

Paris Match : No 7441 13 Juillet 1963.

Trong bài *La Chine lance son «Mein Kampf»* en 25 points».

«Và, nếu ai có một nhãn quan sâu xa về lịch-sử nhân-loại họ sẽ quyết chắc rằng tư-tưởng triết-học của quá khứ không thể nào mất được. Trung-quốc sẽ biến chất Cộng-sản hơn là biến đổi Trung-quốc».

— One who takes a long-range view of human history will be assured ; China will modify communism far more than communism modifies China.

Edwin, A. Burtt. *Man Seeks the Divine* — P. 151.

Chúng tôi nghĩ rằng, ngàn ấy ý-kiến cũng đủ chứng minh cho luận cứ chúng tôi rồi xin miễn viết câu kết luận.



★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★
★ **HỒ-XUÂN-HƯƠNG** ★
★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch-sử nhân-loại, sau Sapho

★ NGUYỄN-VỸ

XI — «Hiền-nhân», «Quân-tử», trong
thơ Hồ-Xuân-Hương

(Tiếp theo PT số 230)

TRONG bài «Ốc Nhồi», tư-tưởng khách-quan của Hồ-xuân-Hương cũng tiết-lộ thật rõ-ràng, như trong hai bài *Quả Mít* và *Bánh Trôi*.

Bác mẹ sinh ra phận Ốc-
nhồi
Đêm ngày lăn-lóc đám
cỏ hôi.
Quân tử có thương thì
bóc yếm,

Xin đừng ngó-ngóáy lỗ
trôn tôi.
(Vịnh Ốc-Nhồi)

Tiếng Bắc bình dân xưa thỉnh-thoảng dùng «bác mẹ» để nói «cha mẹ». Danh-từ «Quân-tử» ở đây cũng như trong bài «*Quả Mít*», vẫn có ngụ-ý trào-phúng, mỉa-mai cái lớp vỏ «quân tử» của nhà Nho. Quan-niệm thanh-cao của người «quân-tử» trong Khổng-giáo, đã bị cô-xóa-bỏ, và

còn trêu-cợt nữa. Dưới ngòi bút kiều-hạnh của cô Hồ, cái ý-thức mà Phạm-Quỳnh gọi là «*L'idéal du Sage dans la philosophie confucéenne*», đã trở thành iố-bịch, lằm-cằm, và hết sức cù-lần, trong thơ Hồ-xuân-Hương.

Cho nên những nhà phê-bình thơ Hồ-xuân-Hương hiểu-nghĩa «quân-tử» tốt đẹp, hay trịnh-trọng, như ông Maurice Durand dịch là «*Seigneur*», và «*Gentleman*», thì thật là thiếu cảm-thông với cô Hồ, không nắm được phong-độ trào-lộng của thơ cô.

Chữ «Quân-tử» này đúng ra không do Hồ-xuân-Hương đặt đề trong thơ, mà nó đã nằm lâu rồi trong ca-dao bình-dân Việt-Nam. Nó đáp-đề ý-niệm phong-kiến của «quân-tử» thường cách-biệt xa «*thiếu-nhân*». Nó kéo «quân-tử» ngồi xuống ngang hàng với tất cả mọi người, dưới mọi trạng-thái thông-thường.

**Quân-tử có thương thì
bóc yếm**

**Xin đừng ngó-ngoáy lỗ
trôn tôi.**

Ăn-tượng người «quân-tử» đã bị ngòi bút trào-lộng của cô Hồ lột trần-trường ra hết, không đề cho giữ một chút nét đạo-mạo truyền-thống nào nữa. Người đàn-bà đối-tượng đáng lẽ ở trạng-thái thụ-động, bỗng lên làm chủ-động, bằng một nụ cười hóm-hỉnh.

Đã đành rằng :

Bác mẹ sinh ra phận ốc-nhồi,

nhưng, không vì thân-phận ốc-nhồi mà nữ-phái chịu đề ai kia dày-vò ngó-ngoáy. Có thương chẳng thì bóc yếm (cái yếm của con ốc), lột yếm ra mà ăn cho ngon miệng, chứ :

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bào chế theo
công thức Hòa-Lan

*Xin đừng ngó-ngoáy lỗ trôn
tôi !*

Thèm ốc, muốn ăn ốc thì cứ bóc yếm ốc ra, ăn cho đang hoòng, đứng đắn, cho ra vẻ người «quân tử», chứ đừng có đùa dai !

Đó là phản ứng kiều-hạnh chí lý, của con Ốc-nhồi.

Sánh với thân phận của người nữ-phái, cô Hồ Xuân-Hương vẫn luôn luôn giữ vững lập trường, tư tưởng của cô. Cô thường dùng hai chữ «*thân*», «*phận*» :

**— Thân em như quả mít
trên cây**

(Quả Mít)

**— Thân em thì trắng,
phận em tròn**

(Bánh trôi)

**— Vì đây đời phận làm
trai được**

(Đã đành Thái-Thú)

**— Chiếc bách buồn vì
phận nời nênh**

(Tự tình III)

**— Thân này đầu đã chịu
già lom**
(Tự tình II)

**— Bờ liễu thôi đành phận
mỏng manh**

(Tranh hai tổ nữ)

**— Phận liễu sao đà nầy
nét ngang**

(Chửa hoang)

**— Miệng khôn trôn dai
đừng than phận**

(Già kén kén hom)

v.v . . .

Ý thức về **thân phận** của người đàn bà Việt Nam nhất là trong xã hội phong kiến, cô Hồ Xuân-Hương luôn luôn có phản ứng chống lại. Nhưng không phải cô chống lại bằng một thái độ tích cực, mà bằng một ý-chí **bảo-vệ thân phận** đó, không để bị lợi dụng, dày vò, hay rẻ rúng. Và cô đã cố tình tỏ quan điểm kiều-hạnh ấy với đám người thường tự xưng là «quân tử», đồ đệ của Nho-Giáo.

(Về thái-độ kiều-hạnh của người đàn bà Việt-Nam trong thơ H.X.H., xin xem lại những

bài khảo luận từ chương I)

Dù ví thân phận người đàn bà như con Ốc nhồi, người đàn bà cũng không phải để cho Nam giới coi như món đồ chơi rẻ-rúng.

Câu thơ «ngó ngoáy lỗ tròn tôi»), nhất là hai chữ «ngó-ngoáy» diễn tả sự chọc phá nghịch ngợm, có thể làm cho người đàn bà bực tức. Cũng như những chữ «mân mó nhựa ra tay» trong bài «Quả Mít». Nói là cái hận gây cho người phụ nữ thì không đúng hẳn, nhưng đó là xúc-phạm tính tự-ái của người đàn bà có ý thức về thân phận của phái yếu (conscience de la condition du sexe faible). Dĩ nhiên, chúng ta nên hiểu rằng một nhà thơ siêu việt của Nữ-giới Việt-Nam như Hồ-xuân-Hương không chấp nhận một trạng-hướng kém tác-phong «quân-tử» như vậy.

Hơn thế nữa, như tôi đã nói trong mấy chương trước, Hồ-xuân-Hương hoàn toàn phủ nhận tình yêu trong văn thơ cũng như

trong thực tế.

Ba bài «Quả Mít», «Ốc nhồi» «Bánh trôi» phân tách trong chương này, càng chứng minh tâm trạng thực tế, nhuốm chút màu sắc triết-lý ấy.

«Quân tử có thương thì...»

Tình thương ồm ồm! Theo ý thức của cô Hồ-xuân-Hương, nó chỉ là sự cợ-xát của hai xác thịt, mà thân phận của người phái nữ phải chịu đựng đó mà thôi:

— Quân-tử có thương thì
đóng cọc,

Xin đừng.

— Quân tử có thương thì
bốc yếm,

xin đừng.

— Lớn nhỏ mặc dù tay kẻ
nặng,

Mà em vẫn giữ tấm lòng
son.

(Xin nhớ luôn luôn rằng «em» đây là thân phận người phái nữ, chứ tuyệt-nhiên không phải là tác giả Hồ X. Hương)

Tất cả thơ Hồ-Xuân-Hương đều hàm ý-nghĩa tự-ái tự-trọng đó.

Bốn câu thơ «Ốc nhồi» gói-ghim rất nhiều hương vị tinh-khiết của thơ Hồ-Xuân-Hương, của tư-tưởng Hồ-Xuân-Hương, của Nghệ-thuật Hồ-Xuân-Hương.

«Quả Mít», «Bánh Trôi», v.v... đều cũng một cấu-tạo cực-kỳ tinh-xảo ấy.

Người «Quân-tử» ở đây, tượng-trưng cho kẻ nam-nhi: đối-tượng duy-nhất trong Thơ Hồ-Xuân-Hương. Cô Nữ-sĩ duyên-dáng, kiêu hãnh và thâm-độc của chúng ta không ám-chỉ bọn trí-thức nho-giáo ở thời Lê-mạt, như nhiều người phê-phán hơi hợt, sai lầm, hoặc một giới quạn-liêu phong-kiến nào. Cô nói chung tất cả nam-giới, loài người ở tất cả các thời-đại, cả không-gian và thời-gian:

— Hiền-nhân, quân-tử, ai
là chẳng...?

Mối gối, chồn chân cũng phải
trèo

— Quân-tử dùng-dăng đi
chẳng dứt
Đi thì cũng dở, ở không
xong.

Và mĩa-mai hơn, Hồ-Xuân-Hương còn bae-biến nữa:

— Mát mặt hùng anh khi
tắt gió
Che đầu quân-tử lúc sa
mưa!

Thật là thâm! Thâm ơ là thâm!

(Còn nữa)

★ Kỳ sau: Hồ-Xuân-Hương bốc thơm Vua Quang-Trung, người anh họ của cô.





Độc sách

Mùa xuân âm thầm

của HUỖNH-VĂN-PHÚ

● LAN-ĐÌNH

CÓ người nói chiến tranh thường cho đời tác phẩm lớn. Tôi lại nghĩ, đúng hơn, chiến tranh cho đời nhiều nhà văn, bởi vì chiến tranh có nhiều cái để viết.

Tuần qua, nhà X.B Thế Hiện lại phát hành một quyển sách nói về chiến tranh, tập truyện «Mùa Xuân Âm Thầm» của Huỳnh-văn-Phú. Phú mới viết, hay nói khác đi, Phú là một người viết mới, và viết ngay truyện ngắn, là thứ, cho đến nay, vẫn ít độc giả. Bởi thế một phần, tôi đã đọc Phú.

Bìa màu đỏ, nhưng ở «Mùa Xuân Âm Thầm» màu đỏ chìm, như một quyển sách giáo khoa.

Đừng nói «hình thức» không cần. Bởi một lẽ hết sức giản lược là những tác giả lớn cũng vẫn cần «hình thức».

Thiết thời thứ hai của Phú, cũng về mặt thương mại, là tên sách, bốn chữ «Mùa Xuân Âm Thầm» không gọi được chút ý niệm nào cho tác phẩm, không tạo được dấu hỏi «Thằng chả viết gì ở trong»!

Một đề tài của Phú: Hai người bạn cũ, bạn học, đã đứng sang hai phía trận tuyến. Ngày gặp lại, kẻ bên này moi thấy bức thư — viết gửi chị — trong xác chết bên kia.

Trong một cuộc nội chiến

ĐỘC SÁCH

trường hợp vừa rồi chẳng có gì đặc biệt. Nhưng vẫn gọi cảm. Hơn nữa truyện cảm tùy ở cách viết. Cách viết? Có người đã hóm hỉnh nhận xét một đám đông ngoài đường: ai cũng có nét mặt băn khoăn, nhưng tựu trung, chỉ băn khoăn qua mấy vấn đề thể nhân, cơm áo, tham vọng, dục vọng, hoặc những... ưu tư lật vật như... buồn đi tiêu, buồn đi cầu. Duy người văn nghệ có cái băn khoăn khác hẳn, băn khoăn cho tác phẩm.

Tôi chưa xét xem nói thế đúng hay sai. Nhưng tôi đã liên tưởng đến trường hợp tương tự, người ta chỉ có chừng đó đề tài để viết, và chỉ khác nhau ở cách viết.

Tuổi trẻ bao giờ cũng mang nhiều ước mơ, những ước mơ không tên tuổi và lạ lùng mà khi đến một tuổi nào đó trong đời người ta không tha thiết nữa.

Đó là cách viết vừa triết lý vừa... «mà khi đến một tuổi

nào đó»! Thậm chí, đọc truyện của Phú, nhiều khi tôi cứ tưởng mình đọc báo, đọc phóng sự chiến trường, đến nặng tuyên truyền chẳng hạn, ở đoạn Tổng Công Kích Đợt Một.

Trên dọc đường làm lính, Chính gặp Lưu, rồi yêu Lưu, và được Lưu yêu. Nhưng chẳng ai giữ Chính được. Sau lần trao hôn ước cho Lưu, Chính ra trận, đã chết trận. Thì cũng chỉ là đề tài cổ lai chinh chiến kỷ nhân hội. Cho nên, cái người ta mong đợi ở Phú vẫn là cách viết.

Đã đành tôi biết Phú cũng mượn tượng thấy cách viết của mình. Chẳng hạn, Phú không chịu viết những câu như *đêm dạ vũ trong vùng địch*, vì sợ «thừa» sợ «dốt» ở chữ «đêm», vì đã «đêm» còn «dạ» gì nữa.

Thật ra, hãy lấy ngay ví dụ cái gạch nối, để đánh giá cho «đêm». Người ta vẫn nói sông Tiền giang, núi

Thất sơn, ngày sinh nhật, đàn lục huyền cầm, đèn tọa đăng... mà không hề đốt, không hề thắp.

Dù sao, Phú rất nên kỹ. Kỹ mới chọn được những cái đáng viết. Chẳng hạn tên tù binh lại chính là đứa em ruột. Ở xác chết rên rỉ là người bạn, Phú mới chỉ nói được vóc dáng của một cuộc chiến tranh. Nhưng ở tên tù binh là đứa em ruột, Phú đã nói hết ý nghĩa của một cuộc chiến tranh, dù cho Phú không... giằng nghĩa trong truyện!

Có lẽ tôi chỉ thích lối kết mà không kết của Phú: nhìn theo chiếc trực thăng mang em chàng

bay đi, Sơn nói với trung sĩ Tám. «Cho anh em đào hố phòng thủ đi».

Từ ưu điểm này, tôi tin, Phú sẽ viết hay hơn, những tác phẩm sau. (Tôi xem như lối kết của Phú là cách viết, là kỹ thuật của Phú)

LAN-ĐÌNH



★ Danh ngôn

- «Seul le silence est grand, tout le reste est faiblesse
ALFRED DE VIGNY

(Chỉ có im lặng là vĩ đại, còn tất cả đều yếu hèn).

- Chaque mot, qu' on le sache, est un être vivant,
Et les doigts du penseur tremblent en l'écrivant
VICTOR HUGO

(Phải biết rằng mỗi một chữ là một sinh vật linh động,
Và những ngón tay của nhà tư tưởng vừa viết nó,
vừa run.)

- «Những ý-tưởng về khoa-học đã thay đổi đường lối
suy-tưởng của người ta về chính mình và về thế giới».
OPPENHEIMER

CỤ NGUYỄN-THẾ-TRUYỀN

CỤ Nguyễn-thế-Truyền, đã từ trần tại Bệnh viện Grall lúc 3 giờ 30 sáng ngày 19-9-1969, hưởng thọ 79 tuổi.

Cụ Nguyễn-thế-Truyền, quê-quán ở Bắc Việt, là một nhân vật đã nổi tiếng trong nhóm người Việt-Nam ở Paris lần đầu tiên làm cách-mạng chống thực-dân Pháp, hồi đầu thế-kỷ. Cụ làm chủ bút hai tờ báo cách-mạng Việt Nam ở thủ đô Pháp: *Le Paria*, bằng Pháp văn (Kẻ Cùnh Đỉnh), và *Việt-Nam-Hồn* bằng Việt văn, với sự cộng tác của Trạng-sư Phan-văn-Trường, (tác giả quyển «Une Histoire de conspirateurs Annamites à Paris» và Nguyễn-ái-Quốc, Phan-chu-Trinh. Hai tờ báo kia do thủy thủ đường tàu-thủy Marseille — Sài-gòn bí mật đem về Việt Nam và được lên lút chuyển tay nhau đọc trong giới tri thức và học sinh «có đầu-óc», vào những năm 1922-23-24. Một nhóm học sinh Trung học Qui-Nhon đã được đọc bốn năm số đầu, (lâu lâu mới có một lần), do một thầy thông phán sở khoa-bạc Qui-Nhon trao lên cho. *Le Paria* và *Việt-Nam-Hồn* là những kích-thích-tổ đầu tiên trong tâm-hồn vừa tỉnh ngộ của lớp trẻ Việt-Nam hằng say cách-mạng thời bấy giờ.

Sau đó, rất lâu, ít người biết tin tức về cụ Nguyễn-thế-Truyền. Mãi đến năm 1948, cùng một lúc ông Phạm-công-Tắc, Hộ pháp Đạo Cao Đài Tây Ninh, được trả tự do từ Madagascar về ở Đalat, cụ Nguyễn-thế-Truyền cũng đột ngột xuất hiện ở Đalat. Kẻ viết bài này có được gặp cụ tại đây và nhiều lần đàm-đạo với cụ. Cụ có một người vợ ngoại

quốc «Công chúa nước Bỉ». Cụ Truyền không có con.

Khi tôi quen biết với cụ ở Đalat, thì cụ đã hết làm cách mạng, hết muốn tranh đấu và không còn chỉ khí cách mạng như lúc cụ viết những bài báo này-lửa trong «Việt-Nam-Hồn» và «Le Paria» ở Thủ đô Pháp. Cụ chỉ nằm nhà uống rượu Martell. Suốt thời gian ở Đalat và sau xuống ở Sài-gòn, cụ Nguyễn-thế-Truyền không còn hăng hái hoạt động cách mạng để cứu Nước cứu Dân. Cụ có tham gia một vài phong trào hoàn toàn thụ động, thỉnh thoảng cụ làm báo để làm phương tiện dưỡng lão mà thôi. Điều đó rất đáng tiếc, vì nếu cụ Nguyễn-thế-Truyền còn giữ được lý tưởng phục vụ Tổ quốc và Dân tộc, và phong độ chiến đấu, chỉ khí hào hùng, như hồi ở Paris, thì cụ là người duy nhất ở miền Nam có đủ uy tín nhất và xứng đáng nhất để làm đối tượng với cụ Hồ-chí-Minh ở miền Bắc. Rất tiếc cụ Truyền từ chối hoạt động.

Thế hệ trẻ của thời kỳ sôi nổi 1924-30 coi Cụ Nguyễn-thế-Truyền như một thần tượng Quốc gia, đã trở nên thất vọng về cụ từ thời Thế chiến, và nhất là từ thời Việt-Pháp chiến tranh.

Cụ lại quá hiền lành, chân thật, và để cho nhiều kẻ lợi dụng uy-danh của Cụ trong giới chính trị xôi thịt và Báo-giới.

Cái chết của cụ 15 ngày sau cái chết của Hồ-chí-minh, là một bài-học để suy-ngẫm cho những người yêu nước ở miền Nam.

Dù sao, kẻ viết bài này cũng đã cộng tác thân-mật với cụ trong vài ba trường-hợp, và rất ngậm ngùi đau đớn mặc niệm trước Vong Linh Cụ.

NGUYỄN-VỸ

Mình ơi,



... LA
CONQUISTA
... DEL
... LO
SPAZIO

SÁNG chủ-nhật. Bà Tú đi chợ về, vút giò thực-phẩm dưới bếp chạy thẳng vô bàn viết của ông Tú, miệng cười toé-toét :

— Mình ơi !

Bà âu-yếm bá cồ ông Tú, kè miệng vào trán ông, hôn một miếng «chút ! chút !» thiệt ngon. Rồi bà mở gói cầm trong tay, lấy ra hai trái cà-na, một trái dút vào miệng ông Tú, bà ăn một :

— Cà-na ngon không mình ?

— Ngon ác !

Bà ngó đồng giấy đề trước mặt ông Tú :

— Mình viết gì đấy ?... LA CON... QUIS... TA... DEL... LO... SPA... ZIO... Tiếng gì vậy, Mình ?

— Tiếng La-Tinh.

— Nghĩa là gì ?

— *La conquête de l'espace.*

— *L' Espace* là không gian. *Conquête* là..?

— Sự chinh-phục không-gian. *The conquest of the Space..*

— Tiếng la-tinh cũng nam như tiếng Pháp. tiếng Anh thì *The Conquest of the space.. La Conquête de l'espace.. La Conquista del lo spazio.* Nghe ru-dương như bản nhạc ấy nhỉ !

— Từ Thượng-Cồ đến nay ba thứ tiếng ấy dần dần đã chinh phục không-gian.

— Nghĩa là..?

— Lần đầu tiên trong lịch-sử loài người, hai người Mỹ đã đặt chân xuống Mặt Trăng ngày 20 tháng 7, 1969 sau chúa J.C giáng sinh, nói theo tây-lịch. Nhưng hàng mấy ngàn năm trước J.C, từ thời-dại Thần-thoại Hy Lạp La-Mã, loài người đã nghĩ đến chuyện thoát-ly ra khỏi địa-cầu, chinh-phục không-gian. Họ đã dùng đủ phương-tiện của óc tưởng-tượng đề lên Mặt Trăng, mặt Trời. Dĩ nhiên họ không bao giờ lên được thật-sự, nhưng tư sách còn đề lại nhiều chuyện tức cười, lý-thú, lăm chuyện ph-

thường. Ngày nay chúng ta đang sống ở kỷ-nguyên Apollo 11, chinh-phục không-gian và đồ độ lên Trăng không còn là đề tài huyền hoặc nữa. Nhưng nhớ lại những chuyện xưa còn ghi chép trong sử-sách, người ta không thể không ngạc nhiên về khả năng tưởng-tượng và khoa học của loài người thay phiên nhau nảy-nở không ngừng từ khi có loài người trên mặt Đất và có mặt Trăng, mặt Trời... Trí óc tưởng tượng lên Trăng đã bay bướm trong Thần-thoại Trung-Quốc, Việt-Nam, Ấn-Độ. Hy Lạp, La-Mã, từ thời Thượng-Cồ. Khoa học lên Trăng cũng đã bắt nguồn bên Âu châu từ 5,6 thế kỷ trước J.C kia lận !

— Thần-thoại nói sao hả mình ?

— Cồ-tích Tàu và Việt-Nam, nhiều người đã biết. Thần-thoại Hy-Lạp thì kể chuyện Icaros, con của Dedale, và thanh niên đẹp trai, bị ông Hoàng Minos bắt nhốt trong ngôi đền bí-hiêm Labyrinth không có lối ra.

Nhưng Icaros lại được chính vợ trẻ đẹp của ông Hoàng, là Pasiphaé, cứu thoát. Hai người lấy sáp đắp lên vai làm thành hai cái cánh rồi bay trốn lên Trời. Nhưng gần đến mặt Trời, bị nóng quá nên sáp chảy hết. Hai cái cánh không còn nữa, hai người rớt ùm xuống biển. Thế là cuộc bay đầu tiên lên không gian, trong Thần-thoại Tây phương, đã kết quả vô cùng thảm-hại !

Bà Tú cười :

— Thua chứ Cuội Việt Nam mình ! Chú ấy đeo vào cánh đa nhờ gió thổi cây đa tước góc bay tuốt lên Trăng, được ở luôn trên đó với Hằng Nga, khoái ác, há mình !

—Ừa, nhưng đó là thần-thoại. Cũng như giấc mộng của Đường Minh-Hoàng chung qui chỉ là giấc mộng lên Trăng ! Những nhà bác-học, triết học, thì muốn thực-hiện giấc mộng đó bằng phương-tiện khoa-học hơn 500 năm trước J.C., thời Phật-

Thích-Ca ra đời, Phật đã biết vũ-trụ gồm có «tam thiên Đại thiên thế giới» mà cõi Ta bà (Quả Đất) không phải là trung tâm của vũ-trụ. «Ba ngàn cái «Đi-thiên thế-giới», theo lời Phật thì tính ra có đến mấy triệu triệu thế giới. Đức Thích-Ca Mâu-Ni cũng đã nói đến danh-từ «nguyên-tử» trong Kinh của Ngài. Đồng thời với Đức Thích-Ca, ở Hy-Lạp có nhà triết-học Anaxagoras, ở thành phố Athènes, đã nói rằng «ánh sáng của mặt Trăng là mượn ánh sáng của mặt Trời.»

Do đó, ông đã giảng-giải về hiện-tượng Nhật thực, Nguyệt-thực, và, cũng như Đức Phật Thích-Ca, nhà triết-học Hy-Lạp Anaxagoras đã nói đến danh-từ «Homoeoméris», tức là «nguyên-tử» của mọi sự vật trong vũ-trụ.

Bà Tú ngạc nhiên :

— Thời 500 năm trước J.C., Đức Phật Thích-Ca và nhà triết

học Hy Lạp Anaxagoras đã nói đến «nguyên-tử» rồi à?

— Chính thế. Do ý-niệm «nguyên-tử» đó mà năm 460 trước J.C., một nhà bác-học khác của Hy Lạp, là Democritos, ở Thrace, viết ra cuốn «Plane-tas (những Hành tinh)». Ông cho rằng Trái Đất, mặt Trăng, mặt Trời, và muôn ức triệu ngôi sao đều là những «nguyên-tử» của hệ-thống không gian, có liên hệ với nhau. Dĩ nhiên, đó là những quan-niệm sơ-khai của khoa-học, chưa có căn bản khoa-học vững-vàng như ngày nay.

Trước Democrite, nhà toán-học Pitagoras (Pythagore) thế kỷ VI trước J.C., đã viết về

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G

mặt Trăng là «đất có người ở, có gò, có núi, có nhà cửa. Có loài thú cũng lớn, cũng đẹp như ở Địa-cầu chúng ta» (*terranea ed bitata con colline, burroni e casa. Contiene animali assai grandi e belle del nosetro globo...*)

Trái lại, Democritos và Anaxagoras thì không đồng ý về sự có người và có thú vật ở trên mặt Trăng. Thi sĩ Menippos, thế kỷ III trước J.C., có làm thơ trào phúng chế-nhạo các nhà bác-học Hy Lạp đương thời «không có tới lên Trăng mà đã nói chuyện trên Trăng!» Những bài thơ trào lộng rất duyên-dáng của Menippos được công chúng lúc bấy giờ hoan nghênh lắm. Không những thế, và chính vì có đọc những bài thơ hài-hước đó mà 400 năm sau, Thi-sĩ Luciano di Samosata (Pháp gọi là Lucien de Samosate) 129-192 sau J.C., viết một truyện hài-hước xây ra trên mặt Trăng. Cố-nhiên, chuyện hoàn-toàn hạ đặt «Fantascienza a sbizzar-

rirsi nella Conquista della Luna» (chuyện ly kỳ quái-dăng trên Trăng), mà ông gọi là chuyện thật! «Vera Historta», trong đó ông thuật lại cuộc du lịch của ông lên Trăng! Cuộc du lịch vô cùng hào-hung, thi sĩ lên Trăng gặp lúc Nữ Chúa Endimione của Nguyệt-cầu đang chuẩn-bị chiến-ttanh đánh Mặt Trời, «Endimione Che stava dreparando la guerra contro il re del Sole». Thi-sĩ Luciano có tả hình-dung người lính «ky binh» của mặt Trăng đội mũ giống như mũ của Lính La-Mã, tay cầm côn, cỡi chim đại-bàng bị có 3 đầu, khi đi ra trận. Thi-sĩ cũng kể rằng trên Trăng có những con bọ-chét to bằng 12 con voi!

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT



Một kỵ-binh của Mặt-Trăng cỡi chim đại-bàng đi ra trận đánh Mặt Trời, theo như Thi-sĩ Lucien de Samosate đã thấy trên Trăng, và kể lại trong sách của ông.

1300 năm sau, nhà Văn triết-học, Arioste (1474-1533) cho một nhân-vật tiểu-thuyết của ông, hiệp sĩ Astolphe, đi trên một chiếc linh-xa do hai con hỏa-mã kéo, phi nước đại lên Trăng, một Mặt Trăng bằng thép (!) long-lanh rực rỡ, rộng lớn mênh-mông.

Thế kỷ XVI, một ông cố-đạo của nước Anh, nổi tiếng là Văn-sĩ hơn là tu-sĩ, Francis Godwin (1562-1633) có xuất-bản một quyển sách tựa đề «The Man in the Moon» (Người trên Trăng) trong đó ông Tu-sĩ nhà giòng kể chuyện du-lịch lên

Trăng của một chàng phiêu-lưu

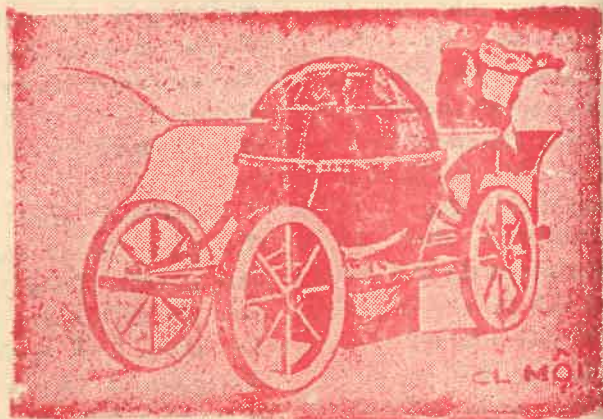


Phi-thuyền của Domingo Gonsales, do 10 con «ngỗng rừng» kéo bay lên Trăng, theo truyện của Godwin.

quý-phái tên là Domingo Gonsales, ngồi trên một chiếc phi-thuyền có buồm do một bầy «ngỗng rừng» kéo bay lên, với tốc-lực 175 dặm Anh (280 cây số) mỗi giờ !

Gonsales ở chơi trên Mặt Trăng khá lâu, và quan-sát kỹ-càng : «Mặt Trăng gần giống như Quả Đất, nhưng «hấp dẫn» hơn nhiều. Loài người ở Mặt Trăng đẹp và khỏe mạnh hơn, thông-minh hơn, có nhiều hạnh-phúc hơn, không bao giờ đau-ốm không bao giờ đói, không già. Tiếng nói của họ ngọt-ngào như mật, chữ viết của họ giống như những nốt đơn...»

Một ông cố-đạo khác, cũng người Anh, tên là John Wilkins cũng có xuất bản một quyển : «Scoperta di en mondo nella Luna» bằng tiếng La-tinh, năm 1638 (Viễn-vọng thế-giới mặt Trăng) trong đó tác-giả tuyên-bố những tài-liệu của ông trình bày đều «căn-cứ trên những quan-sát thiên-văn-học», theo đó ông thấy «trên không-khí của Mặt



«Máy hơi nước» của Newton, năm 1687.

Trăng có những chiếc thuyền bơi từ nơi đây đến nơi nọ, đến cả những ngôi sao lân cận...» Có điều thích thú là «Hội Hoàng-gia Anh» (British Royal Society), cũng như Hàn-lâm Viện, căn-cứ trên tài-liệu của Wilkins đề «nghiên cứu những nguyên-tắc chế ra một kiểu máy có thể bay được trên không-khí nhờ sức đẩy tới do khối xít ra phía sau» Nhờ ý-kiến đó mà nhà đại thông-thái Anh, Isaac Newton, (1642-

1727). vật-lý-học, toán-học, kiến-thiên-văn-học gia đã phát-miêu «Máy hơi nước».

Nhà thiên-văn-học trú-dân của Đức, Johannes Kepler (1571-1630), thì quả quyết rằng trên Trăng có nhiều núi, nhiều gò và giống người ở mặt Trăng phải sống dưới hầm hố để tránh ánh nắng cháy-da cháy-thịt của mặt Trời. Tất cả đời sống của dân chúng mặt Trăng đều rịn-rịn ở dưới hầm hố!

Đồng thời, nhà Văn Pháp Cyrano de Bergerac (Paris, 1619-1655) thấy phong trào sách kể chuyện du-lịch lên Trăng được thịnh hành ở thế kỷ XV, XVI, XVII, cũng viết hai quyển nổi tiếng : «Histoire comique des Etats et Empires de la Lune» (Lịch sử khôi hài của các Quốc-gia và Đế-quốc trên mặt Trăng) xuất bản năm 1657, và kế tiếp, năm 1662, quyển «Histoire comique des Etats et Empires du Soleil» (Lịch sử khôi-hài của các Quốc-gia và Đế-quốc trên mặt Trời). Không bắt chước cỏi ngỗng trời như ông Cố-Đạo nước Anh, hay cỏi ngựa lửa như nhà triết-học Hy Lạp Ariosta, nhà văn sĩ Pháp Cyrano de Bergerac tỏ ra «khoa học» hơn một chút. Biết rằng mặt Trời bứt sương, ông cột khắp chung quanh mình ông vô số những cái chai để đựng sương, rồi ông ngồi trong một thùng bằng sắt. Sáng sớm tinh sương, sau khi ông tiếp-tê sương đầy mấy cái chai, đợi mặt trời mọc, tia nắng bắt đầu hút sương thì chiếc thùng ông ngồi

cũng từ từ bay lên !.. Muốn bay mau hơn, ông chia ra phía trước một cây sào nơi đầu có đá



Chiếc «Phi-thuyền» của nhà Văn Cyrano de Bergerac chở ông lên Trăng !

nam-châm. Đá nẩy hút-thùng sắt, và cứ thế thùng sắt được hút thăng lên Trăng ! Có một giai-thoại khá vui về cái chết của nhà văn Cyrano de Bergerac. Sau khi «du lịch lên Trăng» một thời gian và trở về xuất bản hai bộ truyện khôi-hài kể trên, bán rất chạy, một đêm ông sắp sửa đi ngủ bị một cây trính trên mái nhà tự nhiên rớt xuống đè nát đầu ông bẹp dí làm ông chết không kịp trời. Nhiều người xấu miệng trong đám văn-sĩ Paris tiết lộ rằng Cyrano de Bergerac du lịch lên Đế quốc Trăng về đặt chuyện nói láo quá-xá, nên Nữ Chúa Hăng Nga tức giận quăng khúc gỗ xuống đè ông chết tốt !

Ấy vậy mà các ông văn-sĩ, Thiên-văn-học, Bác-học của Địa-cầu vẫn chưa tổn. Ngay sau Cyrano chết, năm 1656 Hầu-trước Muenchhausen của Đức còn viết sách kể chuyện ông lên thăm lâu-đài của Hoàng Nga Hoàng-hậu. Hầu trước đi một chiếc «phi thuyền» bằng gỗ nhẹ, trong một trận bão lớn, nhờ cuồng-phong đẩy lên đến Trăng.

Sau cùng hết, nhà Văn Pháp Jules Verne (1828-1905) còn nổi danh ngày nay, đã viết một lô sách «khoa-học tưởng-lượng».



Hầu tước Đức lên Trăng..

trong đó có hai quyển : «Voyage au Centre de la Terre» xuất bản năm 1965 (Du-



Hỏa-tiến lên Trăng của Jules Verne.

lich trong Trung-tâm Địa cầu, và De la Terre à la Lune (Từ Địa-cầu lên Trăng) được dịch ra hầu hết các thứ tiếng trên thế-giới. Ông tiên-đoán những máy-móc Hỏa-tiến, phi-thuyền, không khác mấy với Hỏa tiến Saturn và phi-thuyền Apollo của năm 1969, cách nay mới 100 năm !

Đồng thời với Jules Verne, nhà văn trào-phúng Anh Gollighthly nhất-định không đi du lịch lên Trăng, nhưng ông tuyên bố sẽ bay từ Paris qua thành phố Nga Saint Pétersbourg trên lưng một chiếc phi-thuyền độc đáo mà ông gọi là «Con ngựa không gian». Ông đăng hình chiếc «phi-mã» của ông trên mặt báo, nhưng người ta chờ hoài không thấy ông khởi hành ! (xem hình nơi trang đầu bài này)

Câu chuyện của ông Tú đến đây gần chấm dứt. Bà Tú chăm chú nghe, thỉnh thoảng cười ngặt-ngheo, ra vẻ thích-thú lắm. Bà bảo :

— Ngày nay cuộc đồ bộ lên

Trăng không còn là câu chuyện khôi-hài nữa rồi. Kề ra từ một thần-thoại Hy Lạp cho đến Apollo 11, biết bao nhiêu là tưởng-tượng trong trí óc của loài người, Minh ơi ! Nhưng sao lại mặt Trăng hoang phế, không có con người con vật gì ở được cả, thế hả Minh ?

— Trên Trăng có con thỏ trắng chứ.



— Làm gì có thỏ ? Sao không nghe hai ông phi hãnh gia lên Trăng về nói có thỏ ?

— Có con bạch thỏ nó núp trong núi, hai chú phi hành gia Mỹ có dám đi đâu xa mà biết ! Anh mà lên Trăng thế nào anh cũng đi kiếm bắt thỏ làm thịt. Thịt thỏ thơm và ngon hơn thịt gà, em ơi !

— À mình, lúc nãy đi chợ

em có mua cho mình một cái đùi gà bự, ngon ác !

Bà Tú dợt mình, buông ông Tú ra để chạy xuống bếp. Bỗng ông nghe bà Tú hét lên :

— Ôi thôi, chết rồi !

Bà lục lọi gì ở bếp một lúc sau bà chạy trở vô, gục đầu vào lòng ông Tú, khóc hu-hu.

— Cái gì, em khóc thế ?

— Cái đùi gà, em để trong giỏ, con mèo nhà hàng xóm tha mất rồi ! Hu ! Hu ! Hu !

Trông Bà Tú khóc hu ! hu ! đáng yêu lạ !

Diệu Huyền



THỰC TRẠNG PHẬT-GIÁO Việt-Nam ngày nay



✽ THÍCH TÂM-QUANG

CHƯA bao giờ như bây giờ Phật Giáo Việt Nam chúng ta xuống dốc một cách trầm trọng như vậy — Tôi muốn nói không phải triết lý nhà Phật mất hết sự mẫu nhiệm tan biến và lung lay nền tảng Đạo Pháp, mà là sự xuống dốc bắt nguồn từ những người hành Đạo trong thời đại chúng ta.

Trước tiên tôi thanh minh với lòng thành là tôi không có ý bôi nhọ những vị lãnh đạo, hoặc bôi móc sự xấu của một số người hành đạo hiện thời. Sự thật đã chứng minh, dư luận báo chí và

quần chúng đã xôn xao về vụ ba tu sĩ cưỡng dâm một thiếu nữ tại cửa thiền, hoặc những nhà tu trẻ âm mưu phá một ngôi chùa, hay xấu xa hơn nữa có người mệnh danh là Đại Đức, Thượng Tọa, đã bị Pháp Luật câu lưu vì tội lạm dụng tiền bạc, vật phẩm dành ủy lạo trong công cuộc mở mang Đạo Pháp

Hơn nữa, tôi không bao giờ nghĩ có sự vạch trần điều xấu của Đạo này để có lợi cho Đạo kia. Đạo giáo nào cũng tượng trưng bình đẳng và hòa đồng. Một con người không bao giờ bị lôi kéo

bắt buộc theo Đạo này hay Đạo nọ — Nếu Đạo là một hình thức tuyên truyền không thực, hay bó buộc, thì Đạo không còn là Đạo.

Phật Giáo chiếm phần lớn dân số Việt Nam là linh hồn của sự sống con người — Ta đang sống tức là ta đang hít thở hào quang Phật. Hào Quang Phật thấm nhập vào là từ lúc ta còn là một bào thai, lúc đó cha mẹ ta hằng cầu nguyện Phật Trời cho ta chào đời suông sẻ. Rồi ta tròn tháng đến giáp Thôi Nôi, những nén hương được đốt lên kèm với lời nguyện cầu, tuy đó là những nghi thức cổ truyền nhưng vẫn mang một không khí Phật Giáo.

Đạo Phật có từ ngàn xưa, tổ tiên chúng ta thừa hưởng bảo vững duy trì đến bây giờ — Nói như vậy có nghĩa là chúng ta, hầu hết dân tộc Việt Nam đã lớn lên trong một không gian Phật Giáo. Một thời gian dài mấy ngàn năm chúng ta sống nương vào triết thuyết Phật Pháp, để phân biệt đâu là chánh là tà, là thiện là ác, hay cao xa

hơn nữa chúng ta tự giải thoát cho mình và cho mọi người thoát khỏi bần mê lầm giả tạo của cuộc đời.

Dù Thiền Tông, Mật Tông, Tịnh độ Tông, Nam Tông, Bắc Tông, mỗi tông phái đều nảy mầm từ Chánh Giác. Một Tu sĩ của mỗi Tông phái đều là hình ảnh của Đức Phật trên mọi khía cạnh.

Bây giờ, trở lại vấn đề tu sĩ của thời đại chúng ta. Chúng ta đã làm gì? Quá trình của chúng ta đang đi đã đem lại những gì cho Phật Pháp?

Sự đời tiếng tốt thì phổ biến rất lâu mà tiếng xấu thì vang truyền mau chóng — Như đã viết ở trên, trong giai đoạn này, trong thời đại này, Phật Giáo chúng ta bị tai tiếng quá nhiều!

Nào là kiều Tăng, Ác Tăng, Dâm Tăng, Loạn Tăng, một nhiều trong hàng ngũ chúng ta, hay đúng hơn, lũ Ma Vương hay đúng hơn, lũ Ma Vương đang len lỏi trong chúng ta để phá phách, để bôi nhọ mà chúng

ta thì không để ý hoặc loại trừ những Đê Bà Đạt Ta đang nổi loạn làm lung đoạn đường hướng Phật Pháp.

Những bậc trưởng lão hay nhiều tuổi Đạo đã chán nản hoặc lùi dần ẩn thân để mặc cho lũ Ma Vương tác oai tác quái — Tôi van lạy các Ngài! Hội những đấng chân tu chân chính! Quý Ngài hãy thương xót Đạo Mẫu! Hãy cùng chúng tôi loại trừ lũ ác quỷ hung thần hại đạo.

Tôi muốn viết, viết thật nhiều để biểu hiện tiếng kêu trầm thống của chính tôi, của Phật Tử và những tâm hồn thiết tha với Đạo Pháp.

Có những tu sĩ xuất phát từ mái ngôi rêu phong cổ tự được cung cấp đi học để nắm lấy những văn bằng, họ lo học Anh văn, Pháp văn, hay văn hóa phổ thông, mà không cần đến học Đạo đức kinh luật. Họ tự cho mình là «văn minh» để rồi thẳng tay mặt sát những Thầy Tổ mình là

hủ lậu, xưa cũ, thầy đám, thầy tụng, đưa xác đám ma.

Nói đến thầy tụng, thầy đám chúng ta đã tưởng tượng đến một ông thầy mặc áo nâu xách bị mang mỏ đầu đến đám ma, đám làm chay, tán tụng kinh rồi ngửa tay lấy tiền gia chủ, nhưng họ không bao giờ lấy tiền tín thí một cách mờ ám.

Đừng nghĩ rằng những Thầy Tu như vậy là tà đạo, là mượn Phật Pháp để kiếm tiền, đáng trách những người lợi dụng cửa thiền để dung thân bên ngoài coi bóng láng mà bên trong không thuộc lấy một câu kinh bài kệ, cầm đến mỏ chuông không biết phải đánh như thế nào cho phải điệu thiền môn, họ chỉ được tài nói phách và kiêu ngạo. Những

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

hạng này là những loại ký sinh trùng cần phải tận diệt.

Riêng vấn đề ngựa tay lấy tiền gia chủ, là tôi muốn nói đến những bàn tay của mấy thầy tu trong một ngôi chùa không mấy dồi dào, Phật Tử cúng dường quá ít, nên quý thầy xem việc đi ứng kinh như một phương tiện để nhờ đó có tiền tu bổ chùa chiềng và nuôi sống lấy mình qua ngày.

Đừng quơ đũa cả nắm, tập tục Việt Nam là vậy. linh hồn người chết cần được nghe một lời kinh để an ủi siêu độ mà lúc sống họ vì bận bịu sinh kế lán lộn với đời nên tâm Phật của họ không có cơ duyên gần Pháp. Vì vậy các Tổ cho đó là một Pháp môn hoàng hóa đạo Pháp.

Còn những thầy dám ngồi ở tiệm cà phê khà khè rượu thịt. Họ cũng tụng kinh Phật thật đó, cũng áo nâu, cũng cạo đầu, nhưng họ không phải là nhà sư, là tu sĩ mà họ là hạng lỗi thời, mượn lời kinh tiếng kệ để nuôi sống cá nhân — cần phải loại trừ

những giả tăng bán tục này ra khỏi hàng ngũ chúng ta.



Tôi viết vì cố tình viết, tôi viết vì nỗi lo âu Phật Pháp, tôi viết cho tu sĩ đọc và cả Phật tử cùng đọc.

Phật tử cần phải so đo khi định tôn một tu sĩ làm thầy. Ta cần phải dò xét họ đã biết họ có phải là một đấng chân tu? hay họ khoát áo nhà tu để lợi dụng Phật tử, nhẩy múa trên lưng thành của chúng ta. Đừng mù quáng chạy theo lời dịu ngọt của bọn trá hình đội lớp nhà sư, bọn trá sư này có muôn ngàn tà thuật để ru ngủ chúng ta. Họ lợi dụng Phật giáo để được sống sung sướng trên lưng thành tín-nguỡng của Phật tử.

Thế nào là một tu sĩ chân

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

chính? Khó có thể biết được! Đời này CHÂN GIÃ tráo trộn. CHÂN thì điểm nhiên không quảng cáo, còn GIÃ thì hô hào dùng muôn ngàn mưu chước mê hoặc Phật tử, tỏ ra mình là một đấng chân tu.

Tuy nhiên chúng ta có thể biết được một nhà sư chân chính để chúng ta tôn kính nếu chúng ta chịu khó dò xét thật kỹ những điểm này:

— Những tu sĩ chân chính xem thường danh lợi, khinh khi vật chất phù phiếm, không se sua, không quảng bá đạo mầu một cách bừa bãi với những nội dung rỗng tuếch, không vuốt ve Phật tử để được đãi ngộ trang trọng, và cũng không hẳn là ngò nghếch trong những am tự vắng vẻ tách biệt loài.



Trở lại vấn đề chia rẽ của Phật Giáo Việt Nam, chúng ta đã phải rút nước mắt trước sự chia rẽ tột cùng này. Thậm chí Giáo Hội mang tên là Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cũng đã

chia rẽ tách rời ra làm hai phe, hai Viện Hóa Đạo khác nhau. Bên này cho bên kia là Giáo Gian bên kia cho bên nọ là Loạn Tăng, là Ác Tăng.

Nói đến Phật Giáo Thống Nhất chúng ta đã phải đau khổ để nghĩ suy:

— Từ xưa, Phật Giáo Việt Nam có chia rẽ bao giờ đâu? Tuy chia làm nhiều phái khác nhau, tất cả là năm phái, nảy mầm từng miền, từng vùng, nhưng có bao giờ chia rẽ thù nghịch đâu? Chùa tôi theo phái này, chùa Thầy theo phái kia, nhưng chùa tôi có Kỵ Tổ, Thầy cũng đến với tôi để nhớ ơn các Vị Tổ đã dày công hoàng hóa Đạo Pháp — Chùa Thầy Khai Hương, Khai Kỳ, hay mở lớp dạy chúng tu học, thì lập tức tôi cho đệ tử tôi đến tu học chùa thầy — Dù tôi ở Phương Nam dù Thầy người Phương Bắc, gặp nhau chúng ta vẫn vui vẻ hòa đồng.

Cùng chung một Đạo, một Giáo Chủ, một hạnh giải thoát và

mang danh là từ bi, thì tại sao ta lại manh tâm chia rẽ chống đối?

Mang danh là GHPGVNTN nhưng Quý Thầy đã Thống Nhất gì chưa? Hai Viện Hóa Đạo đã chứng minh tệ trạng phân hóa rồi. — Còn nữa, còn nhiều nữa những tu sĩ trẻ tuổi đời, nhỏ tuổi Đạo, đã làm lệch lạc đường hướng của quý Thầy. Họ cho họ là Phật Giáo tân tiến văn minh còn những Sự Cự Kỳ Lão đều là cổ lỗ ngu muội.

Tôi viết hiện trạng phân hóa này để chúng ta cùng nghĩ suy cùng đau trong niềm đau chung của Phật Giáo Việt Nam.



Mỗi Giáo Hội tuy khác nhau nhưng tất cả đều thờ Phật — Một Phật tử thuần túy chỉ cần biết chùa chiềng chứ không cần biết Giáo Hội. Phật thờ ở chùa này không khác Phật thờ ở chùa kia.

Viết như vậy là tôi muốn nói PHẬT không có HAI, mà chỉ có

MỘT, Giáo Hội này, hay Giáo Hội kia có khác nhau bằng nhân hiệu hay lễ lối làm việc, và tổ chức truyền bá cũng thấy đều nương nào Giáo lý hết.

Sự chống đối nhau của các Giáo Hội dù bằng muôn ngàn hình thức đấu khẩu hay bút đàm, vẫn là một tệ trạng cần phải loại bỏ.

Trên thực tế thì Phật Giáo VN đã chia làm hai phe : một phe PHẬT GIÁO TÂN TIẾN và một PHẬT GIÁO BẢO CỒ.

Phật Giáo Tân Tiến là Phật Giáo chạy theo thời đại, còn Phật Giáo Bảo Cồ là Phật Giáo Bảo Thủ lễ lối ngàn xưa. Hai Giáo Hội này có đường lối hoàn toàn trái ngược nhau, bên này cho bên kia là văn minh, chú trọng vật chất, phụ rầy tổ tiên — còn bên kia cho bên nọ là cổ hủ, thầy đám, thầy tụng.

Hai bên tuy chống đối nhau tuy âm thầm mà không kém phần dữ dội. Thậm chí đến nỗi hai tu

sĩ của hai bên gặp nhau không bao giờ có thấy sự chào hỏi thân mật mà mỗi lời nói là mỗi lời chống đối nhau.

Hơn bao nhiêu năm rồi, tệ trạng này xảy ra càng lúc càng trầm trọng.

Có thật vậy không? Còn hơn nữa khác! Hai bên Tân Tiến và Bảo Cồ hiềm khích nhau đã xong đi, vì nếu thỉnh Phật ra khỏi vòng chiến tranh lạnh này thì hai bên hoàn toàn trái ngược nhau. (Tôi viết như vậy vì hai bên đều thờ Phật hết), đảng này Tân Tiến choảng nhau với Tân Tiến, Cổ Truyền choảng nhau với Cổ Truyền. Thôi thì chia năm xẻ bảy rồi loạn hết cả.

Sự chia rẽ này bắt nguồn từ một nguyên do nào đó mà chỉ có những người trong giới lãnh đạo mỗi Giáo Hội mới biết mà thôi.



Các Ngài! Hỏi những đảng cao tăng lãnh đạo mỗi Giáo Hội!

Các Ngài có thấy gì không?

— Các Ngài có thấy Phật đang khóc âm thầm vì các chúng tử của người đang chống đối nhau không?

— Quý Thầy có thấy Phật tử đang quần trí đó không? Tôi phải theo Giáo Hội nào bây giờ? Bên nào cũng thờ Phật hết, cũng phở trương cực kỳ trang trọng quá.

— Quý Thầy có thấy những vị trụ trì các chùa đang quần trí đó không? — Chùa tôi phải theo ai đây? Theo bên này thì bên kia khinh bỉ, còn theo bên kia thì bên nọ hiềm thù.

— Các Ngài! Các Ngài cứ mãi chống đối lẫn nhau, các Ngài đem bụi bậm vào bình cam lộ khuấy phá thành cặn — Một mai nếu chúng ta có lóng cặn lại được thì cặn bã nhơ nhớp kia vẫn còn trong đáy lòng.

Hãy vì ánh sáng Đạo Mẫu! Hãy dẹp bỏ mọi mầm móng bất hảo để ĐOÀN KẾT lại, với nhau (Tôi tránh dùng tiếng Thống

Nhút, vì danh từ giả-tạo này đã có một Giáo-Hội mang danh nhưng đã không thông nhút mà còn chia rẽ trầm-trọng thêm)

Hãy vì tương lai Đạo Pháp và Phật Tử đang khổ sở trong cuộc đời nhiễu loạn này, không biết đâu là cứu cánh, đâu là chân chánh hay giả tạo.

Các Ngài nghĩ sao khi hồi ngộ mới biết mình đã đưa Phật Giáo Việt Nam xuống hố sâu vực thẳm ?

Tôi nguyện đem thân tâm cúng dường đầu tiên nếu nhìn thấy được Phật Giáo Việt Nam mình hoàn toàn an lạc.

Tôi chân thành cầu nguyện Quý Thầy diệt trừ nghiệp chướng, phò trì Đạo Pháp, chưởng quả Bồ Đề.

Nam Mô Hoan Hi Tạng Bồ Tát.

THÍCH-TÂM-QUANG
(Quận 6 Chợ Lớn)



● Tài-tử màn ảnh Jean Claude Pascal có kể chuyện sau đây :

Một hôm, một cậu bé học sinh hỏi một đứa bạn học của nó, con một tài-tử ciné :

— Mày có mấy anh em chị em ?

— Tao không biết. Nhưng tao có 4 người cha của bà mẹ thứ nhất của tao, và 3 người mẹ của người cha thứ nhất của tao.

Chiều chiến địa

(Sau một chiều đi coi đánh giặc)

Đoàn trực thăng bay về,
Khởi bốc cao ngàn ngút
Giặc thù chết ê-chề,
Nhà cháy hơn cả chục.



Khi đoàn quân trở về,
Tiếng ca mừng chiến thắng
Giặc thù chết hết rồi
Đám tù binh mười hãn.



Khi đàn chim bay về,
Chiến địa buồn xơ xác
Mặt trời tắt ử-ê,
Chim nhìn nhau ngơ ngác...



Bà mẹ khóc nảo nề,
Người cha ngồi than-thở
Căn nhà lá xác xơ
Đạn bom cây dăm chỗ

NGUYỄN-TRỌNG-NHƠN
(Long-Xuyên)



✻ Gái miền Bắc.

● CAO-NGUYỄN-LANG

L.T.S. — Ở bất cứ một quốc gia nào, đều có những địa phương — Mỗi nơi có những sắc thái, những đặc tính, những tập-tục riêng biệt.

Chỉ nói riêng ở Bắc-Việt — Không phải người con gái nào cũng giống người con gái nào — Có thì đẹp, có thì xấu, đã đành — Mà còn ở cách phục sức, tính tình đặc-biệt. Tất cả đều được ghi-nhận qua những câu phương-gôn, tục ngữ, ở mỗi địa phương.

Ở đây, Phở-Thông xin lần lượt giới thiệu với quý bạn những nét đặc-biệt của những người con gái miền Bắc ở mỗi địa phương khác nhau.



● Con gái Sơn Tây yếm thúng tay «rắn»

Nói về những người đẹp miền Bắc — có hai nơi nổi tiếng nhất là gái Hà Nội và gái Sơn Tây.

Những người đẹp Hanoi nổi

tiếng là gái Hàng Ngang, Hàng Đào. Tuy nhiên, cái đẹp của những cô gái thành phố thường là cái đẹp pha trộn — một phần do nhan sắc, một phần do diêm trang. Do đó, mất đi phần nào vẻ tự-nhiên.

Ngược lại, cái đẹp của những

cô gái quê là cái đẹp hoàn toàn thiên-nhiên. Vẻ đẹp, tuy bề ngoài mộc mạc, nhưng lại có một sức hấp dẫn phi-thường.

Ai qua Sơn-Tây, từng ghé Đông-Sàng mới thấy gái Đông-Sàng là đẹp thật. Cái đẹp không phải chỉ ở bộ mặt, ở cặp mắt, ở làn môi, mà ở tất cả thân hình khỏe mạnh, sẫm-sắc, với những đường cong tự-nhiên, nước da đỏ hồng như trứng gà bóc. Có điều, mà có lẽ, cũng là do luật thừa-trừ của Tạo-Hóa : gái Đông-Sàng thì đẹp thật, nhưng trai Đông-sàng thì rất ít người diện-trai.

Không hiểu có phải vì lý-do này mà đa-số gái Đông-Sàng đều lấy trai «thiên hạ»? Hóa cho nên các cụ làng Đông-Sàng mới phải ra cái lệ : Gái làng lấy trai làng thì nạp «treo» một phần. Nhưng gái làng lấy trai thiên-hạ thì nạp «treo» gầy đôi — Phép vua thua lệ-làng — Cái lệ này chẳng biết có bảo-vệ được những bông hoa đồng-nội đỡ bị bứng đi trồng ở đất «thiên hạ» hay không?



Kể viết, vào thời kỳ niên thiếu, đã có lần đặt chân đến Sơn-Tây. Và phải công-nhận là gái Sơn-Tây đẹp thật. Nhưng, có một điều thắc-mắc không sao tìm ra, ở câu ca-dao : «Con gái Sơn-Tây yếm thúng tay rắn», nghĩa như thế nào?

Ở đây, cần giải thích rõ, về những bạn không phải sinh trưởng ở miền Bắc am-hiêu : Cái yếm là mảnh vải cắt theo hình quả trám. Góc phía trên khoét cổ, như cổ áo,

có hai giây buộc ra sau gáy. Hai góc ở giữa, cũng có giây buộc ra sau lưng. Góc phía dưới dài hơn cặp quần một chút để nhét vào lẫn trong «ruột tượng» — (giây lưng bằng vải) — cho kín. Cái yếm — có thể, một số bạn đã thấy, trong những hình vẽ cô gái Bắc chít khăn mỏ quạ, mặc áo dài thắt vạt — là mảnh vải che ngực.

Đối với những cô gái Việt-Nam-thừa xưa, vấn đề trưng bày da thịt, nhất là cái khoản vú-về ra ngoài, là điều rất kỵ. Ngay cả những bộ ngực nảy-nở quá, theo kiểu mấy cô đào «vạm» bây giờ cũng kỵ nốt, thành thử ra, cô nào «Trời» bắt tội có cặp ngực nảy nở quá cỡ, cũng phải dùng yếm mà cột cho nó đẹp bớt đi.

Còn cái «rần» là thứ vật dụng để lọc cám ra khỏi gạo, hình tròn, đan bằng tre, có những mắt đan vuông, để hở những lỗ nhỏ như đầu tăm. Người đàn bà, khi xúc gạo lẫn với cám, vừa ở cối giã ra, xoay tròn cái «rần» theo một tư thế rất nhẹ nhàng — những hạt

gạo lẫn ở trên «rần», còn những hạt cám lọt xuống những lỗ nhỏ, rớt xuống chiếc «nia» hứng phía dưới.

Ở miền Nam bây giờ, lúa thường xay ở những nhà máy xay, thành gạo, nên không mấy hiểu cái lối làm gạo ở miền Bắc thuở xưa : xay lúa, sàng gạo để lọc trấu ra, rồi giã gạo, «rần» gạo, lọc cám ra cho sạch.

Vậy thì, cái yếm, giới lắm mỗi chiều của nó không đầy ba mươi phân. Mà cái «rần» hình tròn, đường kính ít ra cũng phải ngót ngét nửa thước, nghĩa là nó to bằng cái mâm — Yếm mà thùng tày rần thì còn gì là yếm nữa ? ! — Không có lẽ những cô gái Sơn-Tây ngày xưa không mặc yếm ? !

Chính cái thắc này, kẻ viết đã từng đưa ra hỏi nhiều vị cao niên, nhưng cuối cùng, các vị này cũng chỉ lắc đầu. Hoặc, có giải thích, cũng chi lo-mơ, khó hiểu.

Thời-kỳ tác-giả đặt chân lên Sơn-Lý, quê hương của những

cô gái được mệnh danh «yếm thùng tày rần», là thời kỳ, gần như hầu hết các cô gái không còn mặc yếm nữa. Phẫu lớn các cô đã thay thế cái yếm bằng cái «coọc sê», văn minh hơn.

Tuy nhiên, mỗi thác mắc về những cô gái Sơn-Tây thuở xưa, cũng không phải vì thế mà lãng-quên đi được.

Kẻ viết nhân dịp ở trọ trong một gia đình quê thuộc Bắc-Bat. Bà cụ chủ nhà là một người đàn bà đã luống tuổi, nhưng rất vui tính. Lễ cổ nhiên, bà cụ không bao giờ mặc «coọc sê» như mấy cô gái, mà vẫn giữ nguyên cái yếm cổ truyền, và cái váy rộng thùng thình. Kẻ viết bèn đánh bạo hỏi cụ về cái sự tích «con gái Sơn-Tây yếm thùng tày rần» — Bà cụ cười như nắc nẻ, hỏi lại.

— Chắc cậu lấy làm lạ lắm hả ?

— Vâng, quả có lạ thật ! Cái yếm mà thùng tày rần thì còn gì là yếm nữa ?

— Bây giờ cậu đến Sơn-Tây, coi thử xem có còn cô gái Sơn-Tây nào yếm thùng tày rần không ?

Tác-giả cũng bèn cười theo, nửa nặc nửa mờ :

— Bây giờ thì .. chỉ thấy các cô mặc «coọc-sê», chẳng cô nào chịu mặc yếm thùng tày rần nữa.

— Đúng vậy. Các cô ấy trở thành tân thời cả rồi. Nhưng ngày xưa... cái thời kỳ «gái Sơn Tây yếm thùng tày rần» là cái thời kỳ các cô gái ở đây «dữ» nổi tiếng.

«Cái tiếng «dữ» ở đây, không có nghĩa là các cô gái «chua ngoa danh đá», như trong những mẩu chuyện của các ông Ba Giai, Tú-xuất. Mà «dữ» ở đây có nghĩa là nghịch-ngợm.

«Đừng ai nghĩ rằng những cô gái tân tiến thời nay mới «bạo», mới nghịch-ngợm. Mà các cô gái quê ngày xưa đều

«cấm cung». Hoặc giả, ra ngoài thấy con trai phải ngó mặt đi đâu. Các cô gái xưa, đôi khi còn «bạo», còn nghịch-ngợm gặp mấy các cô bây giờ. Tuy nhiên, cái sự nghịch-ngợm của các cô gái xưa, chỉ là lối trêu-trọc mang tính chất «hồn uhiên» của đồng ruộng, khiến nhiều anh con trai chết cay, chết đắng, mà không làm gì được các cô. Chứ cái «bạo», cái nghịch-ngợm của một số cô gái bây giờ là cái «bạo» cái nghịch-ngợm — nói đi thỏa thì hơi quá — nhưng bọn con trai có thể lợi dụng được...

«Cái lối chọc ghẹo «đàn ông» của các cô gái xưa phần lớn bắt đầu bằng những câu ví-von như : *Hỡi anh đi đường cái-quan. Dừng chân đứng lại em than đôi lời...*»

«Vào những mùa cấy lúa, hay làm cỏ ruộng, những cô gái tay làm, miệng hát véo von, hoặc những câu chuyện bù-khú được phụ họa bằng những chuỗi cười rả rích. Các cô hát với nhau, cười đùa với nhau... chỉ là để

quên đi sự mệt nhọc của công việc. Nhưng cái thú-vị, làm thay đổi bầu không khí giữa lớp người cùng phái, là sự xuất hiện của một người khác phái xen vào. Đó là cái «mốc» làm cho sự riêu cọt thêm hào-hứng...

«Các cô bắt gặp anh trai lạ đi trên đường cái quan. Nếu anh trai lạ kia không phải là thứ «yếu bóng vía», nghe các cô ướm lời, thì cứ việc dừng lại ví-von, đối đáp cho vui. Nhưng nếu tự xét thấy «bản lĩnh» của mình không được vững lắm, thì-cứ lạng-lẽ mà cấm cớ chuồn cho lẹ.

«Sự nhất nhúa của anh con trai khiến các cô tuy cụt hứng, nhưng cũng khoái trá. Các cô càng trêu chọc thêm ; *«Đi đâu mà vội mà vàng. Mà vấp phải đá mà quàng phải giầy. Thủng-thỉnh như chúng «chị» «đấy.» Chẳng đá nào vấp chẳng giầy nào quàng.»*»

Một đôi khi còn táo-bạo hơn. Đã có những anh chàng, đi qua những cánh ruộng, các cô gái đương cấy lúa. Chàng về như đi

«chiều, hí» ở đâu về, diện lăm lăm theo, khăn nhiễu, ô-lục-soạn, giầy Gia-Định...

«Một cô trong bọn bèn reo lên :

— «A ! «Nhà em» đi ăn giỗ mới về. Mời các « dì » nghỉ tay lên ăn «phần» «nhà em»...»

«Chàng trai, nếu tưởng bỏ đứng lại phụ họa :

— «Vâng ! «Mình» với các «dì» nghỉ tay lên đây soi «phần» của tôi, gọi là tí của thơm của thảo...»

«Các cô gái sẽ không ngăn ngại mà lên. Dù có «phần», hay chỉ là chuyện bảo-hao tán phiêu, thì cái chắc chàng trai nọ cuối cùng cũng... «hoạn nạn» to. Nghĩa là anh chàng sẽ bị các cô xúm lại lột hết. Cô thì nâng cái khăn, cô nhắc đôi giầy, cô cầm dờ cái ô, cô cời dùm tấm áo cho khỏi ực nội. Lúc bây giờ anh chàng chỉ còn nước năn nỉ bằng thích. Họa may các cô thương tình trả lại cho mấy món đồ «phụ tùng» mà về...

«Đại khái đó là cái trò nghịch ngợm của các cô gái thuở xưa. Một lối nghịch-ngợm có tính cách giải-trí nhiều hơn, phần lớn trong trường-hợp tập-thể, có đông đảo các cô tụ tập với nhau. Kỳ dư đơn độc một mình thì các cô vẫn phải lép vế trước bọn đàn ông như thường. Các cô lại trở về với cái thực chất thủy mị của người con gái đồng nội.

Còn câu «con gái Sơn-Tây yếm thùng tày rần» là làm sao ? — Theo lời bà cụ : «Hồi xưa con gái Sơn-Tây nổi tiếng là nghịch ngợm, không phải chỉ bằng những lời ăn nói bông lơn, riêu cọt. Mà còn ở cách ăn mặc.

«Thông thường thì những cái yếm, ngoài màu sắc : trắng, hoặc nhiễu, hoặc nâu, hoặc hồng. Còn khác nhau ở cái cổ yếm, có hai cách may khác nhau : kiểu cổ tròn, ôm sát cổ — kiểu này được coi như kín đáo nhất — kiểu thứ hai là kiểu cổ sẽ hình trái đào — gần giống như hình quả tim, nhưng dài hơn một chút, để

hở một phần ức, dưới cổ. Kều này phần lớn chỉ có các bà già, hoặc những bà nạ-dòng đã con bông con bế mới dám mặc. Còn bao giờ các cô gái cũng phải chọn kiểu kín đáo.

«Tuy nhiên, các cô gái Sơn-Tây, cái yếm lại có hơi khác với những vùng khác, các cô mặc yếm trắng, cổ sẽ hình tam giác, Nghĩa là nó không tròn, mà cũng không hình trái đào — Cái kiểu yếm như thế, vào thời bấy giờ kẻ là ngộ-ngịch lắm rồi. Mặc dù, nếu có hở thì nó cũng chỉ hở một phần «ức» dưới cổ, không ăn nhằm gì đối với những cặp mắt tò mò. Thêm một đặc-diểm nữa trong khi, những cô gái ở các vùng khác chú trọng phục-sức làm cho sắc đẹp của mình nổi bật qua màu sắc của quần áo như: Áo sen đầm, quần lĩnh tía, thắt lưng sồi-se — thì gái Sơn-Tây nổi bật ở cái yếm — Cái yếm trắng của gái Sơn-Tây không thùng lớn như cái rần. Mà nó chỉ lơ-rờ như mắt rần. Những khoảng lơ-rờ, không lòi da, phơi thịt ra, như nhiều người chưa từng đặt chân đến Tây làm ruộng. Mà nó lơ

rờ, do những mảnh vá nhỏ đủ màu sắc thật diêm-dúa.

«Có lẽ vì muốn bày đặt chế nhạo các cô gái Sơn-Tây với những chiếc yếm, được diêm bằng những miếng vải đủ màu vá lổm-dổm, mà người ta bảo «Con gái Sơn-Tây yếm thùng tay rần» — Nghĩa là tuy số không thùng to như cái rần. Nhưng thùng lỗ chỗ như mắt rần thì cũng vậy !

Chẳng biết lối giải-thích của bà cụ ở Bất-Bạt có làm thỏa-mãn những đầu óc tò-mò về sự tích «con gái Sơn-Tây yếm thùng tay rần» hay không ? Nhưng theo tác-giả bài này, những lời nói đó, cũng có phần hợp lý, vì ít ra, bà cụ đã từng sống qua thời kỳ can-gái — «Con gái Sơn-Tây yếm thùng tay rần»!...



Lễ tế Nam-Giao ở Huế.

● Bà ÁI-LAN

chủ-tể Trời, Đất, Thánh Thần.

HỒI nhỏ, kẻ viết bài này có đi xem lễ Nam Giao, cứ mỗi ba năm đảo lệ một kỳ, cử hành rất long trọng. vĩ đại hơn cả các lễ khác của nhà vua ở Kinh đô Huế. Kỳ ức hãy còn ghi nhớ đại-khải quan cảnh cuộc lễ ấy, và nghi-thức phong tục về tôn giáo, chánh trị của lễ này, tôi cũng được nghe những bậc tiền bối trong gia đình kể lại.

Lễ tế Nam-Giao là một lễ trọng đại, vì lễ do nhà vua đứng làm chủ tể Trời, Đất và Tổ-quốc. Giang-Sơn. Đối với Trời nhà vua tượng trưng là «con trời» cho nên thiên hạ thần dân hay gọi vua là «Thiên-Tử». Những sắc chỉ do vua ban bố ra dân-gian, đều có dùng bốn chữ: «Thừa Thiên Hưng-Vận». Do đó, vua đứng ra

Cũng như dân-giả thờ cúng ông bà tổ tiên, vua thờ cúng Liệt thánh, tức các vị tiên đế, Tổ tiên của vua. Nhưng đặc-biệt quan-trọng hơn là thờ cúng Trời Đất, Lễ Nam-Giao là lễ tế Trời Đất mà ông vua nào cũng phải xem là một lễ trọng hệ, vì đó là một phong-tục của người Việt Nam. Từ ngàn xưa, người Việt vẫn tin vào quyền lực của thần linh là Trời Đất. «Trời che đất chở» cho loài người được sống an lành, thanh vượng.

Ngoài Trời và Đất, tức «Hiệu-Thiên Thượng Đế» và «Hoàng-Địa-Kỳ» là hai bài vị chính trong lễ tế, còn được phụ vào các hương-án để tỏ lòng tôn-sùng tất cả

giang-sơn phong cảnh của nước nhà vì đó là những địa-linh, sản sanh ra những nhơn-khiet cho quốc gia dân tộc.

Nhà vua có sứ-mạng «Thừa Thiên Hưng Vận» là vâng mệnh Trời mà diu-dắt quốc-dân, cho nên cần phải có dịp để tâu bày lại với Trời những công việc trong nước và cầu xin Trời phù-hộ cho dân nước được an-cư lạc-nhiệp và sự trị-vì của vua được bền lâu để chấn dất dân.

Đã có lễ, thì lễ phải long-trọng cho xứng đáng với Trời, xứng với vua. Long-trọng không phải làm phiền phức cho dân, cho triều đình, mà chính sự phô bày nghi-lễ long-trọng, rõ rệt trong dân-gian, cho muôn dân thấy nghi vệ đường hoàng, nhìn ngắm cảnh-tượng bình thanh-trị, dân càng cảm-động, càng biết rõ, càng hiểu thấu cái ơn của Trời-Đất, càng tôn-sùng

mệnh trời-mà nhà vua là biểu-hiện, để vũ-ang lòng trung quân nồng-nàn tình ái-quốc.

Đó là đại khái ý nghĩa của lễ tế Nam Giao.

Theo lệ xưa thì ngày đông-chi, tế Trời ở Nam-giao. ngày hạ-chi tế Đất ở Bắc giao. Theo sách Chu-Lễ thì mỗi năm, đến ngày mồng mười tháng giêng là hành lễ. Nhưng từ triều Nguyễn, vua Gia-Long trở về sau, thì cứ ba năm lễ tế Nam-Giao một lần, vào tháng Hai. Còn ngày thì tùy theo tòa Khâm-Thiên-giám chọn lấy ngày tốt nhất trong tháng.

Đàn Nam-Giao về phía Nam cách kinh thành Huế 4 cây số ngàn, về địa phận huyện Hương Thủy, gần đường đi lăng Thiệu Trị và Tự-Đức.

Khuôn viên của đàn Nam-Giao như thế này : Đàn xây ba tầng nền. Hai tầng

dưới hình vuông, gọi là Phương đàn, từng trên hình tròn, là Viên đàn. Bốn mặt đàn hướng về bốn phương, đều có tam cấp để lên mỗi đàn.

Ở phía tả có sở Thần khố và sở Thần trù là nơi để sửa soạn lễ vật. Ở phía hữu có Trai cung, là nơi để nhà vua ngự trai giới trước khi hành lễ.

Ở phía Bắc Viên-đàn, trong Thanh-ốc, có hương án thờ Trời (Hiệu Thiên Thượng Đế) sơn màu xanh, còn hương án thờ Đất (Hoàng Địa-Kỳ, thì sắc vàng.

Hai bên hai dãy án sắp song-hành, thờ các vị tiên tế. Ở giữa thanh ốc có hai nội-án, một án đặt lễ-phẩm, một án đặt ngọc bạch. Chung quanh treo hai mươi tám cái đèn, tượng trưng nhị thập bát tú.

Tầng Phương-đàn ở giữa có tám hương án phụ : Bên tả có bốn án thờ Thiên thần là Đại minh chi-thần (mặt

Trời) Châu Thiên Tinh Tả chi-thần (các vị sao) Văn-Vũ Phong Lôi chi thần (mây mưa, gió, sấm sét) Thái Tuế Nguyệt Tường chi thần, (Năm và tháng) Bền hữu, bốn án, thờ : Dạ minh chi thần (mặt Trăng) Sơn Hải Giang Đầm chi thần (núi, biển, sông, đầm) kỳ lãng Phần điền, (đồi, gò, đồng, bằng) và Thiên hạ Thần Kỳ chi thần (các vị thần khác trong thiên hạ)

Trước ngày lễ : sau khi tòa Khâm-Thiên-giám đã chọn được ngày tốt, thì vua cử một vị quách Khâm-mạng làm lễ ký-cáo tại đàn Nam-Giao, và cử một vị Hoàng thân làm lễ ký cáo ở Thái-miếu và Thế-miếu.

Trước ba ngày chính lễ, Bộ Lễ đưa Thị-vệ dâng lên nhà Vua một tượng ông Đồng-nhơn nhỏ, bằng đồng, hai tay chấp lên ngực và cầm một cái bài khắc hai chữ : «Trai giới» bằng chữ Nho.

Về tục này, tương truyền rằng ngày xưa ở bên Tàu, có một cái tượng bằng đồng, trống ruột, nổi lên bên trên mặt biển, nước biển chảy vào trong pho tượng ấy, rồi phun ra bằng miệng và mũi của pho tượng. Những tia nước đó xanh biếc và trong vắt. Người ta lấy tượng ấy làm tiêu-biểu cho sự thanh khiết.

Thế là bắt đầu từ giờ Thị vệ dâng lên cái tượng đồng tinh khiết đó, nhà Vua phải cử kiêng đi lại với lục viện tam cung, và sửa soạn trai giới.

Cũng cùng ngày trên đây, Bộ lễ lại dâng lên nhà Vua mấy bản chúc văn, cáo miếu, để Vua tự tay diên ngự danh. Bộ Lễ lại dâng một đạo sắc dụ Trí-trai có đóng bửu-ấn, rồi đệ đạo sắc dụ ấy lên Long đình, có lính mang nghi trượng, tàn lọng nhà-nhạc đi theo, rước sắc

dụ ra Phủ văn Lâu để yết thị.

Qua ngày hôm sau, Bộ Lễ thâu sắc dụ ấy về để nạp cho Cơ-mật, rồi các Bộ sao yết tại quan-thự để các quan chấp sự và bồi-tự phải trai giới trước ba ngày.

Trước chính lễ một ngày, vào khoảng tám giờ sáng, nhà Vua ngự đại giá lên Trai cung. Lễ rước nhà vua từ đại-nội tới Trai cung rất trọng thể. Khi nhà vua ngồi trong «Ngọc liên» (một cái kiệu hình chữ nhật, các cửa có lọng kính, do tám người mặc áo dẫu khiêng đi) qua đến cửa giữa Đại cung môn, có phất cờ hiệu ra lệnh, dấy lên chín tiếng súng đồng («lệnh ngự») rồi tiếng chuông trống tại Ngọ môn tiếp theo, rền vang. Ngự giá qua bên tả điện Thái-hòa, rồi theo đường dũng-đạo qua cầu Kim thủy, đoạn ra cửa Ngọ môn. Khi ra khỏi cửa Ngọ-

môn, chuông trống không đánh nữa và dọc đường lên Nam-Giao chuông trống lại cử lên. Hai bên đường có bày hương án rực rỡ.

Đám rước Vua có ba đạo : tiền đạo, trung đạo và hậu đạo.

Tiền đạo có : — các quan võ, các lính mặc áo dẫu, mang chiêng, trống, tàn lọng, cờ ngũ-tinh (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) cờ nhị thập bát tú, người nói loa (truyền đồng thanh) đội ngũ-loi, cờ đồng, voi, ngựa đóng bánh, đeo mạng và lục lạc ; một chiếc kiệu long-liên, một cái án «Phúc tửu» có hai lọng che (án này sẽ đặt tại Viên-dân, ở trên để một bình rượu và một miếng thịt phần của nhà Vua sau khi tế trước hai bàn thờ Trời và Đất.

Trung đạo có : chiêng, trống, tàn, lọng, cờ quạt, còn có ba long đình, trên để

quí vật, ngọc, lụa v.v. để tế, mỗi long đình có hai lọng che, một ngự liên (xe này chỉ đi không) có quan phò-liên, Thái giám theo sau. Một long-đình trong để đồ ngự dụng của vua dùng hàng ngày. Rồi đến ngự xa, trên có nhà Vua ngồi, hai bên có bốn lọng vàng, theo hầu có các vị Hoàng thân, các quan Đại thần.

Hậu đạo : cũng có chiêng, trống, cờ xi, một long đình trên để ông đồng-nhơn và hai lọng che, theo sau, các quan văn từ ngũ phẩm, quan võ từ tứ phẩm. Sau khi nhà Vua đã tới Trai cung, độ vào khoảng 12 giờ trưa, Bộ lễ đệ đạo chúc văn tế Giao, để vua tự tay diên ngự danh, (tên họ vua) rồi các quan đệ lên đàn Nam-Giao sẵn trên một cái giá.

Chiều hôm đó có lễ tập, nghĩa là duyệt trước cuộc tế lễ, để hôm vào lễ chính thức, vua và các quan khỏi phải bối ngỡ không được thành

thực nghi lễ. Cuộc tập lễ này, người nào muốn vào xem phải có giấy phép của Bộ Lễ nghi. Các nhà báo, các nhà chụp hình, quay phim, phải có giấy phép của sở Liêm phóng. Giấy phép được xem cuộc tập lễ này không được vào xem cuộc lễ tế chính thức.

Lễ tế chính thức — Đến hôm đại tế, gần giờ ti (12 giờ khuya) thì Vua mặc quần miện, cầm ngọc Trấn. Khuê đi xe từ Trai cung qua cửa Tây đàn Nam-Giao, rồi quanh sang mặt hướng Nam, do tam cấp lên Phương đàn thứ nhứt, rồi vua vào nhà Đại thứ, còn các quan văn võ thì theo phẩm trật đàn đứng hai bên.

Rồi nhà Vua lên Hoàng-ốc ở tầng thứ hai để làm lễ. Lúc ấy có đốt một trâu nghé tại nơi «Bàn sai» và chôn một ít lông và huyết con nghé ấy. gọi là «Ế mao huyết».

Khi nội tán xướng : «Tấu dâng đàn», nhà Vua nghiêm chỉnh bước lên Thanh-ốc ở tầng thứ ba. Lúc ấy các quan văn võ cũng bước theo lên Viên-dàn do hai cấp bên tả và bên hữu.

Vua làm lễ tại Hoàng-ốc và trên viên đàn, đứng trước nội-hương-án. Vua theo lời nội-tán xướng mà lần lượt làm các lễ:

Rửa tay, (quán tẩy) dâng hương, (thượng hương) dâng lụa, (hiển ngọc bạch) dâng rượu, (hiển tửu) đọc thục (tuyên chúc) các lễ tuần tự đại khái nghi thức giống nhau, như lễ thượng hương thì có vị chấp-sự dâng một hộp trầm, một vị chấp sự khác dâng một lư hương. Cả hai vị đi tới gần nhà Vua rồi quì xuống chiếu, vua cũng đương quì đó, đưa tay lấy một gói trầm bỏ vào lư hương, vị chấp sự hai tay nâng lư hương lên ngang trán rồi để lên hương án,

đoạn lùi xuống để cho nhà vua lễ bái. Trong khi vua hành lễ, các quan ai có phận sự, đều hành lễ cùng một lúc.

Lễ tiến tửu thì ở mười án tại Viên đàn, chia ra làm năm lần dâng rượu.

Dưới tầng thứ nhì, trước tầng đàn Bát-án, các quan có phận sự hành lễ ở đó.

Trong khi tiến tửu, có một vị quan đọc bài văn-tế. Bài văn tế đề trên một cái giá sơn son thếp vàng (chức ký) có lụa phủ, khi đọc xong, lại phủ khăn lụa lên rồi đốt đi.

Trong khi tế, nhà Vua đi, đứng, bái, quì, dâng hương, đều làm theo lời xướng của nội tán. Trên Viên-dàn, có cất một nhà nhỏ, để vua khi lễ xong một đợt, thì vào ngồi trong đó nghỉ. Chờ làm lễ tiếp theo.

Khi nội tán xướng : «lễ



tấu» thì lễ đã xong, Vua ngự về Trai cung cùng các quan, có ca tấu nhạc chương. Các vị Hoàng thân, các quan Thượng thư và ấn quan làm lễ khánh hạ, rồi vua hồi loan về Đại-nội, có 9 tiếng sùng đồng và các quan ra phục mệnh.

Những thực phẩm cúng tế đều chia cho các quan theo phẩm tước cấp trật. Vua cũng có phần là một ít rượu và một miếng thị. Rượu này gọi là Phúc tửu, khi cúng xong sẽ mang về Đại-nội cho vua dùng.



Chuyện Quái - đàn khoa-học

SAU đây là những chuyện kỳ lạ, quái đàn. Chúng tôi đã có dịp đọc hoặc nghe kể lại hàng trăm chuyện như thế này. Những chuyện kỳ-ảo này phát xuất từ nhiều nguồn khác nhau: Có khi nó ở trong những câu chuyện bình dân, có lúc nó ở trong những chuyện thần-thoại. Điểm đặc-biệt ở đây là những chuyện này dính dấp rất nhiều đến nền văn-học các quốc gia. (Người Pháp thường gọi là «le fantastique littéraire»). Thơ văn là bộ áo vàng son khoác lên những câu chuyện ấy.

Chúng tôi chỉ xin trình bày những chuyện có tính cách khoa-học hơn là kể ra những chuyện quá hoang đường.

Mỗi chuyện có một sắc thái riêng biệt. Việc phân xét và suy gẫm xin nhường lại quý vị có cao kiến hơn ..

Lời dịch-giả

Tiếng nói của tượng Phật Di-Lặc.

★ của OCTAVE BÉLIARD

● GIANG-TÂN dịch



BUỔI đêm ấy, quang cảnh trong phòng quan Quận rất nhộn-nhip. Bà Đờ-Mông ngồi cạnh cụ Đại úy Đờ-

Răng. Bà Đờ-Mông lên giọng:

— Đại úy có thích mỹ thuật Viễn Đông không? Tôi sẽ xin giới thiệu Đại úy chiêm ngưỡng một tượng Phật.

CHUYỆN QUÁI ĐÀN

Những người khách có mặt hôm đó nghe câu nói của bà Đờ-Mông đều ngừng mắt lên nhìn bà. Bà Đờ-Mông chung sống với một người chồng, vẻ mặt nghiêm nghị, tuổi tác già hơn bà nhiều. Nói xong câu trên bà vị cựu Đại úy ra vườn. Hai người đứng lại trước tượng Phật bằng đồng đen chạm trổ theo lối Đông Phương. Đây là một tượng Phật Di-Lặc.

Bà Đờ Mông nói:

— Người anh tôi là một du khách nổi tiếng đã tìm thấy bức tượng này ở trong khu rừng Miến Điện. Nói xong, bà nhìn lên trời cao có vẻ trầm ngâm trong sự im-lặng. Bà lại tiếp:

— Tượng Phật này nằm ở trong một ngôi chùa cổ kính hoang tàn. Mưa nắng hàng trăm năm đã làm cho mặt tượng sáng bóng lên, một màu sáng xanh. Có phải đây là một cổ vật hiếm không? Vị cựu Đại úy không trả lời đưa tay ôm chặt bà Đờ-Mông, nhưng liền đó bà đẩy tay ra. Vị cựu Đại úy thì thầm:

— Làm thế nào để biết chắc

chắn rằng em yêu anh? Đức Phật chứng minh. Anh còn muốn gì hơn nữa? Em muốn rằng anh hãy nói những lời đó trước mặt Ngài.

Nét mặt vui vẻ, bà Đờ Mông ghé miệng vào tai tượng Phật.

— Ngài đã nghe chúng tôi nói chứ! Tôi yêu Đại úy Đờ-Răng. Xin Ngài giữ bí-mật điều đó cho...

Bây giờ chúng ta nên trở lại phòng khách vì sự vắng mặt của chúng ta sẽ làm cho người khác để ý.

Khi hai người trở lại phòng khách, vị Quận trưởng rào bước xung-quanh căn phòng rồi dịu một người khách mới tới, đứng trước mặt mọi người để giới thiệu. Đó là một người đàn ông, dáng nhỏ nhắn, hơi thô kịch. Ông Đờ Mông lên tiếng:

— Thưa quý bạn hữu! Đây là giáo sư Mô-Ra, việc khám phá của người đang làm chấn động trong lịch sử pháp đình... Chưa có một phương tiện nào

hiệu nghiệm hơn đề khám phá tất cả những bí ẩn trong những tội ác khéo bố trí nhất. Giáo sư Mô Ra sẽ dành phần ưu tiên thí nghiệm sự khám phá của người cho chúng ta chứng kiến trước nhất.

Bà Đờ-Mông đưa tay ra trước mặt giáo sư Mô-Ra :

— Thưa giáo-sư, tôi rất nóng lòng muốn được nghe giáo sư trình bày. Những câu chuyện đượm màu sắc trinh thám như thế này chắc hẳn sẽ rất hấp dẫn, nhất là đối với người phạm tục như chúng ta.

Giáo sư Mô Ra tươi cười :

— Bà chị khen quá lời ! Sự thật tôi muốn thí nghiệm thêm về sự khám phá của tôi — Tuy nhiên... Giáo sư Mô Ra bước lại lò khói. Lúc giáo sư trở lại thì câu chuyện ngưng hẳn. Những người khách chơi cờ ở bên cạnh cũng ngừng đầu lên. Giáo sư bắt đầu trả lời các câu chất vấn, dần dần buổi nói chuyện biến thành một cuộc diễn thuyết. Một cái



hộp nhỏ giống cái máy phát thanh được đem tới đặt lên bàn.

Giáo sư Mô Ra nói :

— Tất cả những hành động bí mật của chúng ta, vẫn luôn luôn có những người chứng theo dõi, mà chúng ta không bao giờ ngờ tới những vật vô tư ấy có thể trở thành những bị cáo trung thành nhất.

Chúng tiếp nhận những cảm tưởng và có một trí nhớ không bao giờ phai lạt. Quý bạn cũng biết rằng một lần dấu tay trên một vật nào đó là chứng minh cho sự kỷ niệm một lần đụng chạm. Vật được thăm vấn sẽ diễn tả tất cả những kỷ ức mà vật đã ghi nhận được.

Các vật vô tri còn có thể ghi lại tiếng động, lời nói.

Giáo sư Mô Ra vừa nói đến đây thì ông Bu-Sa, cổ vắn tòa án ngắt lời :

— Thật là một vụ ảo thuật !

Giáo sư Mô Ra tươi cười :

— Thế thì ông không tin hay sao ? Người ta gây tiếng động, người ta nói, khi người ta đứng trước một vật nào đó, thì vật đó tiếp nhận những âm-ba cũng như tiếng nói đó, tiếng động đó được ghi vào một cái đĩa hát, tuy nhiên bề mặt của vật đó, không giống những đĩa hát. Các vật còn tiếp nhận các cảm tưởng nữa và cảm tưởng đó được giữ lâu bền với tháng năm. Tất cả những bàn ghế xung quanh chúng ta đều giữ lấy tất cả những tiếng động suốt trong đời của chúng ta, cũng như đang giữ lấy những lời của chúng ta.

Giáo sư ngưng một lát. Có những lời thì thầm tỏ vẻ ngạc nhiên. Rồi giáo Mô-Ra lại tiếp :

— Vấn đề đặt ra cho tôi là chế tạo một dụng cụ có thể tiếp nhận bề mặt của tất cả các vật rồi diễn tả lại bằng tiếng động cho tai nghe. Và đây là bộ máy đó. Một bộ phận nhận tin, phía đầu bộ phận có sợi dây. Lúc cần thí nghiệm, tôi chỉ cần đưa sợi dây lên bề mặt của vật. Tất cả

những âm ba li-ti vẫn được thâu nhận vào máy. Khi vào trong hộp, những âm ba đó được phóng đại rồi biến thành ra tiếng động. tiếng động đó được truyền qua một bộ máy phóng thanh. Từ đó, người ta có thể nghe những lời tâm sự bí mật đã phát ra trong khung cảnh đó, cũng như biết rõ đầu đuôi một tội ác đã diễn hành. Cái máy của tôi phát minh, khi được đem ra đặt trước tòa có thể kể lại rõ ràng lời nói của kẻ sát nhân và đặt bộ máy bí mật.

Giáo sư Mô Ra, nói đến đây, bỗng im lặng. Tất cả các quan khách tỏ vẻ ngạc nhiên, nhưng lòng rất thán phục... Người ta xô lấy nhau quanh chiếc bàn có đặt bộ máy bí mật.

Ông cố vấn Lãng-Lát đưa ra một nhận xét về pháp lý như sau :

— Nếu tất cả những tiếng động đều liên tiếp xảy ra và vật vô tri ghi nhận được thì trên bề mặt của nó chỉ ghi lại những tiếng ồn ào khó hiểu. Như vậy

những tin tức có lợi ích, có thể vì thế bị chìm mất không ?

Giáo sư Mô-Ra trả lời :

— Lẽ dĩ nhiên, đó là một cản trở lớn. Nhưng những tiếng ồn ào khó phân biệt đó, giảm dần âm thanh tạo thành những âm thanh nhẹ rồi mất dần, chỉ còn lại những âm thanh lớn hơn những lời nói rõ ràng hơn. Và lại, phương pháp biến những âm thanh ấy trở thành những luồng sóng dài, đó là một cách lựa chọn âm thanh có hiệu quả nhất, đầy đủ nhất. Trong trường hợp tôi đem thí nghiệm trước quý vị, làm cho các vật vô tri, phát ra tiếng nói mà chúng ghi nhận được, đó không phải là một bằng chứng xác thực nhất sao ?

Mọi người tỏ ý chấp nhận lời giải thích của giáo sư. Và tất cả đều nóng lòng muốn giáo sư thực hành ngay, mỗi người đưa ra một đề nghị. Kẻ thì muốn máy trình bày một vụ giết người. Kẻ khác lại muốn trình bày một vụ cướp của. Ông quận trưởng vui vẻ lên tiếng :

— Riêng tôi lúc này rất bối rối, không biết đưa đề nghị gì. Chúng ta hiện đang có mặt trong nhà tôi. Tôi cũng chẳng muốn che giấu điều gì với ai cả. Hơn nữa, chắc cũng chẳng có ai đề ý đến những biểu chuyện nhỏ xảy ra hàng ngày trong đời sống riêng tư của mình. Tôi đặt giả thuyết, nếu trong một trường hợp nào đó, cái máy này đưa ra một vài bí mật trong hoạt động hành chánh của tôi, hoặc câu chuyện nội bộ gia đình tôi, thì đó là cả một chuyện làm cho mọi người phải sửng sốt, hồi hộp. Bây giờ tôi có ý kiến này. Chúng ta sẽ bước ra vườn và tìm cách hỏi tượng Phật bằng đồng đặt ngoài đó. Tôi chắc rằng tượng sẽ ghi lại nhiều kỷ ức vô cùng lý-thú trong cánh rừng âm u ở Miến Điện cũng như sẽ thuật lại cho chúng ta biết những lời nói vô tình hay hữu ý của tất cả các du khách đã có dịp chiêm ngưỡng bức tượng.

Lời đề nghị của ông Quận trưởng được tất cả các quan khách tán đồng. Đại úy Đờ-Răng

xem ra có vẻ lo lắng, đưa mắt nhìn bà Đờ-Mông. Riêng bà này, nét mặt thất sắc, ngồi bất động. Trong lúc đó, các vị quan khách lần lượt kéo nhau ra vườn. Giáo sư Mô-Ra cũng không quên mang máy theo. Trong khung cảnh nửa sáng nửa tối, giáo sư đặt máy gần tượng Phật, âm thầm cho máy hoạt động. Không khí bỗng trở nên khó thở. Một sự im lặng nghiêm trang đè nặng xuống mọi người. Bỗng bà Đờ-mông lên tiếng thì thầm bên tai Đại úy Đờ-Răng :

— Đại úy ơi ! Có lẽ em sắp chết đến nơi rồi ! Đại úy Đờ-Răng an ủi bà Đờ-mông bằng cách nắm chặt bàn tay bà trong bàn tay ông.

Giây phút im lặng kéo dài. Bỗng máy phát ra những âm thanh nho nhỏ. Người ta cho đó là một điệu nhạc kỳ dị. Trong âm thanh đó, người sành điệu có thể phân biệt được âm thanh rền rĩ của tiếng chuông chùa, tiếng mõ lốc cốc nổi lên trong giờ tụng niệm, tiếng trống rền, cũng

nhieu âm thanh của nhạc cụ Đông phương, và những tiếng gọi xa xôi. Nhưng nổi nhất trong những âm thanh đó là những hồi trống vang rền tựa như tiếng nhạc bất tận của trùng dương, dồn dập, náo nùng cùng với tiếng gió gào thét nghe đến rợn người, tiếng gió này thường xảy ra trong các khu rừng hoang lạnh ở các vùng nhiệt đới.

Đại úy Đờ-Răng làm bầm :

— Phải chăng đây là tiếng rền rĩ của gió mùa...

Nhưng rồi tất cả trở lại im lặng. Trên miệng bà Đờ-Mông

● Một ông Giáo-sư muốn làm gương tốt cho học-sinh. Ngày thứ nhất ông bỏ hút thuốc. Ngày thứ hai, ông bỏ uống rượu. Ngày thứ ba, ông bỏ chọi gà.

Rồi ngày thứ tư, ông bỏ không bỏ nữa.

ĐÍNH CHÁNH

Trong Phổ-Thông số 229, ngày 1-9-1969 trang 99, dưới tên tác-giả Nguyễn-Khắc-Tiến-Tùng, vì sơ-xuất ấn công đã in dư hai chữ trong giòng «Tiến-sĩ Khoa-học chính-trị Munich, Tây-Đức». Xin bỏ hai chữ «Tiến-sĩ».

P.T.

bỗng nở lên một nụ cười nhẹ nhõm :

— Có lẽ cái máy của giáo sư Mô-Ra vẫn chưa được hoàn hảo ?

Đại úy Đờ-Răng cướp lời :

— Đức Phật đứng về hàng các thần thánh. Tai của các Ngài chỉ chú ý tới tiếng gào của gió, tiếng động của núi rừng, những âm thanh trong thiên nhiên hơn là đề ý đến những lời thề thốt về ái tình...



● KỶ SAU : Người hút máu



Ngàn con chim hót trong đầu

Con chim thức dậy buổi mai
hót bài vô tận kéo dài âm thanh.
Một con chim hót trên cành
Hai con chim rửa lông xanh mà buồn.
ba con chim bay về nguồn
Một con ở lại cũng buồn bay theo
Bốn con chim vượt ngang đèo
Năm con chim cũng sầu theo vết đời ...
Bầy chim về giữa mù khơi,
tháp hoang cồn dựng bên trời quanh hiu
Trăm con chim giữa tiêu điều
Đời không chỗ đậu chít chiu giọng buồn
Biển trời trăm mặc mù sương
quanh quanh mây nước dậm trường bao la
Tỏ yêu xưa lạc giang hà
Trăm tư mắt vọng trời xa nhánh sầu
Ngàn con chim hót trong đầu
Nghe vui chợt tắt, nghe sầu chợt lên.

Tôn-Hoài-Mộng
(Quảng Ngãi)

SINH HOẠT TRẺ

Bắt đầu từ số này, chúng tôi mở mục «Sinh Hoạt Trẻ» để ghi nhận những chứng tích của văn-nghệ trẻ, những hiện-tượng trẻ của thời-đại để làm tài-liệu cho Văn-học-sử sau này.

Chúng tôi sẽ tôn-trọng tinh cách khách-quan lịch-sử (objectivité historique) của Tạp-chí Phê-Thôn, ghi lại trung-trực và đầy đủ những hiện-tượng Văn-nghệ của các lớp trẻ.

Các bạn làm văn-nghệ hôm nay có thể hợp-lạc trong mục này với tinh-thần vô-tư xây dựng thuận-thù văn-nghệ

PHÊ-THÔN

Hiện Tượng «Quán» Văn-nghệ

Kỳ trước : Thăng Bờm.

Kỳ này :

«Hương Cỏ May»

★ THU-MAI

«HƯƠNG CỎ MAY» thuộc loại quán sinh sau để muợn đổi với những «đàn anh» như : «Thơ, Gió, Giao Chỉ, Thăng Bờm», vì mới khai-trương hơn tháng nay, tọa lạc khoảng giữa,

đường Phạm Hồng-Thái, sau lưng mấy quán hàng ở Lê-Lợi mới dời đến.

Một ngôi nhà trệt rộng, mới trang-hoàng lại, trước cửa dựng một tấm bình-phong bằng plastic

SINH HOẠT TRẺ

màu, vài ba chậu kiểng. Trên tường treo năm bảy bức tranh lập-thể, mấy tờ affiches ghi chương trình, thức uống, «... những ban-nhạc kích động, muốn trình diễn ở Hương Cỏ May, xin liên lạc với Đình-quang Hùng...»

Bàn ghế ở đây giống như của các restaurants, không có gì đặc biệt. Quầy hàng để sát tường, khoảng giữa nhà, phía trong cũng là một bức gỗ khá rộng, chằng màn đỏ, dán một vài cánh hoa hippy, đó là sân khấu.

Nhìn chung toàn-diện, quán là một phòng trà nhỏ, sắp xếp theo lối phòng ăn.

Khi tôi vào, quán chỉ lưa-thưa năm mười người ngồi uống café, nước ngọt, vài vị civils, mấy ông nhà binh, dĩ-nhiên có ca-nhạc.

Theo như chương trình đã quảng cáo trên báo, thì đêm nay là đêm chủ đề : «thi ca đen» do «Phan-lạc Giang-Đông» và bạn hữu-trình bày lúc 8 giờ.

Nhưng ngồi hơn nửa giờ rồi mà chẳng thấy gì. Một lúc lâu, anh Đình-quang-Hùng (theo lời bà chủ quán thì anh và anh Ngô-mạnh-Thu, là người phụ-trách chương trình văn-nghệ cho quán), lên micro cáo-lỗi... «Đến giờ này mà Phan-Lạc Giang-Đông vẫn chưa đến, có lẽ anh xuất-trại không được... Chúng tôi đã cho người liên-lạc. Mong các bạn chờ thêm 10, 15 phút nữa. Nếu anh Phan-Lạc Giang-Đông vì lý-do gì đó không đến được, chúng tôi sẽ xin thay bằng một chương trình nhạc nhẹ.»

Khách bây giờ đã khá đông, có sự hiện diện của một vài vị con gái, các cô mặc đủ thứ, áo dài, jupe, robe, patte... Ở bàn ngoài cửa ra vào, các cô lại khệ-nệ xách ví vào ngồi bàn trong cùng. Thỉnh-thoảng các cô chớp chớp mắt, cắn móng tay, đưa những ngón tay ngọc sơn đỏ lên để ngợc một phát, ra dáng ngây-thơ thẹn-thùng. Em Băng Tâm, con chị chủ nhà trọ, cùng đi với tôi, ngo-ngác hỏi :

— Chị Mai, mấy bà đó họ



làm cái gì vậy?

9 giờ, anh Đinh-quang-Hùng lên cho biết, người nhà của Phan-Lạc Giang-Đông bảo anh đã lại quán từ hồi 7 giờ, không hiểu sao đến bây giờ vẫn chưa tới đây, có lẽ anh gặp một chuyện gì? Bây giờ chúng tôi xin thay bằng một chương-trình nhạc nhẹ...

Hai vị con trai ngồi gần tôi liền phát ngôn:

— Chắc bị xe đụng rồi?

— Bị lính bắt quân-dịch rồi!

Người ta tưởng rằng sẽ được

nghe hát ngay, nhưng không, các anh chị còn đang tập dượt sau hậu trường phía nhà bếp, máy hát vẫn còn vang giọng ca Khánh-Ly. 20 phút sau chương trình ca nhạc mới bắt đầu. Trước tiên là cô Mai Tuyết-Hương, một ca sĩ, lên hát, anh Ngô-mạnh-Thu dẫn.

Cô hát liên tiếp đến 4 bài, mặc dù tiếng vỗ tay rất thưa-thớt, lạnh lùng, không hề có một tiếng «Bis» nào của thính-giả. Kế đó là một anh, lên hát 2 bản nữa, và sau là anh Đinh-quang-Hùng, hát một bản Việt, 1 Pháp. Cô Hương, anh Thu, anh Hùng và anh gì đó nữa, đều là ca-sĩ «cây nhà lá vườn».

Tiếp theo, anh Hùng mời «thi-sĩ», (nguyên-văn, theo anh Hùng gọi) Ngô-Xuân-Hậu lên ngâm thơ. Nhà thi-sĩ lên bực gỗ: «... Thưa các bạn tôi vừa ở Long-Khánh dù về, nghe nói trong đêm thơ khai-trương quán, một người nào đã hát bản nhạc phổ-thơ của tôi, tôi cảm-dộng lắm... bây giờ

để đáp lại thịnh-tình của quý bạn, tôi xin ngâm ngay nguyên-văn bài thơ đó... nếu có chi sơ-xuất mong quý bạn thứ lỗi cho, vì tất cả thi-sĩ 10 người biết làm thơ, thì đã hết 9 không ngâm được.»

Ông thi-sĩ còn nói nhiều lắm, nhưng vì lúc đó hơi đang trí nên tôi quên mất hết...

Và ông bắt đầu ngâm thơ. Ông ngâm liên tiếp hai bài: «ngàn năm mưa bay», cho khỏi thuốc»,... Đà-Lạt mưa hoài mưa mãi, mưa ngoài phố, mưa trong hồn... Tôi nhớ được hai câu đó vì thấy sao nó lại giống 2 câu thơ của Verlaine quá:

*«Il pleut dans la ville
Il pleut dans mon coeur...»*

Kế tiếp, anh Hải, anh Quang lên hát mỗi người 2 bản, cuối cùng anh Ngô-mạnh-Thu lên, ngâm một bài thơ của Phan-Lạc Giang-Đông. Từ đầu đến cuối tôi để ý thấy, người nào lên ngâm thơ, hát, cũng đều từ hai

lần trở lên, nhưng tiếng vỗ tay của thính-giả rất rời-rạc. Nhiều lúc câu hát, câu thơ cuối cùng rơi vào một im lặng nặng-nề, làm tôi cảm thấy hơi khó chịu, ngượng-ngùng.

Khách hàng rất đông, có thể nói bàn nào cũng chật. Khách phần nhiều là những người ở vào khoảng tuổi 30. Lúc gần 10 giờ có năm sáu vị nam nữ choai choai vô quán, hình như các vị này là bạn của cậu con bà chủ, mặc áo «look like chemise bà ba» và đi «servir».

Tôi hỏi ông thi-sĩ Ngô-xuân-Hậu:

— Ông nghĩ thế nào về các quán văn-nghe như thế này?

Thi-sĩ trả lời: văn-nghe thuần-túy thì đẹp lắm, tuy-nhiên, cũng có những trường-hợp lợi-dụng mục-dịch yêu-văn-nghe của anh em, để làm thương-mại.

10 giờ 20, tôi đứng dậy lại quầy trả tiền, 2 chai Co-ca co-la:

80 đồng, mắc hơn ở quán «Thằng Bờm» mỗi chai 10 đồng, đó là chưa kể thêm tiền phụ thu 20 đồng trong những đêm có chủ-đề, như đêm nay chẳng hạn nếu Phan-Lạc Giang-Đông và bạn-hữu của anh đã đến ngâm thơ. Và theo lời bà chủ quán, và bà mẹ của cô ca sĩ Mai-Tuyết Hương, (cô đã hát liên-tiếp 4 bài) thì số tiền phụ thu đó để «đưa cho các anh đi xe». Hai bà cùng nói :

— Ở đây chúng tôi chú-trọng tới phần văn-ngệ nhiều hơn thương-mãi.

Thấy tôi hỏi, hai bà hỏi lại tôi :

— Cô hỏi làm gì thế ?

— Dạ, cháu hỏi cho biết.

Hai bà nhĩa tôi, mỉm cười nghi ngờ.

Không còn gì đáng để ghi nhận nữa, tôi ra về. một vài người cũng lục-lục ra về, nhưng phần đông vẫn còn ngồi lại uống café, coca-cola, hút thuốc thơm, tán chuyện gẫu giết thì giờ.

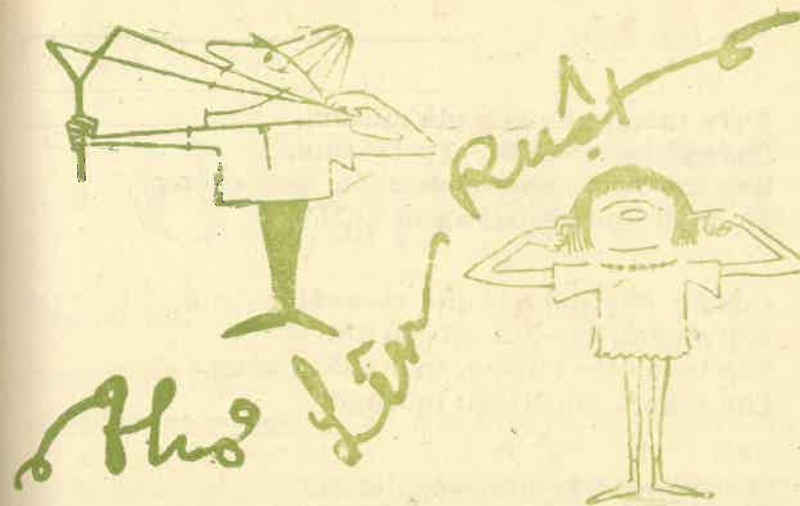
Đứng ngoài đường đón xe, tôi còn nghe văng vẳng tiếng hát của Khánh-Ly. Hầu hết các quán tôi đã ghé vào đều có giọng ca Khánh-Ly.

Ngồi trên xe, tôi mới chợt nhớ một chuyện, quên hỏi bà chủ quán tại sao lại đặt tên là «Hương cỏ May» ? Cỏ May làm gì có hương ?

Đêm thứ tư 24-9-69

● Văn-sĩ Hubert Juin (Pháp) xem triển-lãm tranh lập thể, rồi phê bình :

— Tranh vẽ ngày nay cũng giống như đàn-bà, Người ta có thể hiểu họ mà không cần yêu họ, và cũng có thể yêu họ mà không cần hiểu họ.



Kép dờ tường vui (1)

Tặng Cụ Thi-sĩ Trần-văn-Hương.

Đã biết rằng ta «kép dờ» rồi
Sao còn thích đóng lớp tường vui ?
Đóng chi cho dờ càng thêm dờ,
Mà lớp tường vui cũng hết vui !



Nhưng kép như ông chẳng phải tôi,
Xưng rằng «kép dờ», khiêm-nhường thôi.
Chỉ vì tường dờ không ăn khách
Dù kép già gân cũng bị «thui». (2)



Thầy tuồng bảo kếp giả mù-đuì,
Chống gậy mò theo nẻo tối-thùi,
Kếp bước khập-khênh, chân lỏng-chông,
Lò-dò đi ngược, tưởng đi xuôi !

★

Đường đầy gai-góc quá xa-xuôi
Kếp gượng dẻo-dai cái cặp đùi
Kếp muốn lên hương, trời chẳng sáng,
Còn trùng rần-rít đất lui-nhui

★

Quơ-quàng gậy gộc, kếp lui-cui
Càng bước, càng gân, càng dật lui.
Càng vấp phải cây, đâm phải đá,
Lăn cù xuống dốc, ối chao ui !

★

Vai tuồng kẻ cũng khá vui vui
Kếp cũng tài-ba, chẳng phải cùi.
Nhưng bởi tấn tuồng như thế vậy,
Rằng hay, rằng dở, khó phan-phui.

★

Khán-giả lao-nhao bụm miệng cười
Ngỡ vì tổ trác, hóa ông xui.
Tấn tuồng tiếp diễn, ông thôi kếp,
Tặng biệt văn thơ, tộ-nữ tui.

★ DIỆU.HUYỀN

- (1) Tựa bài thơ «Kếp dở đóng vai vua» của ông Trần-văn-Hương.
(2) brulé

Ghép TIM

Sao thành công ?

Sao thất bại ?

● B.S. HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG



Thay Tạng, thay Phủ là một kỳ công của ngành giải-phẫu đời nay. Thay được những kết quả bất như-ý số người được thay thì nhiều, số người sống còn rất ít. Đề bỏ khuyết, tác giả bài này thuyết trình một phương pháp cứu-thể của Hán-y, đó là «ngũ hành tương sanh và Ngũ hành tương khắc». Hòa mình thì sống, biệt lập thì chết. Ngũ hành luật thuyết chủ trương sự hòa mình trên địa hạt sanh lý. Bài này đưa lại cho độc giả P.T một khái-niệm về Hán-y. Môn đệ của Hoàng-Đế, Kỳ Bá, sẽ hãnh diện thấy ở đây chân giá-trị của y-lý cổ truyền Á-Đông. Môn-đệ của Esculape sẽ phải đặt nghi-vấn. Nghi vấn sẽ dẫn tới tiến bộ qua sự sưu tầm, quan sát thí-nghiệm và thực hạnh.

THEO một thống-kê của tạp chí «Express» của Pháp, năm 1968, trong số 92 người được «thay tim», chỉ có 2 người sống quá 6 tháng kể từ ngày giải-phẫu — Tạp-chí dẫn trên xuất bản tháng 12, 1968. Theo tạp sang y-học, tiếng Việt, in Ronéo, do Đại-học. Y khoa Việt-Nam, thì tính đến cuối năm 1968, gần 80 người, được thay tim :

Hoà Kỳ	41 lần
Gia Nã Đại	11 lần
Nam Phi và Pháp	3 lần

Nhiều nước khác đã góp mặt :
Tiệp. Nhật. Úc.

Nga-Xô, Y Pha Nho, Vénézu-
-ela...

Trong số 80 người, chỉ có 50 người sống với tim ghép : Trên dưới 70 người đã chết vì nhiều lý do :

1/ quả tim cho quá mới để
với quả tim đã thọ bệnh.

2/ Hệ thần kinh lâu hòa-nhập

3/ sự sắp xếp nhóm mô không
thích hợp

4/ sự thải hồi. Miễn-nhiêm — nghĩa là khi một vật lạ vào nhơn-thân, vật lạ ấy một là bị đồng hóa với nhơn-thân, hai là bị nhơn-thân huỷ động tất cả năng lực tự-vệ mà trục xuất nó ra. Về trạng thái ghép-tim, có một vụ phản sanh-lý, nói vắn tắt như thế này : lấy 1 quả tim của một người, rồi lắp vào lồng ngực người khác. Tự nhiên, người nhận tim không thể tiếp đón cái quả ấy được. Thất bại vì phản tự-vệ. Muốn cho cái quả ấy ở lại với chủ mới, thì các bác sĩ giải phẫu phải dùng những phương tiện (rất bất tiện) để ngăn đón, để cản trở sự tự-vệ, sự khản cự có sẵn trong nhơn-thân của người nhận quả. Phương-tiện ấy là

- 1) Séro-m antilymphocytaire.
- 2) Prédnisone
- 3) Imuran

Ba món này phải dùng trường-kỳ. Dùng trường-kỳ thì hậu quả rất tai hại : bệnh nhơn suy nhược vì kém phần tự-vệ ; xương bị mục, dễ mòn, dễ gãy ; và gan đăm lâu ngày kiệt quệ.

Muốn nuôi một con bò, mà phải phá tang-boang một mẫu rừng xanh. Hơi vô lý. Kết quả đã chứng minh sự bất-tiện của phương pháp ấy. Vậy dưới đây xin trình bày một giải-pháp nghìn xưa của Hán-y để cứu vãn tình trạng.



● Ngũ Hành tương sanh Ngũ Hành tương khắc

Ngũ Hành tức là Hỏa, Thổ, Kim, Thủy, Mộc. Chúng nó bắt nguồn tại 2 khí : Dương và Âm. Hai khí này là mẹ đẻ của vũ-trụ và của nhơn-sanh.

Trong nhơn-thân có Dương Âm và có ngũ hành. Thuộc về Dương là những cơ quan gọi là Phủ ; thuộc về Âm, là cơ quan gọi là Tạng. Mỗi một Tạng kẹp theo một Phủ. Mỗi Tạng có một «sanh khí», riêng biệt :

Tim (Tâm)	có Hỏa khí
Tỳ	có Thổ khí
Phế	có Kim khí
Thận	có Thủy khí

Can

có Mộc khí

Năm khí ấy sống chung hợp tác để huê, đoàn kết mật thiết để mà duyên sanh cùng nhau trong hòa-thuận. Sự **Tương-Sanh** sắp đặt có tuần-tự, có niêm luật như sau : Hỏa sanh thổ, Thổ sanh Kim, Kim sanh Thủy, Thủy sanh mộc... rồi Mộc sanh Hỏa, Hỏa sanh Thổ... cứ tương sanh mãi như vậy cho đến chết vì cao niên hay là vì bị một lý do khác.

Tương khắc. Nếu vì nội biến, hay là ngoại biến, Dương-Âm hai khi mất sự điều hòa sự thăng-bằng bị lung đoạn thì hành nọ đè nén hành kia, chúng phá lẫn nhau cho đến cùng, nghĩa là cho đến sự tang rã của Tạng Phủ của thân-thể. Nếu trong đường «Sanh» ta đã thấy sự tuần tự, thì trong đường «khắc», cũng có sự tuần-tự như vậy : Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa.

Tương Sanh dẫn tới «Thành-Trụ», Tương khắc «Hoại Không»

● Hòa mình để tồn tại

— Có mặt phải tranh đấu
Tồn tại phải hòa bình

Đó là đại-ý câu nói đầy ý nghĩa sanh-lý của giáo-sư Binet khoa-trường Đại-học-y-khoa ở Balê, chủ tịch hội quốc-tế chăm-Cứu ở Pháp-quốc. «Etre c' est lutter, Vivre c' est s'adapter.» Học thuyết của Darwin không ngoài lý tưởng ấy.

Quả tim ghép, cũng như quả tim sẵn có nằm trong lồng ngực của mỗi sanh vật, nó phải hòa bình với các tạng khác mới Sanh tồn Lược. Các tạng khác cũng hòa bình lẫn nhau mới đứng vững, khỏi bệnh hoạn. Hòa mình theo định luật tương sanh, một chủ trương Hán-y bất hủ. Khí-hóa của Tim là Hỏa. Nếu hỏa ấy thái quá thì hại đến cơ-quan hay là bộ phận khác của nhơn thân; nếu Hỏa khí bất-cập thì khí của Tim bị thương tổn, bị tắt-dập, vậy muốn có một Hỏa khí tương-đối thăng-bằng, phải chẩn-đoán Hán-y hay là chẩn-đoán tây-y. Chẩn-

đoán để biết lượng-độ hỏa khí, để mà thêm hay bớt bởi sự trị-liệu bằng thuốc hay là bởi châm-cứu.

Theo Hán-y, thì có Pháp. Vọng, Văn, Vẩn, Thiết ; theo Tây-y người ta cũng dùng như vậy. Vì bất-mạch trên cổ tay, tây-y mới học, chưa đặc-pháp, cho nên Tây-y ngày nay đã phát minh những máy điện-tử rất nhạy để bắt-mạch, để đo-lượng-độ lượng-độ Dương Âm của Phủ của Tạng. Nhờ sự cân-đo ấy, người ta làm lại, nếu cần, tình-trạng thăng-bằng

1/ giữa mỗi cặp Tạng-Phủ (Tiêu-Trường và Tim (Tâm)

2) giữa Tạng Tim (Tâm) và 4 Tạng khác : Tỳ, Phế, Thận Can ; nếu vô sự, nếu bình an thì thôi, trái lại nếu nhận thấy sự bất thăng-bằng giữa các hành (các khí) thì phải sửa sai, phải bổ khuyết ngay. Nói riêng về «quả tim ghép», nó sẽ sát hại hay nó bị sát-hại nếu nó có nhiều quá hay là ít quá Hỏa khí Trạng thái ấy đã

được chứng minh thật rõ ràng bởi những cái chết đã đến sau các cuộc giải-phẫu thay tim.

Độc các y-án về vấn đề ta được biết hai trường hợp duy vật biện-chứng rất đúng với thuyết ngũ hành tương khắc :

1) giải-phẫu hậu, chết vì thương Phế

2) giải-phẫu hậu, chết vì thương Thận.

Tại sao, Phế, Thận bị thương mà các Tạng khác không thấy bị thương ? Tại vì :

1) Hòa khắc Kim — Hỏa khí của «Tim ghép» nhiều quá, nó đốt cháy mất «Kim khí» của Phế.

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chính PENICILLINE - G

Ta con chó đã
trọc ghép tim,
đã sống của
ai Bác sĩ giải
phẫu.

GHÉP TIM

2) Thủy khắc hỏa — Hỏa khí của tim, thiếu hụt, không đủ lượng-độ để đứng vững, cho nên nó bị đập tắt bởi Thủy khí của Thận.

Hai trường hợp ấy người ta nhận xét rõ trên lá Phổi, trên quả thận và người ta đã thuật lại.



● Áp dụng y-lý Đông phương để trị liệu.

— Khí thái quá, nhiều quá gọi là *Thật*, hữu dư

— khí ít quá, không đủ gọi là *Hư* bất túc, làm ra sự trạng *Thật* Hư thì «sửa sai» lập tức:

«Hư tắc bổ kỳ mầu.

«Thật tắc tả kỳ tử.

Sửa sai theo kinh văn ấy, một kinh văn mà tất cả người làm thuốc Bắc (bốc thuốc thang, hay là làm châm cứu) đều biết.

Nếu khí hóa của Tim thiếu, không đủ, Hư, thì bổ can, tức là

bổ mẹ của tim. Nếu khí hóa của nó dư, đầy, vơi, *Thật*, thì bớt khí hóa của Tỳ, Tỳ là *con* của Tim — Làm như vậy là theo phép tương-sanh; Trong lúc ứng hộ sự tương sanh, chớ quên cái nguy-cơ của tương khắc nếu hỏa Tim thái hóa, thì sợ nó hại đến Kim của Phế, vậy phải coi chừng: phải bớt hỏa của tim (âm) của Tỳ mà phải thêm khí Kim của Phế, nếu không làm như vậy, thì Tim hỏa nó đốt Phế cho đến chết. Ở Tây Phương người ta đã thấy trạng thái «chết» này nơi các bệnh được ghép tim và đến ngày nay, người ta còn đặt nghi vấn.

Về địa-vị của các Bộ Tạng-Phủ, xin xem lại hình vẽ trong

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bào chế theo
công thức Hòa.Lan

«Phổ Thông» số vừa rồi. Xem rồi nếu quý bạn có thất mắc về ngôi thứ của các bộ phận như thận, xin quý bạn thăm hỏi các ông đồng-y gần bạn, hay là thăm đọc các sách Hán-y. Ở trong y-lý, có nhiều chỗ bí-ẩn, kể ít học như tôi, chưa giải thích được. Chưa giải thích được mà cũng thích dùng. Xưa nay người kỹ-sư điện, chưa giải được «điện» là gì, mà họ vẫn chế-tạo như đèn, quạt... ra đề mà dùng. Xin lỗi, nói bông lông, xa đề tài mất, vậy xin kết luận.

● Và để kết luận

Muốn tránh sự đào-thải của tim-ghép, nên ghép quả tim có sẵn đồng loại «huyết» và đồng «mô» với người nhận tim (même groupe de sang, même groupe de tissu). Như vậy là đồng «vật» cầu chưa đủ — Phải khí hóa tương sanh nữa mới đủ. Ở Pháp, ở Đức, một thiểu số bác sĩ nghiên cứu khí-hóa-luận của Hán-y. Ước ao rằng số người

ấy càng ngày càng đông để khai thác vẹn toàn y-lý Á-đông, ngả hầu bổ khuyết những thiếu sót của vật-hóa-luận Tây Phương. Những người được ghép tim không sống lâu như ý muốn. Họ đã từ trần vì bệnh phổi, hay là bệnh thận. Nhưng lý do của bất hạnh ấy : quả «tim ghép» không hòa mình với các tạng khác : hỏa khí của nó nhiều quá đã nung đốt phế-khí ; hay là hỏa khí nó ít quá không đủ sức chống cự với Thủy-khí của Thận ; thận dư thủy khí, mất bình thường. Chết vì phổi bệnh, chết vì thận bệnh, 2 biện chứng của thuyết «Ngũ hành tương khắc». Tương khắc là chết, Tương sanh là «hòa-mình»

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT



● HOÀNG-THĂNG

MẤY tháng nay, ngành xuất bản sách truyện đã phục hồi và biến giờ văn hùng dũng tiến lên. Nhà xuất bản đua nhau ra đời. Nhiều không... ghi kịp ! Có khi, chính tác giả tập truyện tự bỏ tiền túi ra đề in sách và cũng ghi tên nhà xuất bản và lẽ dĩ nhiên là nhà xuất bản của riêng tác giả.

— Nhà xuất bản Đại Ngã đã góp mặt với những cuốn :

«Trở về từ cõi chết» của Nguyên-Vũ. «Vuốt Mất» của Thao-Trương. «Kỹ thuật lấy

chờng» của Tô-Nọc. «Ngựa mặt» của Du-Tử-Lệ, v.v...

— Nhà xuất bản Kỹ-Nguyên có trình làng những cuốn :

«Những vấn đề hiện đại của triết học» do Mai-vi-Phúc dịch, «Văn chương tranh đấu Miền Nam» của Nguyễn-văn-Sâm. «Cõi ngoài» của Cung-Tích-Biên, v.v...

Tờ Hợp Giỏ cũng đã có những cuốn :

«Tình khúc Từ-công-Phụng nhạc» của Từ-công-Phụng. «Nạn nhân buổi giao thời». «Phân tâm

học áp dụng vào việc nghiên cứu các ngành học văn». Thơ Nguyên-Sa v.v. Và nhiều nhà X.B. khác. Hàng trăm tác phẩm mới và nhà văn mới ra đời.

Trong số những nhà văn có nhiều sách đã xuất bản từ đầu năm 1969 đến giờ phải kể tới Nguyễn-đình-Thiều. Nhà văn Không Quân này đã có sáu đứa con tinh thần rồi.

Vào đầu tháng 10-69 này, Nguyễn-đình-Thiều sẽ có thêm 2 đứa con nữa: *Vào Đêm* và *Vào vùng giông bão*. Trong khi đó, cuốn *Đợi cuối đêm* đang in và cuốn *Thúy Kiều Giao Chỉ* cũng đang... in.

— Thi-sĩ Trần-Thanh, tác giả cuốn *Khi em 19* (viết chung với nhà văn Văn-Quang) cũng đang cho in cuốn tiểu thuyết *Khuôn mặt sau lưng*. Nếu không có sự trục trặc... kỹ thuật thì đầu tháng 10 này sẽ phát hành.

— Nhà văn Hùng Phong cũng đang cho lên khuôn tập *Hẻm Chuồng Bò*, dày khoảng 200 trang. Rất có thể đầu tháng 10

này cuốn truyện nói ra lò.

— Phạm-giật-Đức cũng mới trình làng cuốn *Điệp viên Luger C. 10*. Đây là cuốn tiểu thuyết gián điệp thứ hai sau cuốn *Mặt vụ X.7 Hanoi*. Đọc truyện gián điệp của Phạm-giật-Đức, ta lại nghĩ ngay tới một tác giả nữa là *Người Thứ Tám* với nhân vật chính của ông là Z 28 Văn Bình từng được giới trẻ ưa thích và say mê.

● Ngành Điện Ảnh mới được chính một mũi thuốc hồi sinh, nên đã cựa mình... vùng dậy. Các hãng phim đua nhau thành lập. Đầu tiên là *Liên Ảnh Công Ty* do ông Quốc Phong làm tổng giám đốc. Hãng phim này đã quyết định đưa *Chân Trời Tím* của nhà văn Văn Quang lên màn bạc. Dự trù chi tiêu cho cuốn phim này chừng 8 triệu đồng. Sở dĩ tốn kém như vậy, là vì *Chân Trời Tím* là phim màu, màn ảnh đại vĩ tuyến.

«Người đẹp Bình Dương» Thầm Thúy Hằng cũng đã xin

môn bài sản xuất phim.

Trong khi các hãng phim tư nhân rục rịch hoạt động mạnh, thì Trung Tâm Điện ảnh cũng đã cho quay cuốn *Giã từ bóng tối* do Lê Quỳnh thực hiện và phim *Cúi Mặt* do đạo diễn Thân Trọng Kỳ thực hiện.

Phim *Giã từ Bình Tối* gồm có Ngọc-Phu, vai Năm tài tử chính, và cô Đàm thị ánh Minh tự Huyền Nhi, vai nữ chính, ngoài ra còn có sự góp mặt của Cô Năm Sadec, tài tử Đoàn châu Mậu và Trung Tá Trần Đỗ Cung.

Phim *Cúi Mặt* với vai nữ tài tử chính là Hoàng kim Uyên. Hoàng kim Uyên từng là Á Hạng năm 1965. Vai nam chính do Cao Huynh đảm nhận. Cao Huynh, từng tốt nghiệp trường kịch nghệ Hà Nội năm 1964. Anh là cựu cán bộ V.C. hồi chánh. Các vai phụ còn có: Trần Minh, Lý Quốc Mậu, Hoàng Ngọc, Tuấn Nghi, Lê Hiền và cô Kim Vui.

Các quan khách đã ăn mừng

cuốn phim *Giã từ bóng tối* khởi đầu quay tại nhà hàng Maxim's, còn với *Cúi Mặt* thì lại ăn nhậu mãi tận ngoài Cáp.

— Nhân «ngày Điện Ảnh 22-9-1969, Trung Tâm Quốc Gia Điện Ảnh đã cho chiếu miễn phí nhiều phim tại các rạp Rex — Casino Saigon — Kim Châu — Thanh Bình — Văn Hoa — Palace — Victory Lê Ngọc — Đô Thành.

— Về cuộc dự thi giải thưởng Văn Nghệ năm 1969 của Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu, riêng về giải Văn học, thì số tác phẩm dự thi đứng đầu thuộc về bộ môn thơ. Có cuốn dày bằng 200 trang, mà cũng có cuốn mỏng vài chục tờ.

Nghe nói đã có rất nhiều tác phẩm gửi dự thi, hầu hết là của những nhà thơ có tên tuổi trên các báo. □●



Giải thưởng Văn-học của Tổng-Thống VNCH

LTS. — Rất nhiều bạn văn nghệ viết thư hỏi chúng tôi về thể-lệ giải thưởng văn-học của Tổng-thống, chúng tôi xin đăng tải sau đây bản thông-cáo của Văn-phòng Báo-chi Tổng-thống phủ.

P.T.

ĐIỀU LỆ

Điều 1. — Giải thưởng Văn Học, nằm trong Giải Văn-Học Nghệ Thuật 1967-1969 của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa, nhằm thúc đẩy các hoạt động văn-hóa nước nhà.

Điều 2. — Đề tài tự do.

Điều 3. — Bộ môn văn-học gồm có :

- **Văn** : Truyện dài, truyện ngắn, tùy bút, kịch nói.
- **Truyện** dài tuy không hạn định số trang, nhưng không thể chỉ là một trung thiên. (nouvelle)
- **Truyện** ngắn là một tập truyện ngắn hoặc trung thiên.
- **Tùy bút** là gồm nhiều bài tùy bút, hồi ký, nhật ký.
- **Kịch nói** gồm có kịch dài hoặc một tập nhiều kịch ngắn.
- **Thơ** : Gồm : thi tập nhiều bài thơ, hoặc truyện bằng thơ kịch thơ.

— **Biên Khảo** : Gồm các vấn đề văn hóa xã hội phê bình hoặc lý-luận văn học và triết học.

Điều 4. — Một tác giả có thể được dự thi nhiều tác phẩm, ở nhiều bộ môn.

Tác phẩm đã hoặc chưa xuất bản đều được dự thi. Đã xuất bản tính từ ngày 1-1-1967 đến 30-9-1969 tính theo ngày nộp bản ở Văn-Khố-Quốc-Gia. Chưa xuất bản chỉ tính những tác phẩm nào chưa từng được giải thưởng.

Chưa xuất bản, bản thảo phải đánh máy một mặt giấy làm 2 bản, đóng thành tập, và ghi số trang.

Điều 5. — Tác giả được tự do đề bút hiệu hoặc tên thật, ngay trên tác phẩm.

Gửi qua bưu điện xin đề rõ ngoài phong bì :

«Dự thi Giải Văn-Học Nghệ Thuật 1967-1969 của Tổng-Thống, số 1 — Lê-quý-Đôn Saigon. (sẽ có biên nhận với ngày tháng).

Điều 6. — Hạn chót nhận tác phẩm 30-09-1969.

Điều 7. — Giải thưởng Văn-Học gồm có một bằng danh dự và một khoảng hiện kim chia như nhau :

Bộ môn Văn :

Giải nhất	200.000đ
Giải nhì	100.000đ
Giải ba	50.000đ

Bộ môn Thơ :

Giải nhất	200.000đ
Giải nhì	100.000đ
Giải ba	50.000đ

Bộ môn Biên-Khảo :

Giải nhất	200.000đ
Giải nhì	100.000đ
Giải ba	50.000đ

Điều 8. — Tác giả giữ nguyên bản quyền khi trúng giải. Không trúng giải, sách và bản thảo dự thi sẽ không được trả lại.

Điều 9. — Thành phần Hội-Đồng Giám-Khảo Giải-Thưởng Văn-Học gồm có (theo thứ tự ABC) :

Bộ môn Văn :

các ông Nguyễn-Mạnh-Côn, VI-Huyền-Đắc, Bình-Nguyên-Lặc, Võ-Phiến, Mai Thảo.

Bộ môn Thơ :

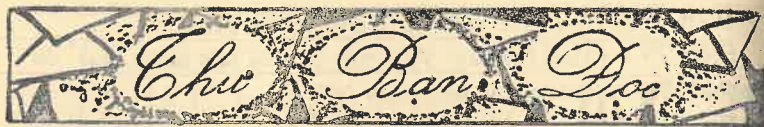
các ông Vũ-Hoàng-Chương, Bằng-Bá-Lân, Thanh-Tâm-Tuyền, Nguyễn-Vỹ.

Bộ môn Biên-Khảo :

các ông Nguyễn-Duy-Cần, Tam-Ích, Thanh-Lãng, Phạm-Đình Tâm.

Điều 10. — Kết quả của Giải-Thưởng sẽ được công bố ngày 31-12-1969.

Điều 11. — Tất cả mọi điều khoản không tiền lệ trong bản điều lệ này sẽ do Ban-Tổ-Chức và Hội-Đồng Giám-Khảo tùy nghi quyết định. Mọi chi tiết xin liên lạc với Ban-Tổ-Chức số 1 Lê-quý-Đôn.



❁ Quân nhân đảo ngũ xin ra trình diện.

Kính thưa Ông Giám Đốc

Tôi là một Cựu Sĩ quan của QLVNCH và bị giáng cấp một cách oan uổng nên tôi bất mãn và đảo ngũ năm 1967. Đến nay tôi có nghe tin thành phần quân nhân đảo ngũ bất mãn nổi trên được phép ra trình diện và phục hồi cấp bậc sau 6 tháng làm việc, nhưng hư thực thì tôi chưa được nghe hoặc đọc thông cáo đó.

Trân trọng kính xin ông giám đốc chiếu cố được cho tôi và cũng như một số quân khác trường hợp tương tự biết sự thực và thông cáo đó sớm, để chúng tôi, kịp ra trình diện. Xin cảm ơn ông giám đốc.

nay kính

Ng.M.
(Quảng Trị)

Đáp : Chúng tôi có hỏi Bộ Quốc-phòng và T.T.M. nhưng không được phúc-đáp thỏa mãn. Bạn nên liên lạc ngay với chính quyền Địa phương.



THƯ BẠN ĐỌC

❁ Noi gương Đức Phật.

của bạn TRINH-HƯƠNG. Bình-Thuận

NHÂN xem qua 2 số Phổ-Thông 228 và 229. Nhận thấy ông đã nêu lên nhiều vấn đề xây-lựng về Phật Giáo. Đánh thức những phần tử còn đang hôn-mê cảnh đời cuồng nhiệt vì xa hoa vật chất.

Vậy nay tôi kính gửi lời thăm ông được dồi dào sức khoẻ để Phụng sự cho nền văn hóa nước nhà càng thêm phát triển.

Sau đây tôi xin gửi tặng ông bài thơ :

NOI GƯƠNG ĐỨC PHẬT

Kính tặng Bác Nguyễn-Vỹ
và Phật Tử Tâm Quang

Ngày xưa, Thái tử TẮT-Đạt-ĐA,
Gắng công tu, thành PHẬT THÍCH-CA,
Cung điện, vàng son, ôi ! nghiệp chướng,
Đạo pháp từ-bi, nguyện xuất-gia,

Ngài sống trong, ngôi vị Đế-Vương,
Kẻ hầu, người hạ, với cao-lương.
Nhưng không — Ngài quyết lo tu niệm,
Cứu khổ cho đời, nợ khổ vươn.

Giờ đây những đứa con của Ngài,
Uy nghi áo mào, với cán-đai.
Nghinh ngang tử lạnh, xe du llich,

Nghiêng ngửa HONDA, chẳng kém ai!



Phật Tử chúng sinh, khuyên quý thầy,
Phù phiếm xa hoa, cố diệt ngay,
Thành tâm tu niệm, theo Đức Phật,
Hai chữ «BẢN TẮNG» chẳng đổi thay.

TRINH-HUONG
(Tuy Phong Bình Thuận)



Thơ Thu gửi Diệu-Huyền và Tương-Phổ.

của bạn Thạch-Khê, Nha trang.

Cứ mỗi mùa thu đến, em thấy lòng em buồn, em nhớ chị,
nhớ chị Tương Phổ của em nữa.

Em nhớ chị thì em lại ngâm dài «Thu về tang tóc lắm thu ơi»
của chị.

Em nhớ chị Tương Phổ: cứ mỗi mùa thu em lại ghé đến
thăm chị ở mái hiên nghèo tại Trinh Phong Nha-Trang.

Thu năm nay em không về thăm chị và chị Tương Phổ được.

Nhớ đến thu qua chị Tương Phổ gửi giọt lệ thu của chị lại
cho em. Hôm nay ở Pleiku đi «Qui Nhơn em gửi đôi vầng lục bát

và Phổ-Thông đề trình bày cùng hai chị giọt thu của em.

Chị ơi ! em khóc ai đây.
Nước thu man mác tràn đầy lệ thu.
Chị ơi gió bụi mịt mù
Biển thu dồn dập sóng thu dạt dào.
Trăng thu vàng vặc ngàn sao
Nước thu trong đục đôi màu thể lương.
Chị ơi ! tổ quốc hai đường.
Hận nhủ ai xẽ quẻ hương hai miền.
Lệ thu chị giọt triền miên.
Vì sinh vì nghĩa vì duyên trái đời.
Lệ thu em giọt chị ơi.
Vì non sông chịu tội bởi binh đao.
Lệ thu em mãi giọt trào.
Vì chung dân tộc máu đào đang hươi.
Thu về tang tóc chị ơi.
Thu về hận kẻ phân đôi sơn-hà.
Thu về máu chảy lệ sa.
Chị em gửi giọt lệ hòa khóc ai ?
Thu về em khóc chị ơi.
Khóc quẻ hương chịu cuộc đời nô vãng.
Lệ thu chị giọt khóc chồng.
Lệ thu em khóc núi sông thăm sầu.
Vì ai chị hồi lòng đau.
Vì ai dân tộc nát ngầu như tương.
Chị em mở rộng tình thương
Cung em khóc cảnh tang thương nước nhà.
Lệ thu ta giọt, giọt nhòa...

THẠCH-KHÊ
(Qui-Nhon)



Khóc Nữ-sĩ Mộng-Trung.

(Từ trần tại Paris ngày 3-9-1969)

của bạn MẠCH-QUÊ-HƯƠNG, Vĩnh-Bình.

Khóc biệt nghìn thu một bạn thơ,
Độc qua ai-tín, lệ rung mờ.
Quê hương ly cách đầu hình bóng
Đất khách vui sầu một năm mờ !
Nét bút tri giao tình vẫn đậm,
Trang thư lưu niệm mực chưa khô.
Sao người vội-vã ra đi thế ?
Vĩnh cách từ đây hết đợi chờ !



Đợi chờ tin nhận cõi trời Âu,
Qua «Giọt Thời Gian» bắt nhịp cầu.
«Giấc Mộng Xuân» nồng, chìm luyến tở,
«Hương Rừng Thu» ngọt, khách vương sầu.
«Đàn Tỳ-Bà» vọng cung ai-oán.
«Chiếc áo Thương» trao kẻ dãi-dầu.
«Đường Mộng Về Quê» chưa trở gót,
«Trên Đồi Hoa Tím» gọi hồn dẫu !

MẠCH-QUÊ-HƯƠNG
Vĩnh-Bình 10-9-1969

Những chữ trong dấu ngoặc là tựa các bài thơ trong th phẩm «Giọt Thời gian» của Nữ-Sĩ Mộng-Trung xuất bản năm 1966.



Sách Báo Mới



● Cơn Lốc. Đoàn văn

Của Như Uyên, Giáo sư Văn-chương Trung-học Lê-Văn-Trung, Tây Ninh. Tác giả xuất bản. Bản đặc-biệt, giấy blanc-lin khổ nhỏ.

● Thơ Lữ Quỳnh.

Quầy ronéo tại Ronéo Photocopie Nguyễn, 11, Nguyễn thái Học, Phan Rang. Biếu riêng các bằng hữu, không bán.

● Tình trong cửa mắt.

Thơ của Tường-Thủy. Độ 40 bài — giá 90đ — không đề ai xuất bản.

● Nét Sơn

Thi tập của ông Bút-Trà.

Nét Sơn gồm 175 bài thơ, đủ loại và đủ thể thơ : Vịnh sử, vịnh cảnh, thơ tình. Có 5 phụ-bản phụ-nữ, in màu.

Sách dày ngót 200 trang, giá mỗi quyển 100 đồng. Tác-giả xuất-bản. Địa chỉ ; nhà báo Sài-gòn Mới. Đường Phạm ngũ Lão.

Đã Phát hành

CUỘC TÌNH NGƯỜI

Thi phẩm bi thiết nhất của người lính vừa giả từ vũ khí

của CHU-TRẦM-NCUYÊN-MINH

họa : ĐÌNH-CƯỜNG

xuất bản : KỶ-NGUYỄN

Bản quý, phí tồn 200 đồng, Đ. Phạm minh Tâm, giáo sư Trung học Duy Tân Phan Rang

Phát hành đầu tháng 10-69

Thế Dững

- Dấu trường văn nghệ trẻ ý thức tự lực
- Chỗ đứng của người làm văn nghệ đích thực
 - TÔI ĐÌNH SỰ chủ xưởng
 - Thực-hiện : TRĂNG THỆ HẢI

- Với sự chung lưng thực lực của bạn hữu :

Lưu-Vân — Lâm-Chương — Lạc-Hà — Chu-Trầm Nguyên-Minh — Trưng-Ngọc-Trinh — Thụy Miên — Trần-Hoài-Thư — Lâm-Hảo-Dũng — Nguyễn-Lê-La-Sơn — Nguyễn-Bạch-Dương — Từ-kế-Tường — Mặc-Huyền-Thương — Phạm-Nhã-Dự — Nguyễn-Lan-Viêm — Nguyễn-Thành-Bá — Phạm-Thoại-Tuyền...

- Thư từ, bài vở đã tên : Trăng Thệ Hải.
- Địa chỉ : 293 Phạm ngũ Lão Sài-Gòn.



MỌI NƠI TRONG MỌI GIA ĐÌNH



Nước ngọt CON CỌP mỗi chai
là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dượt hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống Lôi Công Hoàn « Ông Tiên ». Các tiệm
thuốc có Bắc bán lẻ. Nhà thuốc Ông-Tiên » Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9-5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sớ sài ngoài da mà hết. Uống Giả
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N, BYT. số 3—9-5-63)

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.851

GIÁ : 40 đồng

Công sở : gấp đôi